



THÔNG TIN LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG



Mừng Đảng Mừng Xuân

- ◆ TÊN BÀI VIẾT NỔI BẬT
- ◆ TÊN BÀI VIẾT NỔI BẬT
- ◆ TÊN BÀI VIẾT NỔI BẬT



Một số hình ảnh về hoạt động của Nhà trường



PGS, TS Phạm Minh Tuấn, Giám đốc Học viện Chính trị Khu vực II trao bằng tốt nghiệp cho học viên lớp Đại học chính trị, chuyên ngành công tác tổ chức Khóa 69 (2018 - 2020)

TS Nguyễn Thị Tuyết Mai, Phó Giám đốc Học viện Chính trị Khu vực II phát biểu khai giảng lớp Cao cấp lý luận chính trị, hệ không tập trung C17 Lâm Đồng, Khóa học 2020 - 2022.



Đ/c Nguyễn Vĩnh Phúc, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng trao bằng tốt nghiệp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính cho học viên.





THÔNG TIN
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
 TRƯỞNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG





Hội đồng biên tập
 ThS Phạm Kim Quang
 ThS Lê Thị Thắm
 ThS Phạm Văn Biển
 ThS Đỗ Quốc Anh

Trình bày
 ThS Lê Viết Lâm
 Lưu hành nội bộ, số lượng
 250 bản, Khổ 19 x 27

Giấy phép xuất bản
 Số 09/GP-XBBT của Sở
 Thông tin và Truyền thông tỉnh
 Lâm Đồng, cấp ngày 14/8/2020

In tại
 Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt
 In xong, nộp lưu chiểu
 tháng 01 năm 2021

Địa chỉ
 Trường Chính trị Lâm Đồng
 Số 5 Khe Sanh - P10 - Đà Lạt

Điện thoại:
 0263.3822011

Email
 truongchinhtrilamdong@gmail.com

Website
<http://truongchinhtrilamdong.com.vn>

Ảnh: Hội nghị tổng kết các trường CT

MỤC LỤC



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- ❖ *Phạm Hữu Hải* - Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng 7
vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- ❖ *Lê Quang Sơn* - Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá 9
nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng.
- ❖ *Đại tá, ThS Trần Văn Dũng* - Tư duy của Đảng ta về 12
đổi mới công tác tư tưởng trong tình hình hiện nay.
- ❖ *Nguyễn Thế Nguyên* - Tìm hiểu tư tưởng của Chủ 16
tịch Hồ Chí Minh về cách mạng vô sản và sự vận dụng sáng tạo vào cách mạng Việt Nam.
- ❖ *Phạm Hồng Hải* - Một số kinh nghiệm và giải pháp 20
rút ra trong quá trình Đảng lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thời kỳ đổi mới.
- ❖ *Liễu Văn Bảo* - Lâm Đồng phát huy vai trò của tổ 24
chức cơ sở đoàn trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.
- ❖ *Nguyễn Chí Hòa* - Quyền con người - nội dung xuyên 28
suốt trong các bản Hiến pháp của Việt Nam.
- ❖ *Nguyễn Văn Phước* - Công tác đào tạo, bồi dưỡng 31
cán bộ, công chức, viên chức trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.
- ❖ *Lưu Thị Xuân* - Phát huy dân chủ với thực hành tiết 36
kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.

❖ Đoàn Quang Duy Tuấn - Nâng cao vai trò truyền thông tuyên truyền thương hiệu “Đà Lạt - kết tinh kỳ diệu từ đất lành” của giảng viên Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng.	39
❖ Đinh Công Tuyển - Phát huy vai trò của trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng trong hướng dẫn chuyên môn đối với Trung tâm chính trị cấp huyện.	42
❖ Ngô Thị Hồng Loan - Nâng cao chất lượng nghiên cứu thực tế của giảng viên Trường chính trị hiện nay.	46

MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

❖ Kiểu Hoài Sơn - Xây dựng Công đoàn Trường Chính trị vững mạnh góp phần xây dựng đảng, chính quyền vững mạnh.	50
❖ Tô Văn Bảy - Lâm Đồng phấn đấu đến năm 2025 trở thành tỉnh nông thôn mới.	53
❖ Hoàng Thị Như Quỳnh - Thực tiễn thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn ở tỉnh Lâm Đồng.	58
❖ Chu Thị Thu Trang - Tỉnh Lâm Đồng đẩy mạnh công tác cán bộ nữ trong chặng đường 10 năm thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới 2011 - 2020.	61

TIN TỨC - SỰ KIỆN

❖ Nguyễn Thị Khánh Linh - Ý nghĩa lịch sử của Ngày Tổng tuyển cử đầu tiên bầu Quốc hội Việt Nam.	66
❖ Ngô Thị Thu Hằng - Bác Hồ với Tết cổ truyền của dân tộc Việt Nam.	70
❖ Cần Hoàng Vân Hương - Giỗ tổ Hùng Vương - biểu tượng về truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam.	73
❖ Nguyễn Thị Thành Minh - Điểm tựa cho người dân vùng biên.	76
❖ Lê Viết Lâm - Một số kết quả về công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học năm 2020.	78

ĐẢNG ỦY - BAN GIÁM HIỆU - BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG

Chúc Mừng Năm Mới



Mừng xuân Tân Sửu 2021

Nhân dịp xuân Tân Sửu 2020, Hội đồng biên tập Bản tin "**Thông tin lý luận và thực tiễn**" xin gửi tới cộng tác viên và bạn đọc lời chào năm mới, lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp của các sở, ban, ngành trong tỉnh và sự cộng tác tích cực của các cộng tác viên, đến nay Bản tin "**Thông tin Lý luận và thực tiễn**" đã phát hành được 62 số, với gần 1500 bài viết, tin, ảnh của các tác giả, cán bộ làm công tác nghiên cứu và hoạt động thực tiễn; giảng viên, chuyên viên của trường Chính trị và cộng tác viên.

Bản tin là diễn đàn trao đổi nhằm làm sáng tỏ những vấn đề mà lý luận và thực tiễn cuộc sống đang đặt ra; góp phần tích cực vào việc phổ biến, tuyên truyền, giáo dục đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Bản tin cũng là diễn đàn, nơi cán bộ, giảng viên trao đổi, học tập kinh nghiệm, phản ánh mọi mặt hoạt động của Nhà trường, tỉnh nhà và của nước, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong hệ thống chính trị để từng bước đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hội đồng biên tập xin chân thành cảm ơn Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, các sở, ban, ngành trong tỉnh, các cộng tác viên và bạn đọc đã quan tâm giúp đỡ, cộng tác, cổ vũ, động viên góp phần thiết thực vào sự trưởng thành của Bản tin. Để tiếp tục nâng cao chất lượng cả về nội dung và hình thức, Hội đồng biên tập rất mong nhận được sự cộng tác và góp ý kiến của cộng tác viên cùng bạn đọc.

Nhân dịp đầu năm mới, một lần nữa Hội đồng biên tập Bản tin "**Thông tin Lý luận và thực tiễn**" xin chúc các cộng tác viên cùng bạn đọc sức khỏe, hạnh phúc và thành công./.

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC, HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO

*ThS Phạm Hữu Hải**

Năm 2020, là năm cuối của nhiệm kỳ 2015 - 2020, năm diễn ra nhiều sự kiện chính trị quan trọng, đặc biệt là việc tổ chức Đại hội Đảng các cấp trong bối cảnh kinh tế, xã hội chịu nhiều ảnh hưởng do dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động lớn đến hoạt động kinh tế, xã hội của tỉnh nói chung và hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường nói riêng.

Bên cạnh đó, số lớp đào tạo, bồi dưỡng năm 2020 tăng đột biến; đội ngũ giảng viên ở một số bộ môn, chuyên ngành còn thiếu; việc mời giảng viên thỉnh giảng ở một số phần học còn gặp nhiều khó khăn; cơ sở vật chất của nhà trường vẫn còn thiếu lại không đồng bộ. Hầu hết phòng học, phòng nghỉ của học viên, trang thiết bị, máy móc, phương tiện, chưa đảm bảo cho việc giảng dạy, học tập, sinh hoạt, tạo áp lực cho công tác quản lý và làm việc của viên chức, người lao động.

Tuy nhiên, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và lãnh đạo UNND tỉnh; sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; sự phối hợp của các sở, ban, ngành và địa phương cùng với sự đoàn kết nhất trí, khắc phục khó khăn của tập thể Đảng bộ, Ban Giám hiệu và toàn thể viên chức, người lao động Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị mà tỉnh giao.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng: Tổng số lớp được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt theo kế hoạch số 1960-QĐ/TU ngày 24/02/2020 là 73 lớp, 6.270 học viên. Nhà trường triển khai 83 lớp với 6841 học viên. Như vậy, so với kế hoạch được giao từ đầu năm nhà trường đã triển khai thực hiện vượt 10 lớp với 571 học viên.

Đối với công tác nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn đã được quan tâm triển khai, đạt được những kết quả đáng khích lệ: Tổ chức nghiệm thu và đưa vào sử dụng đề tài khoa học xây dựng phần mềm quản lý đào tạo trong Trường đã góp phần nâng cao chất lượng quản lý đào tạo. Hiện nay nhà trường đang triển khai 02 đề tài khoa học cấp cơ sở của năm 2020 và giao mới 04 đề tài khoa học cơ sở để các khoa, phòng thực hiện trong năm 2021. Cán bộ, giảng viên, chuyên viên tích cực viết bài hội thảo, tọa đàm do Trường và các cơ quan, đơn vị tổ chức. Nhà trường xuất bản 02 số Bản tin “Thông tin Lý luận và thực tiễn”; ngoài ra nhiều lượt cán bộ, giảng viên, chuyên viên viết bài cho các báo, tạp chí của tỉnh và Trung ương.

Công tác xây dựng cơ quan: Duy trì tổ chức thực hiện nghiêm túc các văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, mối quan hệ công tác giữa các khoa, phòng,... đưa các hoạt động của cơ quan đi vào nề nếp tạo được sự chuyển biến đồng bộ, xây dựng nội bộ đoàn kết thống nhất. Trong điều kiện đội ngũ giảng viên còn thiếu nhà trường đã xin chủ trương được tuyển dụng viên chức và trên cơ sở tiêu chuẩn chức danh theo quy định, nhà trường đã cử nhiều viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cả trước mắt và lâu dài.

Xây dựng kế hoạch đảm bảo công tác tài chính, trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học. Trong năm, mặc dù số lớp học nhiều, phòng học thiếu nhưng cơ sở vật chất không bị động và phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Để đạt được kết quả trên, trong điều kiện

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

vừa triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn vừa chống dịch hiệu quả, nhà trường đã điều chỉnh lịch giảng dạy linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế. Ban Giám hiệu đã có sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành đối với toàn bộ các khâu trong hoạt động của nhà trường, thể hiện được vai trò trung tâm điều phối các hoạt động của đơn vị về mọi mặt công việc và đời sống của đội ngũ viên chức, người lao động. Trong công tác lãnh đạo, quản lý đã gắn giao việc với tăng cường trách nhiệm cho cá nhân, đặc biệt là cán bộ quản lý các khoa, phòng tạo sự chủ động trong công tác; tăng cường sự phối hợp giữa các khoa, phòng trong việc thực hiện nhiệm vụ chung. Đội ngũ viên chức và người lao động đoàn kết thống nhất với quyết tâm cao, thi đua phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Các tổ chức đoàn thể trong trường hoạt động khá đồng đều và có chất lượng, duy trì thường xuyên các hoạt động văn hóa, thể thao; bảo vệ quyền lợi, quan tâm đến đời sống của công chức, viên chức; từng bước xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, tạo không khí làm việc dân chủ, động viên viên chức, người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ đồng thời tổ chức các hoạt động từ thiện thiết thực, nhân văn.

Ghi nhận kết của công tác của Trường trong năm 2020, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tặng Cờ thi đua cho tập thể Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen đơn vị có thành tích trong phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

Bước sang năm 2021, năm triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Chính trị lần thứ IX, Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh lần thứ VIII, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, Đại hội lần thứ XIII của Đảng, năm bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp và bầu cử Quốc Hội khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đồng thời là năm kỷ niệm 45

năm Ngày thành lập Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng (29/9/1976-29/9/2021), với khối lượng công việc lớn, nặng nề, để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, nhà trường cần triển khai thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tập trung triển khai hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2021 đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt; đa dạng hóa các hình thức đào tạo; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả trong công tác đào tạo, bồi dưỡng.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học, triển khai các đề tài khoa học, tổ chức các hội thảo, sinh hoạt chuyên môn, báo cáo chuyên đề đảm bảo chất lượng, phục vụ tốt cho nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng và phát hiện, đề xuất các chủ trương, chính sách theo yêu cầu nhiệm vụ tỉnh giao.

Thứ ba, làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, nhằm xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ lãnh đạo, quản lý theo hướng nâng cao chất lượng, đảm bảo về số lượng, đồng bộ về cơ cấu.

Thứ tư, tiếp tục xin chủ trương đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất theo quy hoạch đã được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt; mua mới trang thiết bị và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có nhằm đảm bảo phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Thứ năm, tổ chức các hoạt động kỷ niệm 45 năm ngày thành lập Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng nhằm giữ gìn, tổng kết, khẳng định, ghi nhận những thành tích và phát huy truyền thống 45 năm xây dựng và phát triển của trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng. Tổ chức thực hiện tốt phương hướng, nhiệm vụ của năm 2021 và các giải pháp nêu trên sẽ góp phần tạo bước chuyển biến rõ nét trong đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ quan; tạo động lực để Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao năm 2021 và những năm tiếp theo./.

*** Trưởng phòng TC,HC,TT,TL**

**ĐỔI MỚI CÔNG TÁC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NHẪM NÂNG CAO
CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG LÝ LUẬN
CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG**

*ThS Lê Quang Sơn**

Giao dục lý luận chính trị là truyền bá những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối và quan điểm tư tưởng của Đảng vào cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Đó là quá trình tác động vào đối tượng bằng cách trình bày, giải thích một cách khoa học những khái niệm, những quy luật, những quan điểm... nhằm làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nắm được những kiến thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, về đường lối, quan điểm của Đảng, nâng cao phẩm chất cách mạng và năng lực hoạt động thực tiễn của họ, hướng dẫn họ vận dụng những hiểu biết ấy vào cuộc sống.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm đến công tác giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên. Trong tác phẩm Sửa đổi lối làm việc (1947) Người viết: *“Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi”*.

Đối với vấn đề học tập lý luận trong Đảng, Bác đặt vấn đề: *“ Vì sao phải học lý luận?”*

Và Bác giải thích:

Trước hết, Đảng ta tổ chức trường học lý luận cho cán bộ là để nâng cao trình độ lý luận cho Đảng ta... để Đảng ta có thể làm tốt hơn công tác của mình, hoàn thành tốt công việc vĩ đại của mình.

Đảng ta là một Đảng Mác - Lênin, đã được rèn luyện thử thách lâu dài trong đấu tranh gian khổ, vì thế Đảng ta có rất nhiều ưu điểm, ví dụ như, trung thành với chủ nghĩa Mác -

Lênin, với tinh thần quốc tế vô sản, chiến đấu kiên quyết, nhiệt tình cách mạng dõng dạc, có truyền thống đoàn kết nhất trí. Tuy vậy, Đảng ta còn nhiều nhược điểm mà một trong những nhược điểm lớn là trình độ lý luận thấp kém.

Vì Đảng ta có nhiều ưu điểm, cho nên đã lãnh đạo cách mạng thu được những thắng lợi to lớn và căn bản. Nhưng mặt khác, vì trình độ lý luận thấp kém cho nên đứng trước nhiệm vụ cách mạng ngày càng mới và phức tạp, trong việc lãnh đạo, Đảng ta không khỏi lúng túng, không tránh khỏi sai lầm khuyết điểm”¹

Về sự cần thiết của giáo dục lý luận, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, giáo dục lý luận là nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng, yêu cầu xây dựng và phát triển Đảng và yêu cầu xây dựng con người mới. Đối với nhiệm vụ đào tạo lý luận chính trị cho cán bộ, Bác giao nhiệm vụ: *“ Trường Đảng là một trường học để đào tạo những chiến sỹ tiên tiến phấn đấu cho sự nghiệp của giai cấp vô sản. ...Việc học tập lý luận của các đồng chí không phải nhằm biến các đồng chí thành những người lý luận suông, mà nhằm làm thế nào cho các đồng chí tốt hơn, nghĩa là các đồng chí phải học tập tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin...để áp dụng...giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng của chúng ta”²*.

Nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò của công tác này, thời gian qua, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng đã chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ đảng viên thông

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

qua chương trình trung cấp lý luận chính trị và các chương trình bồi dưỡng cho cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở, coi đây là nhiệm vụ quan trọng góp phần vào công tác xây dựng Đảng. Nhờ vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị ở Trường chính trị tỉnh Lâm Đồng đã có nhiều chuyển biến tích cực, đi vào nền nếp, góp phần củng cố, nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng ở địa phương, cơ sở. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo kiện toàn tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, đầu tư cơ sở vật chất theo hướng hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Nhà trường không ngừng đổi mới hình thức, phương pháp giảng dạy lý luận chính trị, nghiên cứu nghị quyết của Đảng, đảm bảo tính nghiêm túc, khoa học và hiệu quả. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Các lớp đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện nghiêm túc nội dung, thời gian chương trình theo quy định; đã kịp thời quán triệt vào trong chương trình giảng dạy nội dung các nghị quyết, chỉ thị mới của Đảng.

Cơ chế chính sách hỗ trợ đối với giảng viên, học viên ngày càng được quan tâm. Đội ngũ cán bộ, giảng viên được kiện toàn cơ bản đáp ứng yêu cầu về số lượng và từng bước nâng cao chất lượng. Nhiều giảng viên chuyên trách, giảng viên kiêm chức đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong giảng dạy góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị hiện nay.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị vẫn còn số một tồn tại, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra, chất lượng và hiệu quả còn có phần hạn chế so với yêu cầu mới; nội dung,

chương trình và hình thức đào tạo còn nặng tính lý luận, nhẹ tính thực tiễn; một số ít cán bộ, đảng viên khi được cử đi học vẫn còn xem nhẹ việc học tập lý luận chính trị...

Một bộ phận không nhỏ mục đích đi học chủ yếu để lấy văn bằng, chứng chỉ hoàn thiện hồ sơ nhằm bổ nhiệm, thi nâng ngạch... Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên còn hình thức, điểm số chưa phản ánh được thực chất nỗ lực học tập của học viên. Ngoài ra, do tác động của mặt trái kinh tế thị trường đã và đang tác động mạnh mẽ đến tư tưởng, tình cảm và lối sống của đội ngũ cán bộ, đảng viên và có ảnh hưởng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị của Nhà trường.

Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng học tập lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên tại trường chính trị tỉnh Lâm Đồng hiện nay cần tập trung đổi mới công tác kiểm tra đánh giá chất lượng học tập của học viên tại trường theo một số giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ, giảng viên được giao nhiệm vụ làm công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên qua các kỳ thi hết phần học và thi tốt nghiệp

Để nâng cao nhận thức về hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên đến đội ngũ lãnh đạo, quản lý, giảng viên khi tham gia các kỳ coi thi giúp cho họ hiểu được tầm quan trọng của hoạt động quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên, đảm bảo hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên được công bằng, khách quan, chính xác.

Hai là, cải tiến việc đổi mới hình thức, nội dung, phương pháp trong hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên. Kiểm tra, đánh giá là khâu then chốt cuối cùng của quá trình dạy học, là khâu quan trọng tác động lớn đến quá trình nâng cao chất lượng đào tạo.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Để việc kiểm tra, đánh giá được khách quan cần đổi mới cách thức ra đề thi hết phần học và thi tốt nghiệp. Đề thi theo hướng vận dụng lý luận vào thực tiễn cuộc sống. Thông qua việc chấm bài thi đánh giá được sự nỗ lực học tập nghiên cứu lý luận của học viên, đánh giá được tính tự nguyện, tự giác, xem công tác học tập lý luận cũng là một nhiệm vụ mà người cán bộ, đảng viên phải hoàn thành cho được và kết quả đó được thể hiện thông qua bài thi. Bài thi trình bày một cách rõ ràng các quan quan điểm lý luận và có liên hệ thực tiễn công tác sát với hoạt động của cán bộ, đảng viên. Trong trình bày phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng, phải đào sâu, hiểu kỹ, không câu chữ giáo điều, rập khuôn máy móc. Khi vận dụng lý luận phải suy nghĩ kỹ càng xem nó có phù hợp thực tế không.

Ba là, nâng cao năng lực tự kiểm tra, đánh giá của học viên.

Trong quá trình dạy học, cũng như quản lý, để giúp học viên có thể tự tiến hành kiểm tra, đánh giá, chúng ta cần triển khai một số nội dung sau:

Trong quá trình xây dựng kế hoạch giảng dạy và kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, các khoa phải đưa nội dung tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên vào trong kế hoạch. Để từ đó trong quá trình giảng dạy, giảng viên phải tổ chức hướng dẫn cho học viên những kỹ năng cần thiết để học viên có thể tự đánh giá kết quả học tập của bản thân mình. Xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả học tập để học viên có căn cứ tự đánh giá kết quả học tập của bản thân. Giảng viên trực tiếp giảng dạy các môn học, bài học phải thường xuyên đặt ra những câu hỏi để định hướng cho học viên suy nghĩ trả lời, để từ đó học viên có thể biết được trình độ của bản thân đang ở mức nào và cần bổ sung thêm những kiến thức gì.

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên phải chú ý rèn luyện kỹ năng đánh giá, nhận xét lẫn nhau giữa các học viên để từ đó giúp học viên có thể tự nhận ra mặt mạnh, mặt yếu của bản thân và của các học viên khác trong lớp.

Bốn là, xây dựng quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên và xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên.

Tiếp tục xây dựng các quy định về hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên trong đào tạo. Quy định rõ các nội dung liên quan đến công tác tổ chức thi, qui trình tổ chức thi viết tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm... thi kết thúc phần học và thi tốt nghiệp; qui định về khen thưởng, xử lý kỉ luật đối với cán bộ, giảng viên và học viên có thành tích cũng như vi phạm.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo. Để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị của Tỉnh Lâm Đồng cần đổi mới đồng bộ tất cả các khâu đào tạo, trong đó đổi mới hoạt động kiểm tra đánh giá có vai trò quan trọng nhằm đánh giá thực chất, khách quan kết quả học tập của học viên. Điều này đòi hỏi từ cấp lãnh đạo nhà trường đến các khoa, phòng, giảng viên và học viên phải có quyết tâm, cách làm và kế hoạch cụ thể nhằm đổi mới nhận thức và thực hiện có hiệu quả mục tiêu đào tạo cán bộ của Đảng./.

Tài liệu tham khảo

1. Hồ Chí Minh, về Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, HN-1993, tr 147,148
2. Hồ Chí Minh, về Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, HN-1993, tr 153.

** Trưởng khoa Lý luận cơ sở*

**TƯ DUY CỦA ĐẢNG TA VỀ ĐỔI MỚI CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG
TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY**

*Đại tá, ThS Trần Văn Dũng**

Công tác tư tưởng là một bộ phận rất quan trọng trong hoạt động của Đảng; là lĩnh vực trọng yếu để xây dựng, bồi đắp nền tảng chính trị của chế độ; luôn giữ vai trò giáo dục, tuyên truyền, vận động và tổ chức nhân dân thực hiện thắng lợi các chủ trương, đường lối cách mạng. Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta luôn quan tâm đến công tác tư tưởng, nắm vững và thường xuyên củng cố vũ khí tư tưởng sắc bén trong đấu tranh cách mạng.

Đứng trước đòi hỏi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình hiện nay và kế thừa những quan điểm của các kỳ đại hội trước, Dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã có sự bổ sung, phát triển về nhận thức trong nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng về tư tưởng được xác định: “Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng, bảo đảm tính đảng, tính khoa học, tính chiến đấu, tính thực tiễn, kịp thời và hiệu quả”. Như các kỳ đại hội trước, Đảng ta quan niệm đổi mới không có nghĩa là thay đổi toàn bộ những đường lối, quan điểm, chủ trương về phương hướng, nhiệm vụ của cách mạng nước ta, mà trên cơ sở nghiên cứu, tổng kết thực tiễn đã diễn ra, nhằm rà soát, bổ sung, phát triển đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước sao cho phù hợp với thực tiễn trong điều kiện lịch

sử cụ thể, từ đó tạo ra động lực mới, sức hấp dẫn mới, bảo đảm đường lối, chủ trương đề ra luôn đáp ứng đúng và trúng nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, thật sự là “ý Đảng hợp lòng Dân”.

Để đạt mục tiêu đó, công tác tư tưởng phải đi tiên phong, phải tự mình đổi mới cả nội dung và phương thức tiến hành, không chỉ tiếp tục đổi mới, mà xác định đổi mới mạnh mẽ để nâng các hoạt động công tác tư tưởng lên tầm cao mới, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với xây dựng đất nước trong điều kiện mới. Trong đó, tập trung ở một số nội dung cơ bản, như:

Một là, nắm vững, dự báo đúng, định hướng chính xác, xử lý đúng đắn, kịp thời các vấn đề tư tưởng, bảo đảm thống nhất tư tưởng trong Đảng, đồng thuận cao trong xã hội.

Trước hết là đổi mới cách tiếp cận những vấn đề căn cốt của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những

định hướng lớn trong chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước sát với điều kiện khách quan và thực tiễn của đất nước, làm rõ nội dung thực tiễn sinh động, cần được phân tích, vận dụng, đối chiếu với tình hình cụ thể của đất nước trên mọi bình diện đời sống xã hội; đó mới tạo được tính hấp dẫn, tính thuyết phục đối với người đọc, người nghe. Đổi mới phương thức công tác tư tưởng, trước hết đòi hỏi phải khắc phục nhanh hiện tượng chủ quan, áp đặt, không nghiên cứu kỹ tâm lý, nguyện vọng của từng loại đối tượng nên chưa tạo được sự đồng thuận cao trước mỗi chủ trương, chính sách. Vì vậy, hơn bao giờ hết, việc coi trọng khảo sát, tổng kết thực tiễn, quan tâm mở rộng dân chủ, tăng cường đối thoại, khuyến khích tranh luận, phản biện xã hội... chính là những phương cách khơi gợi trách nhiệm, trí tuệ của toàn xã hội, làm cho công tác tư tưởng thật sự là của toàn Đảng, tác động mạnh



Đ/c Bùi Thắng, UVBTV, Trưởng ban Tuyên giáo TU Lâm Đồng chủ trì buổi họp báo thông tin Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI, nhiệm kỳ (2020 - 2025)

mề tới các tầng lớp nhân dân theo hướng tích cực và hiệu quả. Đó cũng là những việc cần làm ngay để góp sức hoàn thiện các văn kiện Đảng; từ đó tạo cơ sở triển khai và thực hiện có kết quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, đảm bảo bảo đảm thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận cao trong toàn xã hội.

Hai là, gắn nghiên cứu lý luận với định hướng chính sách, phát triển, hoàn thiện đường lối, chủ trương phát triển, bảo vệ Tổ quốc.

Trong hơn 30 năm, nhất là qua hai nhiệm kỳ Đại hội XI và XII của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị quan trọng trong lĩnh vực tư tưởng, mà điển hình nhất là Nghị quyết Trung ương 5 khóa X ngày 01-8-2007 về “Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu

mới”; Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22-10-2018 của Bộ Chính trị về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”. Trong Nghị quyết đó, Đảng ta đã bổ sung những luận điểm mang tính tổng kết lý luận - thực tiễn rất cao về vai trò, vị trí của công tác tư tưởng, lý luận; khẳng định đây là bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng; là lĩnh vực trọng yếu để xây dựng, bồi dưỡng nền tảng chính trị của chế độ. Công tác tư tưởng, lý luận đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là công tác của toàn Đảng, của tất cả đảng viên, trước hết là cấp ủy các cấp, các đồng chí bí thư cấp ủy, lực lượng nòng cốt, chuyên trách làm công tác tư

tưởng, báo cáo viên, tuyên truyền viên trong hệ thống chính trị với sự tham gia đóng góp của nhân dân. Công tác tư tưởng là công tác đối với con người, một nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải nắm vững những quy luật riêng của tư tưởng... Để thực hiện những quan điểm chỉ đạo đó, Nghị quyết đã nêu rõ mấy mục tiêu cơ bản: công tác tư tưởng phải góp phần củng cố, tăng cường sự thống nhất về tư tưởng, chính trị trong Đảng, sự đồng thuận về chính trị và tinh thần trong nhân dân; giữ vững và mở rộng trận địa tư tưởng của Đảng, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; góp phần tích cực và có hiệu quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; phải vượt qua tình trạng lạc hậu, khắc phục được những khuyết điểm, yếu kém kéo dài, tiếp tục đổi mới, nâng

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

cao chất lượng, hiệu quả hoạt động...

Ba là, tiếp tục nghiên cứu làm rõ hơn những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, công tác tư tưởng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, Cách mạng Công nghiệp 4.0

Tiếp tục đổi mới tư duy, tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, kịp thời làm sáng tỏ hơn những vấn đề còn chưa sáng tỏ về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về Đảng cầm quyền và công tác xây dựng Đảng; về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về tổ chức và hoạt động của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân;... Chú trọng nâng cao tính khoa học, tính thực tiễn và sự mạnh dạn khám phá, sáng tạo trong công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận, nhất là nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu dự báo chiến lược. Sớm xây dựng và ban hành quy chế dân chủ trong nghiên cứu lý luận.

Từng bước đổi mới công tác giáo dục chính trị, nghiên cứu, học tập các nghị quyết của Đảng, tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư

tưởng Hồ Chí Minh bám đảm tính định hướng, tính chiến đấu, tính thuyết phục và hiệu quả của công tác tư tưởng trong thực tiễn đời sống nhân dân. Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục cụ thể, có sức thuyết phục để xây dựng, củng cố niềm tin, giải đáp có sức thuyết phục những băn khoăn, vướng mắc, những vấn đề phức tạp, nhạy cảm và những mâu thuẫn mới nảy sinh trong quá trình đổi mới.

Coi trọng hơn công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nêu gương người tốt việc tốt, những kinh nghiệm hay những cách làm sáng tạo, phê phán những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, lối sống thực dụng. Tăng tính chủ động, tính sắc bén trong đấu tranh phòng, chống âm mưu “diễn biến hòa bình”, chống tuyên truyền phản động của các thế lực thù địch, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch; làm tốt chức năng dự báo tình hình, chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên chủ động kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, nâng cao nhận thức, tính tích cực của cán bộ, đảng viên, củng cố niềm tin của nhân dân vào đường lối đổi mới, tạo sự nhất

trí trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội.

Bốn là, đổi mới phương thức bảo đảm kinh phí, phương tiện, cơ sở vật chất, từng bước hiện đại hóa trang thiết bị tiến hành công tác tư tưởng của Đảng trong điều kiện mới

Kinh phí, phương tiện, cơ sở vật chất có ý nghĩa rất lớn, là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả và quá trình đổi mới công tác tư tưởng của Đảng. Phương tiện, cơ sở vật chất càng hiện đại, hữu dụng càng cho phép chủ thể đổi mới phát huy tối đa tác dụng, là “cánh tay” nối dài tạo, điều kiện cho đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, đảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên thực hiện nhiệm vụ, làm tăng thêm độ tin cậy, sức thuyết phục, tăng sự hứng thú trong quá trình giáo dục, tuyên truyền, giảng dạy... đối với người nghe.

Từng bước thay đổi phương thức bảo đảm kinh phí, vật tư, trang bị phục vụ công tác tư tưởng theo hướng tăng cường tự chủ tài chính và phân cấp mạnh cho cơ sở. Đồng thời khuyến khích các cơ quan, đơn vị, cá nhân tự mua sắm trang bị vật tư phục vụ công tác.

Ngày nay, trong điều kiện bùng nổ thông tin với sự xuất hiện của các phương tiện nghe nhìn hiện đại đã nhanh chóng đem đến cho cán bộ, đảng

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

viên và quần chúng thông tin nhiều chiều, phong phú; đồng thời kết quả phát triển khoa học công nghệ đã và đang tạo cho các mặt hoạt động của công tác tư tưởng khả năng phá vỡ mô thức truyền thống, đưa việc làm chủ và không chế thông tin thành một mặt trận có vai trò quyết định trên mặt trận tư tưởng. Do đó, việc đổi mới phương thức bảo đảm phương tiện, cơ sở vật chất, hiện đại hóa trang bị tiến hành công tác tư tưởng sẽ bảo đảm cho công tác tư tưởng của Đảng có được sự đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung, rộng lớn về phạm vi, nhanh về tốc độ và mạnh về cường độ. Vì vậy, cần tập trung đổi mới công tác quy hoạch, phát triển hệ thống phát thanh, truyền hình, báo chí, truyền thông đa phương tiện, công nghệ số, đảm bảo có sự vượt trội về công nghệ. Tiếp tục quản lý, khai thác và phát huy hiệu quả nguồn “tài nguyên” trên internet, mạng xã hội.

Năm là, tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ.

Thực tiễn tình hình tư tưởng đang đặt ra những yêu

cầu rất cao đối với toàn bộ các hoạt động tư tưởng. Trước hết, là sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa được khắc phục; trong Đảng đã và đang xuất hiện các ý kiến khác nhau về một số vấn đề cơ bản liên quan đường lối, chủ trương, chính sách, tác động tiêu cực tới sự thống nhất tư tưởng; trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, kể cả những lực lượng nòng cốt, gắn bó với Đảng, với chế độ đã phát sinh tâm trạng bức xúc đáng lo ngại. Trong khi đó, các thế lực cơ hội, thù địch, phản động phối hợp chặt chẽ để xuyên tạc, vu cáo, chống phá quyết liệt Đảng, Nhà nước ta trên mặt trận tư tưởng, lý luận. Hơn lúc nào hết, sự tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức công tác tư tưởng không chỉ là yêu cầu của công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế, mà còn là đòi hỏi tự thân, vì nếu không tạo ra những chuyển biến về chất, chúng ta không thể góp sức tạo ra động lực mới trên lĩnh vực tinh thần của toàn xã hội. Lẽ đương nhiên, đây là lĩnh vực mang nhiều đặc thù; theo đó với rất nhiều khó khăn, phức tạp nảy sinh; vì vậy, cần chọn lựa một số vấn đề trọng tâm để triển khai trong thời gian tới nhằm bảo đảm tính thực tiễn và tính khả thi.

Như vậy, so với các kỳ

đại hội trước, ở Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng đã *tư duy đổi mới mạnh mẽ* có nhiều sự bổ sung, phát triển cả về nhiệm vụ, giải pháp lớn công tác xây dựng Đảng, trong đó có nhiệm vụ, giải pháp coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng. Sự bổ sung, phát triển đó là vấn đề có tính quy luật, đồng thời cũng là đòi hỏi tất yếu khách quan, trước sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Nhưng trên hết vẫn là mục tiêu tăng cường công tác xây dựng, chỉ đốn Đảng. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ./.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng* (Tài liệu sử dụng tại đại hội chi bộ, đảng bộ cơ sở), Hà Nội.

2. Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X), ngày 01-8-2007 “Về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới”.

3. Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22-10-2018 của Bộ Chính trị “Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”.

* *Chủ nhiệm Bộ môn, Khoa CTĐ, CTCT, HVLQ.*

TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
VỀ CÁCH MẠNG VÔ SẢN VÀ SỰ VẬN DỤNG SÁNG TẠO
VÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Nguyễn Thế Nguyên*

Suốt một đời vì nước vì dân, con người cao cả đầy - Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho dân tộc Việt Nam một ý chí kiên cường bất khuất, cao cả đến tuyệt vời những giá trị nhân văn hình thành từ một nhân cách, một cốt cách của người cộng sản chân chính đã soi sáng con đường đấu tranh cho dân tộc, để từ đó, từ một dân tộc bị áp bức, bị giày xéo dưới chân thực dân xâm lược đã “rũ bùn” vùng lên đấu tranh giành độc lập cho non sông Việt Nam. Hơn tất cả, đó chính là con đường đấu tranh khoa học và lý luận chân chính được đúc rút ra từ thực tiễn tìm tòi, nghiên cứu, trải nghiệm của cả một quá trình gian khổ từ chính tầm nhìn của một bậc vĩ nhân - Chủ tịch Hồ Chí Minh - người đã tìm ra một con đường đấu tranh cho dân tộc - con đường cách mạng vô sản.

Chặng đường lịch sử đã ghi lại suốt một thời gian dài, dân tộc Việt Nam chìm trong vòng vây của các thế lực xâm lược, quãng thời gian



hơn 1000 năm bắc thuộc và trải qua sự xâm chiếm của Thực dân Pháp và một chế độ phong kiến mục ruỗng đã làm cho người dân Việt Nam hiểu hơn hết khát vọng được tự do và ước mơ độc lập. Chính từ những nỗi khổ cực khôn cùng đấy, truyền thống đấu tranh bảo vệ dân tộc và lòng tự tôn trong mỗi một người dân Việt đã hun đúc lên những phong trào đấu tranh quật cường yêu nước, đó là cuộc khởi nghĩa của Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa vua Hàm Nghi ra chiếu Cần Vương kêu gọi quần chúng nhân dân đứng lên đánh giặc cứu nước năm 1885; cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1885 - 1892) của Nguyễn Thiện

Thuận, Yên Thế (1885 - 1913) của Hoàng Hoa Thám, Hương Khê (1885 - 1896) Phan Đình Phùng... Tất cả các phong trào đều diễn ra sôi nổi nhưng thất bại bởi nổ ra lẻ tẻ, rời rạc thiếu đoàn kết, không có đường lối, chính sách rõ ràng... Và cũng từ đầu những năm của thế kỷ XX, những bậc sĩ phu yêu nước với tấm lòng trung trinh vì nước vì dân của mình đã ra đi tìm đường cứu nước, đó là Phan Bội Châu, là Phan Châu Trinh ... nhưng tất cả đều rơi vào ngõ cụt. Dân tộc ta, đất nước ta vẫn chìm sâu trong vòng nô lệ. Các cuộc khởi nghĩa nổ ra như những tia sáng để rồi lại vụt tắt vì sự đàn áp giã man của thực dân

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Pháp và chế độ phong kiến. Đất nước ta rơi vào sự khủng hoảng trầm trọng về đường lối đấu tranh.

Trước tình hình cách mạng nước ta khủng hoảng, bế tắc về đường lối thì lúc này nhiệm vụ lịch sử đặt ra là phải tìm một con đường cách mạng mới phù hợp hơn. Trong bối cảnh lịch sử đầy thử thách cho vận mệnh dân tộc, ngày 5 tháng 6 năm 1911- Nguyễn Tất Thành - một thanh niên Việt Nam với tâm hồn trong sáng, yêu nước thương dân - với tầm nhìn cao và một tư duy xa rộng, đã quyết tâm vượt muôn dặm trùng dương để tìm con đường cứu nước.

Chặng đường bắt đầu đi tìm ánh sáng cho dân tộc Việt Nam, cho tự do cho mỗi một người dân Việt của Người thực sự khó khăn và nhiều thử thách. Từ một phụ bếp trên một con tàu viễn dương La - tút - sơ Tơ - rê - vi - lơ, Người đã đến nhiều nước trên thế giới, làm nhiều công việc khác nhau, tiếp xúc với nhiều dân tộc thuộc địa và cả các nước tư bản, đã quan sát, tìm tòi, so sánh và lựa chọn con đường cứu nước cho dân tộc mình. Và cũng từ những quãng thời gian tìm hiểu đó, Người rút ra được một kết luận vô cùng quan trọng là ở đâu chủ nghĩa tư bản cũng tàn ác vô nhân đạo, ở đâu giai cấp công nhân và nhân

dân lao động cũng bị áp bức, bóc lột giã man. Do đó người nhận rõ *“giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước đều là bạn và chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là thù”*. Có thể nói đây là một bước chuyển biến lớn trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về kẻ thù của dân tộc cũng như là bước đầu tiên để Người trải nghiệm trên con đường tìm đường cứu nước của mình. Trong cuộc hành trình đó, Người cũng nghiên cứu, tìm hiểu sâu cuộc cách mạng của nước Mỹ nước Pháp và đặc biệt là của nước Nga. Đối với 2 cuộc cách mạng Mỹ (1776), Pháp (1789) Người nhận xét đây đều là cách mạng tư sản, cách mạng không đến nơi, đến chốn có nghĩa là cách mạng rồi mà nhân dân lao động ở đó vẫn chưa được giải phóng, vẫn còn bị áp bức và bóc lột; Người cũng khẳng định con đường cách mạng tư sản không thể đưa lại độc lập và hạnh phúc thực sự cho nhân dân các nước nói chung, nhân dân Việt Nam nói riêng. Vì vậy, sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc không thể đi theo con đường của những cuộc cách mạng đó mà phải theo con đường khác.

Ở cách mạng tháng Mười Nga (1917), Người thấy rõ đây là cách mạng đã *“thành công và thành công*

đến nơi”. Thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga là thắng lợi của chủ nghĩa Mác – Lênin, của tinh thần đoàn kết dân tộc và quốc tế cũng như của những ước mơ cao đẹp của loài người. Với thắng lợi của cách mạng tháng Mười, những tư tưởng vĩ đại của nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học từ lĩnh vực lý luận trở thành hiện thực. Từ đó Người khẳng định cách mạng Việt Nam và cách mạng các nước thuộc địa phải đi theo con đường cách mạng tháng Mười Nga. Tuy nhiên, Người cũng chưa thực sự hiểu rõ để làm được một cuộc cách mạng thành công như vậy thì cần phải hội tụ những điều kiện cần và đủ như thế nào? Lãnh đạo cách mạng ra sao Cũng trong quá trình đó, để tìm được lời giải đáp cho mình cũng như hướng đi cho toàn dân tộc, Người đã tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh sôi nổi của phong trào công nhân và Đảng xã hội Pháp và điều đó cũng được thỏa mãn khi Nguyễn Ái Quốc đã được đọc *“bản sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa”* của V.I Lênin (đăng trên báo nhân đạo năm 1920). Luận cương đã nêu lên 5 tư tưởng lớn: thứ nhất là đặt vấn đề dân tộc đi đôi với vấn đề thuộc địa; thứ hai là chỉ rõ trách nhiệm to lớn của các

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Đảng cộng sản ở các nước đế quốc là phải ủng hộ, tích cực giúp đỡ đối với phong trào giải phóng của các dân tộc phụ thuộc và thuộc địa; thứ ba là các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc không những có nhiệm vụ giải phóng khỏi ách thống trị của nước ngoài mà còn phải đấu tranh chống lại các thế lực phản động ở ngay trong nước mình; thứ tư là đề ra nhiệm vụ lớn của cách mạng thế giới - sự đoàn kết chặt chẽ giữa phong trào giải phóng các dân tộc thuộc địa bị áp bức với các nước đã làm cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công; thứ năm là quốc tế III đóng vai trò bộ tham mưu chung của cách mạng thế giới. Nước Nga Xô viết là ngọn cờ đầu, là căn cứ địa, là thành trì của cách mạng thế giới.

Có thể thấy rõ, những tư tưởng cơ bản trong “*sơ thảo luận cương*” có nhiều điểm phù hợp với tư tưởng của Người, đặc biệt là sự cảm thông, đau xót trước nỗi thống khổ của quần chúng nhân dân lao động trên khắp thế giới và sự quan tâm đến vấn đề giải phóng các dân tộc thuộc địa cũng như tinh thần đoàn kết của quần chúng nhân dân lao động. Cũng chính vì sự phù hợp trong tư tưởng cũng như cơ duyên ngẫu nhiên đó mà sau này, Người kể lại: “*Luận cương của Lênin làm cho*

tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng tối mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta””. Người có đầy đủ căn cứ lý luận và thực tiễn để khẳng định con đường giải phóng dân tộc, con đường của chủ nghĩa Mác - Lênin. Ngoài ra Người còn khẳng định: “*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*”.

Con đường cứu nước, giải phóng dân tộc theo cách mạng vô sản chính là hiện thân của cuộc cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại. Đó chính là sự hiện hữu nhất của những tư tưởng cơ bản được nêu trong bản luận cương mà Lênin đã tổng kết và cũng chính là con đường mà Người muốn tìm cho dân tộc Việt Nam, Người đánh giá cao: “*Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật... cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi lại ra sức cho công, nông các nước và dân tộc bị áp bức, các thuộc địa là cách mệnh lật đổ tất*

cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới”.

Ánh sáng cách mạng tháng Mười, ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin đã soi rọi con đường cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “*Tiếng sấm cách mạng ấy thúc đẩy những người Việt Nam yêu nước về phía Liên Xô, lý luận vĩ đại của chủ nghĩa Mác - Lênin*” có thể nói, nếu không có cách mạng tháng Mười thì cách mạng Việt Nam vẫn trong tình trạng khủng hoảng, vẫn còn trong “*Tình trạng đen tối không có đường ra*”. Thực tiễn cách mạng tháng Mười đã tạo ra sự chuyển biến về tư tưởng của Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam. Nói về sự chuyển biến này - chủ tịch Hồ Chí Minh - người tiếp thu ánh sáng của cuộc cách mạng tháng Mười, đã viết: “*Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái “cẩm nang” thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi đến thắng lợi cuối cùng*”.

Dưới ảnh hưởng của cách mạng tháng Mười, Hồ Chí Minh xúc tiến mạnh mẽ việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam. Năm 1921, Người cùng các nhà cách mạng ở các nước

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

thuộc địa lập ra “Hội liên hiệp thuộc địa”. Thông qua tổ chức này truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào các dân tộc thuộc địa và Việt Nam.

Người lập báo “Người cùng khổ”, viết bài cho các báo “Nhân đạo”, “Đời sống nhân dân”... nhằm lên án chế độ thực dân, chỉ rõ sự cần thiết phải đoàn kết giữa cách mạng chính quốc và cách mạng thuộc địa, giới thiệu cách mạng tháng Mười, về chế độ Xô Viết, về Lênin. Năm 1925, Người xuất bản tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp”, tác phẩm lý luận chính trị đầu tiên của cách mạng Việt Nam vạch rõ âm mưu, thủ đoạn, tội ác của đế quốc.

Năm 1923, Hồ Chí Minh sang Liên Xô dự Đại hội V của Quốc tế Cộng sản, Người nghiên cứu sâu sắc cách mạng tháng Mười, tìm hiểu chế độ Xô Viết và sự nghiệp xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa của nhân dân Liên Xô. Nếu trước đó, Người khẳng định cách mạng Việt Nam muốn giành thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng tháng Mười, thì sau này điều khẳng định ấy càng được củng cố vững chắc.

Nhờ ánh sáng của cách mạng tháng Mười, có Đảng lãnh đạo, có sự cổ vũ và mối quan hệ mật thiết của các phong trào cách mạng thế

giới cho nên giai cấp công nhân lãnh đạo thành công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Ở Việt Nam cùng với các đợt tập dượt chuẩn bị lực lượng, tạo thời cơ và đón thời cơ, Đảng đã lãnh đạo và tiến hành thành công cuộc cách mạng tháng Tám vĩ đại trong lịch sử dân tộc, làm lung lay thành trì của chủ nghĩa thực dân cũ và tay sai. Chứng minh chân lý cách mạng, chứng minh câu nói của Bác: “ *muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*”.

Cách mạng vô sản - cuộc cách mạng đem lại quyền làm chủ cho quần chúng nhân dân mà trước hết là vấn đề ruộng đất, vấn đề cơ bản của tất cả cuộc cách mạng. Là cuộc cách mạng triệt để nhất, đến nơi nhất, giải quyết được nhiệm vụ mà cách mạng đã đề ra từ đầu, có cơ sở xã hội và được nhân trong nước và thế giới ủng hộ. Cuộc cách mạng này đã giải quyết vấn đề khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo cho phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam. Đây là con đường phù hợp của lịch sử dân tộc Việt Nam cho đến ngày nay dân tộc ta vẫn còn đi theo con đường chân chính này - *Con đường cách mạng vô sản*.

Cách mạng vô sản Việt Nam - con đường phù hợp

của lịch sử dân tộc Việt Nam, đã được dân tộc Việt Nam và cả thế giới công nhận, nó được chứng minh bằng những thắng lợi của cách mạng tháng Tám và cuộc cách mạng đánh đuổi đế quốc Mỹ (1954- 1975). Đó là con đường mà chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “ *Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*”. Cuộc đấu tranh của nhân dân do giai cấp vô sản lãnh đạo, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác- Lênin, sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam đã lật đổ ách áp bức, bóc lột của giai cấp phong kiến và chủ nghĩa thực dân, thực sự đem lại tự do bình đẳng, quyền làm chủ cho nhân dân, ruộng đất cho dân cày. Từ đây dân tộc Việt Nam thực sự đã làm chủ được vận mệnh của mình./.

Tài liệu tham khảo:

1. Chủ tịch HCM - Nxb sự thật HN 1970
2. Đường Bác Hồ đi cứu nước - Nxb Thanh niên - HN 1979.
3. Đảng và HCM trong cuộc hành trình cùng dân tộc - Nxb lao động - xã hội.

*** Giảng viên khoa Xây dựng Đảng**

**MỘT SỐ KINH NGHIỆM VÀ GIẢI PHÁP RÚT RA TRONG QUÁ TRÌNH
ĐẢNG LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC
THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

*ThS Phạm Hồng Hải**

Hơn 90 năm thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc mà đặc biệt là quá trình Đảng lãnh đạo, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ đổi mới đã để lại cho Đảng ta những kinh nghiệm quý báu.

Trong bối cảnh hiện nay, tình hình thế giới có nhiều biến động, phức tạp và khó lường. Từ sau sự sụp đổ mô hình xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, tương quan lực lượng thế giới tạm thời nghiêng về chủ nghĩa tư bản, thế giới đi vào thời kỳ bất ổn định. Nhiều cuộc chiến tranh cục bộ đã nổ ra. Chiến tranh sắc tộc và tôn giáo xảy ra ở nhiều nước. Chủ nghĩa khủng bố phát triển, sự lộng hành của chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là Mỹ, càng làm cho sự bất ổn đó thêm sâu sắc. Cuộc cách mạng khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ, nền kinh tế tri thức đang xuất hiện cùng với quá trình toàn cầu hóa và xu hướng dân chủ hóa ngày càng dâng cao làm cho trình độ con người có

những chuyển biến về chất, tác động đến mọi quốc gia, dân tộc.

Sau 35 năm đổi mới, Việt Nam đã có những thành quả và kinh nghiệm nhất định. Môi trường và tâm lý xã hội thuận lợi hơn cho việc phát huy mọi nguồn lực để tiếp tục phát triển. Tuy vậy, do điểm xuất phát thấp, nền kinh tế phát triển chưa bền vững, nhiều vấn đề xã hội còn rất bức xúc. Các thế lực phản động quốc tế tiếp tục tăng cường hỗ trợ các phần tử xấu, cực đoan trong nước tìm cách lợi dụng các vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, dân tộc, tôn giáo hòng gây mất ổn định chính trị và tạo có can thiệp.

Đảng và Nhà nước ta đã có bước trưởng thành trong quá trình lãnh đạo và thực hiện công cuộc đổi mới, tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm quý báu, song lại phải đối mặt với nhiều vấn đề mới phức tạp. Sự suy thoái, biến chất của một bộ phận cán bộ, công chức: tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí làm suy yếu Đảng, suy yếu bộ

máy nhà nước, làm giảm lòng tin của nhân dân và là nguy cơ cho sự tồn vong của Đảng và chế độ.

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập ngày càng sâu, rộng vào khu vực và quốc tế. Hội nhập, toàn cầu hóa là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh, không chỉ tạo ra những thời cơ mà còn ẩn chứa cả những nguy cơ, thách thức lớn đối với sự nghiệp an ninh, quốc phòng của mỗi nước, nhất là những nước đang phát triển như Việt Nam. Âm mưu “*diễn biến hòa bình*” và các nguy cơ đe dọa độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, nhất là giữ vững chủ quyền biển, đảo và an ninh quốc gia đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải đồng lòng, chung sức, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Đồng thời, phải “*tranh thủ tới đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc*... Kinh nghiệm của

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

cha ông cũng như quy luật của lịch sử đã minh chứng, chỉ khi nào kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; sức mạnh trong nước với sức mạnh ngoài nước; biến được sức mạnh ngoại sinh thành sức mạnh nội sinh, thành ý chí của toàn dân tộc chúng ta mới có thể giữ gìn vẹn toàn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ vững chắc nền độc lập tự chủ và bảo vệ thành công sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng XHCN.

Trong bối cảnh mới, bên cạnh việc đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, phải lấy *“tinh thần yêu nước”* để quy tụ lòng dân, tập hợp, đoàn kết *“mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước”* nhằm *“tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc”*. Để xây dựng, củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc thì đoàn kết trong Đảng và tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân giữ vai trò hết sức quan trọng. Đoàn kết trong Đảng phải trở thành hạt nhân, chỗ dựa vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân.

Nhằm phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam: dân

giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, trong thời gian tới, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân cần tập trung thực hiện tốt những vấn đề chính sau:

Một là, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng sáng tạo chiến lược đại đoàn kết dân tộc. Đó cũng vừa là sức mạnh vừa là động lực của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Ngay từ trong quá trình đi tìm con đường cứu nước, sau khi khảo sát các cuộc cách mạng trên thế giới, Nguyễn Ái Quốc đã phát hiện: *“chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc, cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và cách mạng thế giới”*(1). Do vậy, Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã xác định con đường cách mạng Việt Nam là *“chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”*(2). Gắn mục tiêu giải phóng dân tộc với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là thành quả lý luận cơ bản đã mở ra một trang sử mới cho cách mạng Việt Nam. Xác định đúng vị trí của độc lập dân tộc và chủ

nghĩa xã hội, Đảng ta đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng.

Thực tiễn cách mạng sinh động sau khi Đảng ra đời đã khẳng định: mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là vấn đề mang tính nguyên tắc của cách mạng Việt Nam trong quá trình vận động và phát triển.

Hai là, phải tiếp tục thể chế hóa và cụ thể hóa các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc. Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nhà nước ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách về dân tộc, tôn giáo, chính sách xã hội nhằm khuyến khích, động viên, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong đó, phải có những chính sách cụ thể, quan tâm mọi mặt đối với các tầng lớp, giai cấp trong xã hội như công nhân, nông dân, trí thức, doanh nhân, thế hệ trẻ, phụ nữ, cựu chiến binh, người cao tuổi, các chính sách xã hội, nhất là các chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, những người có công với cách mạng, tạo điều kiện để

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

họ khắc phục khó khăn, đảm bảo cuộc sống, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc... Tuyệt đối tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân trong Nhà nước pháp quyền XHCN, phát huy vai trò, tạo điều kiện, cơ hội để nhân dân tham gia thảo luận, góp ý những vấn đề quan trọng của đất nước; bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Phổ biến và thực hiện tốt hơn nữa “*Quy chế dân chủ ở cơ sở*”, từng bước giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc đang đặt ra. Theo đó, các cấp ủy đảng và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết khó khăn, vướng mắc và yêu cầu chính đáng của nhân dân; tin dân và tôn trọng dân; đồng thời hoàn thiện hệ thống pháp luật để đảm bảo nhân dân thực sự làm chủ, được bày tỏ nguyện vọng của mình thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Ba là, giải quyết tốt quan hệ lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội; kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và toàn xã hội.

Tổ chức và động viên, quy tụ nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng nâng cao

đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng căn cứ kháng chiến cũ, các vùng chiến lược, vùng tôn giáo. Bảo đảm việc làm, nâng cao thu nhập, chăm lo xây dựng các công trình phúc lợi cho nhân dân. Chú trọng xây dựng nông thôn mới; nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, mở rộng và nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ cơ bản về điện, nước sạch, y tế, giáo dục, thông tin... Tôn vinh đội ngũ trí thức, có cơ chế chính sách đặc biệt để thu hút nhân tài. Tôn vinh những doanh nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển đất nước. Xây dựng ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật cho thế hệ trẻ. Tạo cơ chế, chính sách phù hợp, tạo thuận lợi cho thế hệ trẻ học tập, nghiên cứu, lao động, giải trí, phát triển trí tuệ, kỹ năng, thể lực. Thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng; hoàn thiện chính sách pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Đối với đồng bào định cư ở nước ngoài, cần hỗ trợ bà con giữ gìn và

phát huy văn hóa dân tộc, góp phần bảo hộ tính mạng, tài sản và các quyền, lợi ích chính đáng của họ.

Bốn là, tăng cường mối quan hệ bền chặt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, củng cố vững chắc “*thế trận lòng dân*”, trong đó “*Mặt trận Tổ quốc đóng vai trò nòng cốt trong tập hợp, vận động nhân dân*”.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, góp phần làm cho mối liên hệ đó ngày càng khăng khít, đảm bảo ý Đảng luôn phù hợp với lòng dân. Bằng nhiều hoạt động thiết thực cụ thể, với nhiều hình thức vận động phong phú, đa dạng thông qua các tổ chức thành viên, Mặt trận Tổ quốc phải thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước, hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước, về nhiệm vụ bảo đảm an ninh, quốc phòng; phát huy vai trò của nhân dân trong việc xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh, từ đó tạo sự đồng thuận xã hội, vận động các tầng lớp nhân dân khắc phục khó khăn, đưa đất nước phát triển.

Đề Đảng thật sự là hạt nhân lãnh đạo khối đại đoàn

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

kết toàn dân tộc thì mỗi đảng viên phải là hạt nhân lãnh đạo trong từng tập thể lao động, từng cộng đồng dân cư. Phải tiếp tục kiên trì thực hiện tốt cuộc xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đặc biệt là cần xây dựng những cơ chế cụ thể động viên nhân dân tham gia xây dựng Đảng. Đảng phải chăm lo lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Cần đặc biệt coi trọng công tác cán bộ, công tác đảng viên, để đội ngũ này xứng đáng là nòng cốt lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh.

Năm là, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cần làm tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội theo tinh thần Hiến pháp năm 2013, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12-12-2013 của Bộ Chính trị. Tăng cường giám sát để tạo sự đồng thuận, nhất trí cao, ổn định xã hội phát triển toàn diện và bền vững đất nước. Mặt trận Tổ quốc phải là chủ thể tích cực phát huy vai trò của nhân dân trong tổ chức lấy ý kiến đóng góp cho các chủ trương, chính sách của Đảng và của cấp ủy, chính quyền các địa phương, nhất là những vấn đề hệ trọng, liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích

chính đáng của quần chúng nhân dân. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần làm tốt vai trò chủ trì hiệp thương, phân công, phối hợp các tổ chức thành viên trong thực hiện giám sát và phản biện xã hội; cần huy động tối đa các nhà khoa học, những chuyên gia đầu ngành liên quan đến từng lĩnh vực để lấy ý kiến phản biện, đóng góp ý kiến, bổ sung, sửa đổi các văn bản, hoàn thiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước cho phù hợp với quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân.

Sáu là, tăng cường công tác phòng, chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch phá hoại, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cần tham gia tuyên truyền sâu rộng để mọi tầng lớp nhân dân nhận thức rõ âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch đang lợi dụng tuyên truyền xuyên tạc đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo, chính sách xã hội, chính sách đối với văn nghệ sĩ, trí thức... nhằm chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc. Từng bước tạo sự chuyển biến căn

bản trong nhận thức, nâng cao tinh thần cảnh giác, sự nhạy bén trong nhận diện và tích cực tham gia đấu tranh với những quan điểm sai trái, thù địch.

Qua 35 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, khối đại đoàn kết không ngừng được mở rộng và tăng cường, phát huy sức mạnh của cả dân tộc, thực hiện công cuộc đổi mới thành công. Trên cơ sở phát huy dân chủ, động viên tối đa sức mạnh của toàn dân tộc để huy động cao nội lực, sử dụng có hiệu quả hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp nhuần nhuyễn sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, tạo ra động lực mới, mạnh mẽ hơn thúc đẩy công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đến thắng lợi hoàn toàn./.

Tài liệu tham khảo

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2011, tập 1, tr.441.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2011, tập 3, tr.1.

* *khoa Lý luận cơ sở*

LÂM ĐỒNG PHÁT HUY VAI TRÒ
CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐOÀN TRONG ĐẤU TRANH PHẢN BÁC
CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH

ThS Liễu Văn Bảo*

Xác định nhiệm vụ đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc chống phá Đảng, Nhà nước ta của các thế lực thù địch trong tình hình mới; bảo vệ và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, là đòi hỏi khách quan, là nhiệm vụ vừa cấp bách trước mắt vừa thường xuyên, cơ bản, lâu dài của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, trong đó sự tham gia của Tổ chức cơ sở Đoàn và mỗi đoàn viên, thanh niên có vai trò hết sức quan trọng.

Lâm Đồng hiện có 596 Đoàn cơ sở và chi đoàn cơ sở với 81.739 đoàn viên. Thanh niên toàn tỉnh là 262.410 người, chiếm khoảng 30% lực lượng lao động của tỉnh Lâm Đồng. Đây là lực lượng nòng cốt của Đoàn trong tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào, cuộc vận động ở địa phương, nhất là công tác đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch chống phá



Đảng và Nhà nước.

Hiện nay các quan điểm sai trái, thù địch rất đa dạng, phong phú, vừa trực tiếp, vừa gián tiếp, vừa trực diện, vừa ẩn mình chống phá Đảng, Nhà nước ta, trong đó nổi lên những loại quan điểm sai trái, thù địch như: Tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng ta với biểu hiện rất đa dạng; chống phá sự lãnh đạo của Đảng, xuyên tạc Cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xuyên tạc lịch sử dân tộc, lịch sử Đảng, lịch sử cách mạng; bôi nhọ các lãnh tụ, lãnh đạo của Đảng; lợi dụng những sai lầm, khuyết điểm của Đảng để xuyên tạc bản chất Đảng; ca ngợi chủ nghĩa tư bản với những giá trị khác nhau của

nó... Phương thức chống phá của họ chủ yếu là sử dụng phương tiện truyền thông đại chúng, mạng xã hội, đặc biệt là xuất bản báo chí ở nước ngoài, sản xuất băng, đĩa hình chuyển về trong nước; tài trợ cho một số cơ quan báo chí nước ngoài chuyên chống phá nước ta và cấu kết với các phần tử phá hoại trong nước để thực hiện mưu đồ chống phá của chúng.

Nhận rõ âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch, hơn lúc nào hết, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được các Tổ chức cơ sở Đoàn tỉnh Lâm Đồng coi đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, thường xuyên, lâu dài và đạt được nhiều kết quả, cụ

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

thể như sau:

Một là, Tổ chức cơ sở Đoàn tỉnh Lâm Đồng đã từng bước đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đoàn viên, thanh niên, như: Tổ chức chức học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Hội LHTN Việt Nam lần thứ VIII và Nghị quyết Đại hội Hội các cấp. Tổ chức cho đoàn viên, thanh niên duy trì việc “*Tuổi trẻ Lâm Đồng học tập và làm theo lời Bác*” gắn với thực hiện chương trình “*Thấp sáng ước mơ tuổi trẻ Lâm Đồng*” bằng những tiêu chí cụ thể, phù hợp với từng đối tượng thanh thiếu nhi. Tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”; Nghị quyết hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ; Chỉ thị số 42 CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức,*



lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ, giai đoạn 2015 - 2030”; Chỉ thị 01 CT/TWĐTN ngày 17/5/2013 của Ban thường vụ Trung ương Đoàn về việc tăng cường rèn luyện tác phong, thực hiện lễ lối công tác của cán bộ Đoàn; quán triệt 4 Bài lý luận chính trị; tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị trong đoàn viên, thanh niên theo hướng trực quan, sinh động, dễ nhớ, dễ hiểu bằng nhiều hình thức phong phú thông qua mạng xã hội, website.

Hai là, Tổ chức cơ sở Đoàn tỉnh Lâm Đồng thúc đẩy các phong trào hành động cách mạng phát huy thanh niên trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc

Hiện nay nhiều phong trào trong các đối tượng thanh niên được các Tổ chức cơ sở Đoàn tỉnh Lâm Đồng triển khai mạnh mẽ, thu hút sự tham gia của đông đảo đoàn viên, thanh niên và tạo được hiệu ứng tốt đẹp trong

cộng đồng xã hội, như: Các hoạt động bảo vệ môi trường, xung kích tham gia “*Ứng phó biến đổi khí hậu*”, vận động thanh niên tham gia trồng cây, trồng rừng (đạt hơn 173.000 cây xanh), bảo vệ rừng, giữ gìn vệ sinh đường làng, ngõ xóm; thu gom, xử lý rác thải... triển khai có hiệu quả chương trình “*Bảo vệ dòng sông quê hương*”; vận động thanh niên và các tầng lớp nhân dân thay đổi thói quen, sử dụng nguồn nước sạch, hợp vệ sinh; triển khai mô hình hố rác gia đình, cầu tiêu hợp vệ sinh; duy trì và nhân rộng mô hình “*Thứ 7 tình nguyện*”, “*Chủ nhật xanh*”, “*Ngày thứ 7 dân vận khéo tham gia xây dựng nông thôn mới*”, đảm nhận đoạn đường thanh niên tự quản; xây dựng lực lượng tình nguyện xanh, tình nguyện viên trong các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phát huy vai trò của các đội hình thanh niên xung

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

kích bảo đảm an ninh trật tự, lực lượng dân quân tự vệ, các đội hình thanh niên tình nguyện, thanh niên tham gia tuyên truyền phòng, chống tệ nạn xã hội. Đồng thời lập facebook và fanpage của Tổ chức cơ sở Đoàn, được liên kết với trang thông tin điện tử, fanpage “Tuổi trẻ Lâm Đồng”, kết nối với fanpage “Góc nhìn người Đà Lạt” và “Hào khí Nam Tây Nguyên” của Tỉnh Đoàn Lâm Đồng để kịp thời cập nhật, định hướng thông tin hoạt động Đoàn - Hội - Đội cũng như đấu tranh với các thế lực thù địch trên không gian mạng.

Ba là, Tổ chức cơ sở Đoàn tỉnh Lâm Đồng tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, xây dựng chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội.

Tổ chức cơ sở Đoàn Lâm Đồng đã nghiêm túc tổ chức quán triệt, triển khai trong cán bộ đoàn, đoàn viên, tuyên truyền trong thanh niên về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trọng tâm là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, XII của Đảng, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII, Chỉ thị số 03 và 05 của Bộ Chính trị với hình thức, cách làm phong phú, có nhiều đổi mới. Đoàn đã tích cực tham mưu với Đảng sơ kết Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 của Ban Chấp



hành Trung ương Đảng (khóa X) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ, giai đoạn 2015 - 2030”. Công tác tham mưu của Đoàn với Đảng, đề xuất với chính quyền các cấp đã kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi triển khai công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi. Đến nay 100% đoàn viên đã được học tập, quán triệt các văn bản của Đảng, Đoàn. Có 217.800 thanh niên (chiếm 83%) được học tập, quán triệt các văn bản của Đảng.

Trước tình hình phức tạp hiện nay, trên thế giới xuất hiện nhiều vấn đề mới hết sức nhanh chóng, khó lường, nhất là sự chuyển giao quyền lực, chủ nghĩa dân tộc cực

đoan, chủ nghĩa dân túy, xu hướng bảo hộ đang nổi lên tác động tới tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Ở trong nước, tình trạng suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên có những diễn biến phức tạp và tinh vi... Lợi dụng tình hình đó, các thế lực thù địch càng ráo riết đẩy mạnh thực hiện “diễn biến hòa bình”, dồn dập tung ra các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc, hòng phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta mất phương hướng về chính trị, tư tưởng để chúng dễ dàng thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nội bộ ta, nhằm mục đích xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và chế độ Xã hội chủ nghĩa của chúng ta, đi theo quỹ đạo của chúng ta.... Vì vậy,

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

để tăng cường hiệu quả đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch chống phá Đảng và Nhà nước ta. Tổ chức cơ sở Đoàn tỉnh Lâm Đồng và mỗi đoàn viên, thanh niên cần phát huy tốt vai trò trách nhiệm của mình, đồng thời cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

Một là, Tổ chức cơ sở Đoàn tỉnh Lâm Đồng cần đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, lý tưởng cách mạng cho cán bộ, đoàn viên, thanh niên. Tổ chức cơ sở đoàn cần kiên trì, sáng tạo, tiếp tục triển khai, cụ thể hóa Chỉ thị số 42, Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị, các nghị quyết, kết luận, đề án của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn về tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng cho đoàn viên, thanh niên giai đoạn 2018 - 2022. Đồng thời, có kế hoạch tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới trong cán bộ, đoàn viên, thanh niên và duy trì, nâng cao hiệu quả các hình thức thi, tìm hiểu về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển các mô hình câu lạc bộ, đội, nhóm “Lý luận trẻ”.

Hai là, Tổ chức cơ sở Đoàn tỉnh Lâm Đồng cần tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ đoàn có chất lượng,

trưởng thành từ phong trào thanh niên. Thực hiện tốt tất cả các khâu của công tác cán bộ, nhất là công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh, hoàn thiện các quy chế, quy định về rèn luyện tác phong, thực hiện lễ lối công tác của cán bộ đoàn gắn với các yêu cầu chống suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Cán bộ đoàn cần tăng cường dự sinh hoạt chi đoàn ở địa bàn dân cư.

Ba là, Tổ chức cơ sở Đoàn tỉnh Lâm Đồng cần phối hợp chặt chẽ với cấp ủy Đảng, chính quyền và các ngành, đoàn thể cùng cấp tập trung làm tốt công tác định hướng dư luận xã hội cho đoàn viên, thanh niên và nhân dân, cung cấp kịp thời và đa dạng về thông tin để từ đó bác bỏ luận điệu sai trái của các thế lực thù địch. Đồng thời việc cung cấp thông tin phải đúng đối tượng, đúng thời điểm để kịp thời tác động tư tưởng đoàn viên, thanh niên chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước.

Bốn là, Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Tổ chức đoàn cấp trên để kịp thời chấn chỉnh những sai sót, hạn chế của Tổ chức cơ sở đoàn trong tổ chức triển khai, thực hiện những nội dung chỉ đạo,

chủ trương của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương Đoàn, Tỉnh đoàn Lâm Đồng, cũng như tăng cường tìm kiếm, phát hiện mô hình, giải pháp mới trong công tác Đoàn và các điển hình cán bộ, đoàn viên tiêu biểu góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Đồng thời chủ động ngăn ngừa và đấu tranh, xử lý nghiêm minh đối với những biểu hiện tiêu cực, hành vi trái quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vi phạm kỷ luật của tổ chức Đoàn.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương: *Nghị quyết 25-NQ/TW Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*
2. Ban Chấp hành Đoàn Tỉnh Lâm Đồng: *Báo cáo công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi tỉnh Lâm Đồng năm 2021.*
3. Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh: *Công tác tổ chức cơ sở đoàn*, Nhà xuất bản trẻ.

*** Giảng viên khoa Xây dựng Đảng**

QUYỀN CON NGƯỜI - NỘI DUNG XUYỀN SUỐT TRONG CÁC BẢN HIẾN PHÁP CỦA VIỆT NAM

ThS Nguyễn Chí Hòa*

Hơn 75 năm trôi qua kể từ khi bản Tuyên ngôn Độc lập vang lên giữa quảng trường Ba Đình lịch sử, song tư tưởng xuyên suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quyền con người trong bản Tuyên ngôn vẫn có ý nghĩa đặc biệt sâu sắc. Tư tưởng đó đã được kế thừa, phát triển trong nhiều bản Hiến pháp của Việt Nam. Đặc biệt, trong Hiến pháp mới nhất năm 2013, tư tưởng này đã thể hiện một cách rõ nét và đang đi vào cuộc sống thông qua các đạo luật.

Khái niệm về quyền con người ở Việt Nam lần đầu tiên được đề cập đến một cách chính thức và cụ thể nhất trong Tuyên ngôn Độc lập ngày 02/9/1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà. Mở đầu bản Tuyên ngôn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn từ Bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền năm 1791 của nước Pháp. Từ đó, Người khẳng định: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân

tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.

Điều đó cũng đồng nghĩa, một dân tộc còn bị áp bức, bị nước khác thống trị, nhân dân còn phải sống trong nô lệ và bị bóc lột thì dân tộc đó không thể có quyền con người, cũng không thể có bình đẳng, tự do. Tư tưởng này đã được ghi nhận trong Bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Hiến pháp năm 1946.

Giáo sư Trần Ngọc Đường, chuyên gia cao cấp của Quốc hội cho rằng: “Với tư tưởng đề cao nhân quyền, Hiến pháp năm 1946 đã trở thành bản tuyên ngôn về phương diện nhà nước. Nó có ý nghĩa pháp lý, trang trọng tuyên bố với nhân dân thế giới rằng người dân Việt Nam có tư cách công dân của một nước độc lập có chủ quyền. Vì vậy nội dung của quyền và nghĩa vụ pháp lý cơ bản của công dân trong Hiến pháp năm 1946 là nhằm mục tiêu bảo toàn lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ. Ba nguyên tắc xây dựng Hiến pháp năm 1946 là

đoàn kết toàn dân, đảm bảo quyền tự do dân chủ và thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân”.

Quyền con người tiếp tục được khẳng định và mở rộng trong các bản Hiến pháp 1959, 1980, 1992 (Sửa đổi, bổ sung năm 2001). Kế thừa tư tưởng của các hiến pháp trước đó về quyền con người, Hiến pháp năm 2013 ghi nhận tại Chương 2 với tiêu đề: “QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN”. Theo đó, Điều 14 quy định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.”. Như vậy, quyền con người và quyền công dân đã được hiểu ở hai nghĩa khác nhau: quyền con người và quyền công dân

là những quyền độc lập với nhau; và quyền công dân là một bộ phận của quyền con người, quyền công dân là sự biểu hiện của quyền con người, được Hiến pháp và pháp luật thừa nhận. Chẳng những Việt Nam mà cộng đồng quốc tế cũng đều mong muốn hướng tới việc bảo vệ, phát triển quyền công dân cũng như bảo vệ các giá trị về quyền con người dựa trên sự ghi nhận của Hiến pháp và pháp luật của từng quốc gia phù hợp với thông lệ và quy định mang tính quốc tế.

Nhìn ở góc độ về khái niệm, “*quyền con người*” không loại trừ và không thay thế được khái niệm “*quyền công dân*”. Hiến pháp năm 2013 đặc biệt quan tâm đặt vị trí của chương “*Quyền con người và quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân*” - Chương II. Có thể nói đây cũng chính là sự kế thừa “*vị trí*” của Hiến pháp năm 1946. Tuy nhiên, do nhiệm vụ chính trị của các thời kỳ là khác nhau nên có điều khác biệt, nếu như Hiến pháp năm 1946 đặt nghĩa vụ của công dân lên trước thì Hiến pháp năm 2013 lại đặt quyền của công dân lên trước. Một mặt điều này cho thấy quan điểm tôn trọng quyền con người, quyền công dân, một mặt cho thấy quyền và nghĩa vụ trong tất cả các thời kỳ là có mối quan hệ mật thiết với nhau,

có sự kế thừa và phát triển của Hiến pháp sau so với Hiến pháp trước.

Hiến pháp năm 2013 đã có những thay đổi hết sức quan trọng về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Lần đầu tiên Hiến pháp đã làm rõ hai khái niệm “*quyền con người*” và “*quyền công dân*”. Sự tách bạch này đã góp phần củng cố lý luận về quyền con người, quyền công dân, làm cơ sở để tiếp tục nghiên cứu về vấn đề này cũng như áp dụng vào thực tiễn. Có thể nói, Hiến pháp năm 2013 như một “*làn gió mới*” tiếp tục khẳng định chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, tiếp thu có chọn lọc phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam đối với các quy định về quyền con người trong các văn bản pháp luật quốc tế, ghi nhận một số quyền mới cụ thể, thể hiện hóa nguyên tắc “*công dân được làm những gì mà pháp luật không cấm*” trong lĩnh vực kinh doanh tại Điều 33 “*mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm*”. Bên cạnh đó, Hiến pháp cũng bổ sung cơ bản cơ chế đảm bảo cho việc thực hiện quyền công dân và giữ nguyên phần nghĩa vụ, tuy nhiên có sự thay đổi về cách bố trí vị trí của phần nghĩa vụ, theo đó một phần nghĩa vụ được đặt lên trước

(Điều 15) liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ giữa công dân với công dân, giữa công dân với Nhà nước. Cách bố trí này có phần giống với cách bố trí của Hiến pháp năm 1946, phần còn lại bố trí phía sau (Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 47...). Ngoài ra cách thứ ba vẫn lồng ghép nghĩa vụ vào quyền của công dân như “*quyền và nghĩa vụ học tập*”, “*quyền và nghĩa vụ lao động*”... Bên cạnh đó, Hiến pháp năm 2013 cũng ghi nhận lại những quyền và nghĩa vụ mà Hiến pháp năm 1992 đã ghi nhận bằng cách ghi nhận đổi mới theo hướng vĩ mô, tinh gọn, bao quát vấn đề hơn cách ghi nhận của các bản Hiến pháp trước đó.

Có thể nói Hiến pháp 2013 có một bước tiến rất xa so với các bản Hiến pháp trước đây về quyền con người. Hiến pháp đã khẳng định quyền con người là quyền đương nhiên và chỉ có thể bị hạn chế bởi 4 lý do: An ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, đạo đức, sức khỏe cộng đồng.

Bên cạnh việc khẳng định những quyền cơ bản của con người, Hiến pháp cũng đặt ra nội dung kiểm sát chặt chẽ hơn những hoạt động hạn chế quyền con người.

Sau khi Hiến pháp 2013 được thông qua, rất nhiều Luật được rà soát để sửa đổi, bổ sung các điều khoản liên

quan đến quyền con người. Trong các dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi), Bộ luật Tố tụng Hình sự (sửa đổi), Bộ luật Dân sự (sửa đổi), Bộ Luật tố tụng Dân sự (sửa đổi) đang được Quốc hội xem xét để thông qua thì định hướng đầu tiên sửa đổi là bảo đảm quyền con người như quy định Tòa án không được từ chối yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có luật; bảo đảm quyền tự bào chữa của công dân; hạn chế hình phạt tử hình...

Bên cạnh đó, các luật về tổ chức bộ máy Nhà nước như Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Quốc hội; Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Tổ chức Viện Kiểm sát, Tổ chức Tòa án... cũng chứa đựng các điều khoản liên quan đến quyền con người. Nhiều dự án Luật đang được xây dựng như dự án Luật Tiếp cận thông tin, Luật Báo chí, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo cũng đã ghi nhận và bảo đảm quyền con người như tạo cơ chế thuận lợi để người dân được tiếp cận thông tin; bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, quyền tự do báo chí...

Nguyên Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng đã nhấn mạnh: “Quốc hội khóa 13 đang nỗ lực để hoàn thành cơ bản việc ban hành các đạo luật cần thiết để thực thi Hiến pháp 2013, nhất là về quyền

con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân...”.

Với việc tích cực triển khai xây dựng và ban hành các văn bản Luật nhằm cụ thể hóa Hiến pháp 2013 về quyền con người đã cho thấy những nỗ lực của Việt Nam trong việc tôn trọng và bảo đảm quyền con người.

Tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, hơn suốt hai mươi năm qua các quyền con người được tôn trọng, bảo vệ và thực thi thông qua việc ghi nhận nội dung quyền con người và quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong các bản Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ, đã thể hiện rõ quan điểm của Đảng và nhân dân Việt Nam về sự quan tâm có tiếp thu, kế thừa những quan điểm, giá trị tiến bộ của truyền thống dân tộc, của thế giới, cùng những kinh nghiệm lập hiến, lập pháp của các nước tiên bộ, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội nước nhà.

Với phương châm “*tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân*” đã được thể hiện ngày càng đầy đủ hơn về những nội dung liên quan quyền con người và

quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong các bản Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ đã chứng minh Việt Nam luôn quan tâm đến công dân cũng như luôn quan tâm đến việc phát triển con người Việt Nam, phù hợp với cách tiếp cận của Liên hợp quốc trong việc thực hiện quyền con người nhằm xây dựng, kết nối quan hệ đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng phát triển bền vững vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Để bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam bên cạnh việc nghiên cứu góp phần làm rõ những quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền công dân, thiết nghĩ chúng ta phải hoàn thiện tất cả các văn bản quy phạm pháp luật từ Luật, pháp lệnh đến các văn bản dưới luật theo tinh thần về quyền con người, quyền công dân đã được ghi nhận trong Hiến pháp, đồng thời mọi cơ quan nhà nước, tổ chức khi thực hiện mọi hoạt động cần phải tôn trọng, bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Bởi, tôn trọng quyền con người, đấu tranh vì quyền con người chính là khát vọng của dân tộc ta, là mục tiêu phấn đấu của Đảng ta trong suốt tiến trình lãnh đạo cách mạng./.

* *Giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật*

**CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC,
VIÊN CHỨC TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP
4.0 HIỆN NAY**

Nguyễn Văn Phước *

Bác Hồ là người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta. Hơn ai hết, Bác Hồ rất quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Theo Bác *“Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”*^[1] và *“Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”*^[2]. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế, nhất là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0) đang diễn ra thì yêu cầu ngày càng xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đảm bảo *“Có phẩm chất chính trị tốt, tuyệt đối trung thành với tổ quốc, với Đảng, hết lòng phấn đấu vì lợi ích của nhân dân, của dân tộc, có bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước những khó khăn, thử thách, có năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao, có nhân cách và lối sống mẫu mực, trong sáng; có ý thức tổ chức kỷ luật cao, tôn trọng tập thể, gắn bó với nhân dân”*^[3] là nhiệm vụ thường xuyên và liên tục trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cần phải có những phương thức, nội dung và

phương pháp mới, phù hợp để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

1. Tác động cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hiện nay

Theo dòng lịch sử thì thế giới đã và đang trải qua bốn cuộc cách mạng công nghiệp. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra từ năm 1784 bằng sự ra đời của động cơ hơi nước, chuyển từ thủ công sang sản xuất cơ khí. Cuộc cách mạng lần thứ hai diễn ra từ năm 1870 đến trước chiến tranh Thế giới lần thứ nhất với sự phát triển của ngành điện, vận tải, ngành hóa học, ...chuyển từ sản xuất hàng hóa giản đơn sang sản xuất hàng hóa bằng máy móc. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba xuất hiện từ năm 1969, với sự ra đời ngành công nghệ thông tin, điện tử và nhằm tự động hóa sản xuất, sự hỗ trợ vật liệu siêu dẫn, máy tính và Internet. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư bắt đầu vào đầu thế kỷ XXI với đặc trưng là sự kết hợp các công nghệ trong các lĩnh vực vật

lý, công nghệ và sinh học; sự kết hợp công nghệ cảm biến mới, điện toán đám mây và kết nối Internet vạn vật, công nghệ nano và vật liệu tạo ra các cấu trúc vật liệu mới ứng dụng rộng rãi trong đời sống, trí tuệ nhân tạo và điều khiển học cho phép kiểm soát từ xa.

Hiện nay, tốc độ lan tỏa của CMCN 4.0 đối với nền kinh tế rất lớn, ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; làm thay đổi thị trường lao động trong tổ chức, đơn vị; làm thay đổi mạnh mẽ nhu cầu về chất lượng nguồn nhân lực. Những tác động cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến công tác ĐTBĐ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đó là:

** Đối với phương thức, nội dung đào tạo, bồi dưỡng*

Hiện nay, nước ta có tỉ lệ sử dụng Internet chiếm khoảng 70% dân số, đứng thứ 18/20 quốc gia có số người sử dụng Internet lớn nhất thế, đứng thứ 8 khu vực Châu Á và đứng thứ 3 khu vực Đông Nam Á^[4] đã tạo ra nhiều cơ hội tiếp cận các dịch vụ thông qua hệ thống Internet, nhất là dịch vụ về đào tạo, bồi dưỡng. Nhiều



Trường Đại học, các Trung tâm đào tạo đã trang bị các hệ thống thông tin để áp dụng, mở rộng các hình thức đào tạo từ xa, đào tạo trực tuyến (E-Learning) cho người học. Vì vậy, các cơ sở ĐTBĐ cho đội ngũ CBCCVC, các Trường đào tạo cán bộ, hệ thống các Trường chính trị, trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện,... cũng cần áp dụng phương thức mới trong hoạt động ĐTBĐ. Qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ CBCCVC tiếp cận trong việc nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; giúp các cơ sở ĐTBĐ tiết kiệm chi phí; hoàn thành kế hoạch ĐTBĐ trong điều kiện khẩn cấp như dịch bệnh, thiên tai.

Trong hoạt động quản lý và dạy học: CMCN 4.0 cũng tạo ra bước đột phá trong việc phát triển mạnh các thiết bị thông minh, Smart phone,

phòng học thông minh, ... Nhờ vậy, người giảng viên, báo cáo viên có thể truyền đạt những kiến thức bằng phương pháp mới, phương pháp tích hợp giữa truyền thống với sự trợ giúp các thiết bị thông minh. Người quản lý, bộ phận chức năng cũng có thể quản lý lớp học, quản lý học viên từ xa thông qua hệ thống camera giám sát, thiết bị tự động. Người học, học viện sử dụng các smart thông minh trong việc tra cứu các tài liệu một cách nhanh chóng, giúp cho việc học được thuận lợi; học viện tiếp cận tri thức mới hiệu quả; tạo bước đột phá trong hoạt động dạy học tại các cơ sở ĐTBĐ nói chung, nhất là các cơ sở đào tạo bồi dưỡng CBCCVC.

Về nội dung đào tạo:
cuộc CMCN 4.0 đòi hỏi con
người cần có đủ kiến thức
cơ bản trên các lĩnh vực đòi

sống, cần có các tri thức và kỹ năng liên quan tới nhận thức, tư duy hệ thống, tư duy phản biện, khả năng ứng phó với sự thay đổi, năng lực làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp, ứng xử, giải quyết xung đột, ... Vì vậy nội dung đào tạo cần đổi mới, không chỉ căn cứ vào giáo trình, tài liệu, .. mà cần chú trọng tới nhu cầu, nhiệm vụ từng đối tượng, kiến thức thực tế từng chức danh, vị trí việc làm của đội ngũ CBCCVC.

Như vậy, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 góp phần tạo ra những phương thức, nội dung đào tạo, bồi dưỡng mới. Tuy nhiên, trên thực tế hệ thống các Trường chính trị, các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, các cơ sở ĐTBĐ cho CBCCVC vẫn còn chậm trong việc đầu tư xây dựng hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin, những tiến bộ khoa học chưa nhiều;

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

phòng học thông minh chưa có; thư viện điện tử hầu hết chưa được trang bị, chưa áp dụng hình thức đào tạo trực tuyến.

** Đối với hình thức tổ chức dạy học*

Vận dụng cách mạng công nghiệp 4.0, đòi hỏi người giảng viên, báo cáo viên là những người định hướng, tác nhân tích cực tới học viên thông qua việc tìm tòi các phương thức mới hỗ trợ học viên phát triển các kỹ năng học tương tác và học độc lập. Người giảng viên áp dụng công nghệ để đưa ra các mô hình minh hoạt ảo, đào tạo mô phỏng, số hóa vào nội dung bài học, làm cho học viên dễ tiếp thu bài giảng tốt nhất. Đồng thời, cũng có thể ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá chất lượng học viên bằng hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính, giảm được chi phí trong việc tổ chức dạy học.

Hiện nay, các Trường chính trị, các cơ sở ĐTBĐ các bộ, công chức, viên chức cũng chưa áp dụng rộng rãi việc tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính, cũng như ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tạo ra mô hình đào tạo mô phỏng, số hóa nội dung bài giảng chưa có; để tạo những điều kiện tốt nhất cho giảng viên và học viên trong hoạt động dạy học.

** Nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức*

Việc ứng dụng các phần mềm quản lý cho thư viện, dữ liệu người học, dữ liệu cán bộ, giảng viên, hồ sơ công việc thiết lập hệ thống thư điện tử sẽ tạo thuận lợi trong việc tương tác, trao đổi giữa học viên và cơ sở đào tạo, giữa các giảng viên trong nội bộ cơ sở đào tạo hoặc giữa các giảng viên trong hệ thống các cơ sở đào tạo. Áp dụng hình thức học trực tuyến sẽ giải quyết được tình trạng khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra, giảm bớt được chi phí trong đào tạo, bồi dưỡng. Trên thực tế, nhiều trường Đại học, Học viện đã triển khai phổ biến. Tuy nhiên, các cơ sở ĐTBĐ cũng chỉ sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, hệ thống mail công vụ.

Hệ thống phần mềm, máy tính, thiết bị thông minh sẽ giảm bớt các thủ tục cần thiết trong hoạt động quản lý đào tạo, giúp nhà quản lý điều hành, chỉ đạo, ra quyết định và kiểm soát công việc một cách kịp thời, tiết kiệm như: quy trình xử lý văn bản, chữ ký số, ...; buộc cả người quản lý, giảng viên, học viên phải biết sử dụng; nâng cao được tính chuyên nghiệp trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; đáp ứng yêu

cầu trong tình hình mới. Đồng thời, CMCN 4.0 với yếu tố cốt lõi là vạn vật kết nối sẽ giúp giảng viên dễ dàng hơn trong nghiên cứu, chia sẻ thông tin khoa học liên quan đến chuyên ngành giảng dạy hay sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại, phù hợp. Đòi hỏi, người giảng viên phải tinh thông về chuyên môn, nghiệp vụ và có kinh nghiệm trong thực tế, nhất là biết cách sử dụng thành thạo công nghệ thông minh vào trong bài giảng.

Cho nên, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào tất cả các khâu ĐTBĐ sẽ nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác ĐTBĐ, giúp tiết kiệm chi phí, nâng cao khả năng tự chủ tài chính của các cơ sở ĐTBĐ, cải thiện được đời sống.

2. Một số giải pháp trong việc nâng cao chất lượng ĐTBĐ cán bộ, công chức, viên chức trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần 4.0 hiện nay.

Dựa trên những tác động cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội. Để nâng cao chất lượng ĐTBĐ cán bộ, công chức, viên chức trong điều kiện mới, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, không ngừng nâng cao nhận thức những tác động cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

Tác động cách mạng công nghiệp 4.0 rất lớn. Vì vậy, tất cả mọi người; người lãnh đạo, quản lý; đội ngũ giảng viên, báo cáo viên; học viên không ngừng nâng cao hiểu biết về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 thông qua hệ thống thông tin, qua các tạp chí, hệ thống báo chí, đài phát thanh, truyền hình, ... Qua đó, người quản lý, lãnh đạo có cái nhìn toàn cục những khó khăn trong công tác ĐTBĐ thời kỳ công nghiệp 4.0 để quá trình soạn thảo, ban hành nội dung, kế hoạch và tổ chức thực hiện về công tác ĐTBĐ cho đội ngũ CBCCVC ở các cơ sở ĐTBĐ mang lại hiệu quả nhất.

Hai là, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, báo cáo viên và cán bộ quản lý.

Trong bối cảnh nền kinh tế tri thức, hoạt động dạy học sử dụng nhiều phương pháp nhưng cần lấy người học làm trung tâm, chất lượng dạy học phụ thuộc vào chính kết quả đánh giá học viên. Giảng viên, báo cáo viên là người truyền đạt tri thức tới học viên. Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu trong thời đại mới, người giảng viên phải có đủ năng lực mới, chất lượng về nội dung bài giảng, đa dạng về hình thức lên lớp, am hiểu về kiến thức thực tiễn và biết sử dụng các thiết bị thông minh trong công tác

dạy học. Người giảng viên phải biết số hóa nội dung bài giảng, sử dụng những mô hình ảo minh họa, để học viên tiếp thu bài nội dung bài giảng dễ dàng. Cho nên, giảng viên không ngừng tự học để nâng cao nhận thức, đạo đức và các kỹ năng trong dạy học. Bên cạnh đó, các cơ sở đào tạo cần tổ chức các khóa ĐTBĐ về nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, kết hợp giữa phương pháp truyền thống và hiện đại cho đội ngũ giảng viên, báo cáo viên.

Hiện nay, học viên là đội ngũ CBCCVC đã được trang bị hệ thống các thiết bị thông minh, smart thông minh, ... có kết nối hệ thống Internet toàn cầu. Cho nên, việc truy cập dữ liệu, tra khảo dữ liệu đa dạng và chính xác. Vì vậy, giảng viên, báo cáo viên cần tinh gọn nội dung kiến thức, dẫn chứng chính xác, mô hình minh họa phải rõ ràng, sinh động và thực tế để học viên tiếp nhận, tạo hiệu quả trong hoạt động dạy học.

Cán bộ quản lý không ngừng nghiên cứu công tác ĐTBĐ cho đội ngũ CBCCVC nhu cầu thực tế cần gì; đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ hay về các kỹ năng mềm trong hoạt động thực thi công vụ, ... Qua đó, tham mưu cấp có thẩm quyền để ban hành những nội dung, chương

trình, kế hoạch sát với thực tế và mang lại hiệu, nâng cao được chất lượng đội ngũ CBCCVC trong tình hình mới.

Ba là, đổi mới hoạt động đào tạo, bồi dưỡng

Nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC chính là nâng cao chất lượng hoạt đào tạo, bồi dưỡng. Muốn như vậy, đội ngũ CBCCVC không thể chỉ tham gia một khóa ĐTBĐ về trình độ lý luận chính trị mà còn phải tích cực tham gia các khóa bồi dưỡng theo ngạch, theo chức danh, theo vị trí việc làm, các khóa bồi dưỡng về kỹ năng. Do đó, các cơ sở ĐTBĐ cần nghiên cứu để đa dạng hóa các loại hình đào tạo, bồi dưỡng.

Tập trung bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, lãnh đạo về những chuyên đề khái quát, có tầm chiến lược, mang tính định hướng. Đội ngũ công chức, viên chức làm công tác chuyên môn cần mở các lớp về kỹ năng trong hoạt động thực thi công vụ, mở lớp nâng cao chất lượng chuyên môn theo từng chức danh, vị trí việc làm, lớp cập nhật kiến thức trong tình hình mới.

Xây dựng nội dung, chương trình ĐTBĐ theo hướng từng đối tượng, định hình chuẩn đầu ra. Nội dung ĐTBĐ cho CBCCVC cần có trong điều kiện mới như: khả năng tư duy hệ thống, xử lý thông tin đa chiều, kỹ năng

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

ứng phó với sự thay đổi, kỹ năng xử lý thông tin truyền thông phải được tính đến trong thiết kế khung năng lực. Đồng thời, phải thường xuyên đánh giá tổng kết sau mỗi lớp ĐTBĐ, để thực hiện tốt hơn các lớp sau.

Trong hoạt động tổ chức thực hiện, cần thực hiện nghiêm các quy định pháp luật liên quan từ khâu chiêu sinh mở lớp; triển khai nội dung ĐTBĐ tránh tình trạng cắt giảm để chạy theo tiến độ, chỉ tiêu.

Đổi mới công tác thi, kiểm tra, đánh giá theo hướng đa dạng các hình thức; tổ chức thi trắc nghiệm trên máy; kết hợp đánh giá học viên qua điểm thi, kiểm tra và coi trọng việc rèn luyện, tu dưỡng.

Bốn là, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại

Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng không ngừng đầu tư, hiện đại hóa cơ sở vật chất, các trang thiết bị thông minh, có định hướng xây dựng các phòng học thông minh, trang bị camera giám sát,... để áp dụng phương thức ĐTBĐ từ xa, trực tuyến, đa dạng hóa loại hình ĐTBĐ, để hoàn thành chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ đạt hiệu quả cao nhất. Tuy nhiên, hiện nay trước ảnh hưởng của đại dịch Covid -19, các cơ sở ĐTBĐ cần tự cân đối nguồn thu chi

và kết hợp xin nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ tài chính và cần xây dựng kế hoạch, lộ trình trong việc hiện đại hóa cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu tình hình mới.

Năm là, nâng cao nhận thức, ý thức tổ chức kỷ luật đối với học viên

Chương trình, nội dung ĐTBĐ có tốt đến đâu, bài giảng giáo viên có hay, cơ sở vật chất trang bị đầy đủ, ... Nhưng học viên là đội ngũ CBCCVC không ý thức trong việc lắng nghe, không phối hợp thì hiệu quả dạy học không đạt. Vì vậy, học viên cần tuân thủ các quy định của cơ sở ĐTBĐ, các quy định của nhà nước về đào tạo bồi dưỡng. Cần phải ý thức trong việc tự học và tập trung lắng nghe bài giảng, phối hợp với giảng viên để giải quyết vấn đề bài học, sử dụng các thiết bị thông minh đúng mục đích. Qua đó, nâng cao được kiến thức, trình độ nhận thức, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đất nước ta ngày càng phát triển, bước vào thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Vì vậy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là yêu cầu cấp thiết hiện nay. Công tác đào tạo bồi dưỡng, nhất là đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức là then chốt. Đổi mới phương pháp, nội dung, hình thức ĐTBĐ, nhất là việc ứng dụng khoa

học công nghệ, công nghệ thông tin là yêu cầu trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tại các cơ sở ĐTBĐ. Chào mừng sự thành công Đại hội Đảng các cấp và hướng tới Đại hội Đảng lần thứ XIII, trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng từng bước hoàn thiện và nâng cấp cơ sở vật chất, các trang thiết bị thông minh; nội dung đào tạo, bồi dưỡng theo đúng quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; xây dựng chương trình, kế hoạch ĐTBĐ bám sát tình hình thực tế địa phương. Qua đó, nâng cao chất lượng đội ngũ CBC-CVC tỉnh Lâm Đồng để đảm nhận những nhiệm vụ, công việc trong điều kiện mới, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam ngày càng phồn vinh, giàu đẹp.

Tài liệu tham khảo

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr.267.
2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - sự thật, 2011, t.5, tr. 280.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb CTQG, H.2006, tr.136.
4. <https://vnetwork.vn/news/thong-ke-internet-viet-nam-2020>

** Giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật*

PHÁT HUY DÂN CHỦ VỚI THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ

ThS Lưu Thị Xuân*

Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa mà còn là động lực, là mục tiêu của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Kết quả quan trọng nhất của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động khác thiết lập được quyền lực chính trị của mình, tức là thiết lập được một nền dân chủ mới - nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nền dân chủ đó trở thành điều kiện chính trị tiên quyết, chủ yếu của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động khác trong sự nghiệp cải tạo triệt để xã hội cũ và xây dựng thành công xã hội mới - xã hội công sản chủ nghĩa. Do đó, xây dựng và thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa cũng chính là quá trình dân chủ hóa sâu rộng đời sống xã hội.

Đảng ta luôn coi trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân nên đã đưa cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đặc biệt là thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống Đế quốc Mỹ, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước và thực

hành thành công công cuộc đổi mới, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế, phát triển ở một tầm cao mới.

Theo tiếng Hy Lạp thời cổ đại, dân chủ là Demoskratos, nghĩa là quyền lực thuộc về nhân dân, quyền lực của nhân dân là tối cao. Theo Hồ Chí Minh dân chủ là dân là chủ và dân làm chủ, Người chỉ rõ: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”, và Người yêu cầu: “Nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận của nhân dân”, có nghĩa ở đây là nói đến địa vị của nhân dân và trách nhiệm của nhân dân, quyền lực thuộc về nhân dân và quyền lực của nhân dân là tối cao.

Dân chủ được thể hiện như: tự do, bình đẳng, công bằng. Ở nơi nào có tự do, bình đẳng, công bằng thì ở đó có dân chủ vì ở đó quyền lực mới thuộc về nhân dân. Ở từng cơ quan, đơn vị dân chủ chính là quyền lực thuộc về tất cả các thành viên trong cơ quan, đơn vị đó, mọi người đều có quyền tự do, bình đẳng như nhau và được hưởng thụ theo phần đóng góp của mình, tức là công bằng. Tự

do ở đây là phải hiểu tự do trong khuôn khổ của pháp luật, của nhà nước và của cơ quan, đơn vị, chứ không thể là tự do vô chính phủ, ai thích làm gì thì làm.

Hồ Chí Minh đã từng nói rằng, dân chủ là “chìa khóa vạn năng để giải quyết mọi khó khăn”. Ngày nay trong việc chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí thì dân chủ ngày càng phải được phát huy.

Việc phát huy dân chủ với thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí có mối quan hệ biện chứng lẫn nhau. Muốn thực hành tiết kiệm thì phải phát huy dân chủ, vì phát huy dân chủ mới lắng nghe, tập hợp được các ý kiến đóng góp của nhiều người với nhiều góc độ khác nhau thì mới hiểu đúng người, đúng việc mà huy động các nguồn lực sử dụng cho phù hợp; phát huy dân chủ chống quan liêu, lãng phí không tạo ra kẽ hở sẽ chống được quan liêu, lãng phí, tham nhũng. Do vậy, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí luôn đi liền với đấu tranh chống tham ô, tham nhũng. Không thể thực hành tiết kiệm, không thể chống được lãng phí nếu

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

không chống tham ô, tham nhũng. Ngược lại, không thể chống được tham ô, tham nhũng nếu không thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Hai cuộc đấu tranh này luôn song hành cùng nhau và điều kiện để thực hiện chúng là phải phát huy dân chủ. Thực hiện được dân chủ là phải thực hiện dân chủ trên nhiều mặt đó là dân chủ trên lĩnh vực kinh tế và chính trị, mới tạo ra được công bằng trên tất cả các lĩnh vực, thực hiện được công bằng thì xã hội mới văn minh. Để thực hiện được những vấn đề đó đòi hỏi cán bộ, công chức, viên chức chúng ta, ngoài phẩm chất đạo đức thì phải có năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt, cần phải thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính thì mới có năng lực, trình độ và phẩm chất đạo đức tốt mới có chí công vô tư. Đây là điều kiện quan trọng để chúng ta hoàn thành được nhiệm vụ được giao nhằm đáp ứng được yêu cầu nguyện vọng của nhân dân. Đồng thời mới xây dựng được một hệ thống chính trị trong đó các tổ chức là của dân, do dân và vì dân, mới đảm bảo được vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản và sự quản lý của nhà nước trong việc xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh”. Hiện nay việc chống quan liêu, tham nhũng,



lãng phí là vấn đề cấp bách ở nước ta. Đảng và nhà nước ta đã ban hành nhiều đường lối, chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chống quan liêu, tham nhũng. Năm 1998 Bộ chính trị đã ban hành chỉ thị số 30-CT/TW về xây dựng thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH về thực hiện dân chủ ở xã phường, thị trấn, Nghị định số 04/2015/NĐ-CP về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, Quốc hội ban hành Luật thực hành tiết kiệm và chống lãng phí, Luật phòng chống tham nhũng. Tất cả những văn bản của Đảng và pháp luật của nhà nước về vấn đề này là cơ sở pháp lý để mỗi địa phương, cơ sở, cơ quan, đơn vị xây dựng những quy định cụ thể để thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.

Tiết kiệm sức người, sức của là tiết kiệm thời gian là một trong những phẩm chất quan trọng nhất của người cán bộ, công chức, nhất là đối với những cán bộ, công chức có chức, có quyền. Có như vậy chúng ta mới xứng đáng là đầy tớ, là công bộc của nhân dân. Để thực hành tiết kiệm, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí đi vào thực tế có hiệu quả thì cần phải thực hiện những vấn đề sau:

Thứ nhất, hiểu cho đúng thế nào là làm theo Bác về thực hành tiết kiệm. Làm theo Bác ở đây không phải là bắt chước dập khuôn máy móc về mặt hình thức mà làm theo Bác là làm theo về mặt nội dung phản ánh bản chất tiết kiệm trong từng hoạt động cụ thể trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tiết kiệm phải phù hợp với hoàn cảnh thực tế của đất nước, của mỗi cơ quan, đơn vị cụ thể. Thực hành tiết kiệm ở một

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

thành phố lớn có thể khác so với thực hành tiết kiệm ở tỉnh miền núi khó khăn. Thực hành tiết kiệm ở thời kỳ trước có thể không giống với thực hành tiết kiệm ở giai đoạn sau. Không nên hiểu một cách máy móc rằng, ngày trước ăn gì, mặc gì thì ngày nay cũng phải ăn như thế, mặc như thế mới là tiết kiệm, ở tỉnh tiết kiệm như thế nào thì ở các thành phố lớn cũng phải tiết kiệm như thế. Hình thức biểu hiện của tiết kiệm ở mỗi cơ quan, đơn vị cũng có khác nhau, nhưng bản chất giống nhau, đó đều là tiết kiệm. Việc sử dụng đúng mức không phí phạm sức lực, của cải, thời gian là tùy thuộc vào từng công việc cụ thể. Nhưng phải lấy hiệu quả công việc làm thước đo cho tiết kiệm.

Thứ hai, cần có sự gương mẫu của người thủ trưởng về thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí. Đây là vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng. Trong mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương thì sự gương mẫu của thủ trưởng đóng vai trò quan trọng cho việc thực hành tiết kiệm chống tham nhũng, lãng phí. Người đứng đầu mà không gương mẫu về tiết kiệm thì không thể làm gương được cho những anh chị em cùng

làm trong cơ quan sẽ gây ra hiện tượng tham nhũng, lãng phí, nội bộ mất đoàn kết. Người thủ trưởng nào có được bốn đức theo lời dạy



của Chủ Tịch Hồ Chí Minh là cần, kiệm, liêm, chính thì mới có chí công vô tư, mới tận tâm, tận lực phục vụ tập thể và cơ quan, đơn vị.

Thứ ba, phải có cơ chế giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng về tiền bạc, thời gian và các điều kiện vật chất khác trong hoạt động của người cán bộ, công chức. Tức là phải có cơ chế theo dõi và thường phạt nghiêm minh đối với từng hoạt động của của người cán bộ, công chức. Để xây dựng được cơ chế đó, bên cạnh đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, nhà nước phải có sự phối hợp cùng các cấp, các ngành, các thành viên trong cơ quan, đơn vị. Muốn vậy phải thực hành được dân chủ trong nội bộ, cơ quan, đơn vị. Ở đây là thực hành dân chủ thực sự chứ không phải là dân chủ hình thức. Dân chủ thực sự là

tạo điều kiện cho mỗi thành viên trong cơ quan, đơn vị được: biết, bàn, làm, kiểm tra và hưởng thụ kết đạt được.

Thứ tư, đổi mới cơ chế quản lý về tài chính. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, biên chế của cơ quan, đơn vị, địa phương mình người thủ trưởng cơ quan, đơn vị xây dựng kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt từ đầu năm. Dự toán kinh phí đã được duyệt không thay đổi, không vì lý do này, lý do khác mà xin thêm kinh phí trừ những việc diễn ra đột xuất mà không thể dự báo trước được và phải được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền.

Như vậy, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị trong đó trước hết thuộc về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chính vì vậy, cần phải nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu của cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện vấn đề này. Có như vậy Đảng, Nhà nước ta mới có được lòng tin của nhân dân từ đó góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước./.

** Giảng viên khoa NNPL*

**NÂNG CAO VAI TRÒ TRUYỀN THÔNG TUYÊN TRUYỀN
THƯƠNG HIỆU “ĐÀ LẠT - KẾT TINH KỲ DIỆU TỪ ĐẤT LÀNH”
CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG**

*ThS Đoàn Quang Duy Tuấn**

Phát triển và quảng bá thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” đã được các ngành, địa phương tỉnh Lâm Đồng tập trung đẩy mạnh truyền thông quảng bá trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng và các sự kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Hoạt động tuyên truyền này đã giúp người tiêu dùng ghi nhớ và nhận biết, tin tưởng sử dụng các sản phẩm mang thương hiệu này trong thời gian qua. Để tiếp tục phát triển bền vững thương hiệu trong thời gian tới có vai trò hết sức quan trọng của truyền thông, trong đó có vai trò tuyên truyền thương hiệu này của đội ngũ giảng viên trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng.

Lâm Đồng, vùng đất thuộc Nam Tây Nguyên với nhiều điều kiện được thiên nhiên ưu đãi để phát triển nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp áp dụng công nghệ cao. Hầu hết sản phẩm chủ lực của Lâm Đồng là nông sản đạt chất lượng tốt với xu hướng là sản phẩm hữu cơ, cung ứng cho thị trường trong

nước và là địa phương đứng đầu về xuất khẩu nông sản của cả nước. Vì vậy, vấn đề nâng cao giá trị gia tăng cho mặt hàng nông sản thông qua hình thành chuỗi trong chế biến, sản xuất, kinh doanh, xây dựng thương hiệu, kinh doanh trực tuyến... nhằm tăng tính cạnh tranh của sản phẩm, bảo đảm giá trị thương hiệu, đăng ký chỉ dẫn địa lý để nông sản Lâm Đồng có thể bước ra thị trường khu vực luôn được các cấp quản lý quan tâm trong thời gian qua.

Với mong muốn nâng cao giá trị cho ngành nông nghiệp nói chung và các mặt hàng nông sản của địa phương nói riêng, UBND tỉnh Lâm Đồng thông qua hợp tác với các tổ chức JICA và Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đầu tư xây dựng, phát triển thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” nhằm mang những điều kỳ diệu kết tinh từ miền đất đặc biệt này đến với mọi người. Địa bàn triển khai chủ yếu là Thành phố Đà Lạt và các huyện lân cận như Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng và Lâm Hà. 4 sản phẩm, loại hình được chọn

quảng bá cho thương hiệu bao gồm rau, hoa, cà phê Arabica và du lịch canh nông với mục tiêu trở thành thương hiệu số một tại VN, từng bước lan tỏa thương hiệu đến thị trường quốc tế.

Ngày 8/12/2017, Cục Sở hữu trí tuệ đã cấp chứng nhận độc quyền thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” theo Quyết định số 87022/QĐ-SHTT gắn kết với 4 sản phẩm gồm: rau, hoa, cà phê Arabica và du lịch canh nông của Đà Lạt - Lâm Đồng, đặt nền tảng mở đầu cho cả một quá trình chung tay xây dựng thương hiệu riêng có của lãnh đạo và nhân dân tỉnh Lâm Đồng trong tương lai.

Sau 03 năm quyết tâm cao triển khai thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành”, thương hiệu đã được các ngành, địa phương tập trung đẩy mạnh truyền thông quảng bá trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng và các sự kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Từ đó giúp người tiêu dùng ghi nhớ và nhận biết, tin tưởng sử dụng các sản phẩm mang thương hiệu “Đà Lạt - kết tinh kỳ diệu từ đất lành”, đã

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

cho thấy đây là một hướng đi đúng đắn của các cấp chính quyền địa phương nhìn từ góc độ quản lý nhà nước cũng như các giá trị vô hình do thương hiệu này mang lại.

Theo báo cáo của Sở Công thương - đơn vị trực tiếp thực hiện kế hoạch phát triển và quảng bá thương hiệu - tại Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển và quảng bá thương hiệu “Đà Lạt - kết tinh kỳ diệu từ đất lành” giai đoạn 2017 - 2020 và dự thảo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025 diễn ra vào chiều 20/11/2020, đã đạt được nhiều kết quả quan trọng như: bảo hộ thành công thương hiệu “Đà Lạt - kết tinh kỳ diệu từ đất lành” và đã trở thành thương hiệu số 1 tại Việt Nam với 4 nhóm sản phẩm là: rau, hoa, cà phê Arabica và du lịch canh nông. Từ đó các sản phẩm nông sản đăng ký sử dụng nhãn hiệu cũng đã tăng 20% giá trị kinh tế, đã có 379 tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Đà Lạt - kết tinh kỳ diệu từ đất lành” (gồm có 318 tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh sản phẩm hoa; 46 tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh rau, 5 tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh cà phê Arabica và 10 tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh sản phẩm du lịch canh nông). Nhờ công tác quảng

bá thương hiệu, từ năm 2017 - 2019, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng rau củ của tỉnh Lâm Đồng đã tăng trên 29% về giá trị, xuất khẩu hoa tăng 7,6% về lượng; cà phê tăng 23,7% về lượng xuất khẩu ... Thị trường xuất khẩu chủ yếu của các mặt hàng rau củ sang 11 nước khu vực Đông Nam Á, EU, Mỹ, ASEAN; hoa tươi xuất sang 12 nước tại khu vực Đông Á, Australia, châu Âu và ASEAN; cà phê xuất khẩu đi tất cả các châu lục.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được thì việc quảng bá thương hiệu này cũng còn những hạn chế đặc biệt là công tác truyền thông chưa thực sự sâu rộng do kinh phí phục vụ công tác quảng bá còn thấp, sự phối hợp giữa các cấp ngành, địa phương chưa đồng bộ. Để có thể xây dựng thương hiệu phát triển bền vững trong dài hạn, ở giai đoạn Định vị thương hiệu và Xây dựng chiến lược truyền thông đều thể hiện rõ tầm quan trọng của truyền thông. Truyền thông tốt sẽ giúp định vị thương hiệu trong tâm trí người tiêu dùng, giúp thương hiệu được nhiều người biết đến, tìm mua và gắn bó lâu dài với thương hiệu.

Do đó, trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Lâm Đồng đưa ra kế hoạch phát triển thương hiệu “Đà Lạt - kết

tinh kỳ diệu từ đất lành” với 3 mục tiêu chính đó là: Phát triển thương hiệu “Đà Lạt - kết tinh kỳ diệu từ đất lành” trở thành thương hiệu mạnh tại Việt Nam; bảo hộ và tập trung quảng bá, phát triển thương hiệu ra nước ngoài, thì vai trò của truyền thông, quảng bá thương hiệu là hết sức quan trọng. Việc truyền thông, quảng bá thương hiệu có thể được lựa chọn bằng truyền hình, Internet, quảng cáo ngoài trời, quan hệ cộng đồng... Trong đó vai trò của truyền thông bằng hình thức quan hệ cộng đồng - Nhóm quan hệ truyền thông - cũng được đánh giá ít tốn kém và mang lại hiệu quả lan tỏa về lâu dài. Chính vì vậy, hoạt động truyền thông thương hiệu này của đội ngũ giảng viên trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng bằng cách lồng ghép các vấn đề liên quan đến thương hiệu (giới thiệu, quảng bá, tham quan mô hình sản xuất ...) vào nội dung bài giảng, báo cáo chuyên đề, thảo luận trên lớp ... sẽ là một kênh truyền thông quan trọng, góp phần đưa thương hiệu đến người dân địa phương và tỉnh bạn một cách rộng rãi, tạo sức lan tỏa hiệu quả.

Để tiếp tục góp phần thực hiện kế hoạch hành động phát triển và quảng bá thương hiệu “Đà Lạt - kết tinh kỳ diệu từ đất lành” trong giai

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Lâm Đồng, đối với đội ngũ giảng viên của trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng có thể thực hiện một số giải pháp sau:

- Tích cực lồng ghép các nội dung thương hiệu “Đà Lạt - kết tinh kỳ diệu từ đất lành” vào nội dung bài giảng trên lớp, như Phần IV: Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội của chương trình Trung cấp LLCT - HC (các bài giảng liên quan đến kinh tế thị trường, phát triển kinh tế - xã hội ...) và các chương trình bồi dưỡng có liên quan.

- Đưa thông tin thương hiệu vào nội dung báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, báo cáo chuyên đề ... cho học viên các lớp Trung cấp LLCT - HC của tỉnh bạn đến tham quan, nghe báo cáo tại trường trong chương trình đi nghiên cứu thực tế của học viên, thông qua đó giới thiệu được thương hiệu và các sản phẩm nông sản có sử dụng nhãn hiệu, các điểm du lịch canh nông của tỉnh như: vườn trà Cầu Đất Farm, vườn lan YSA Orchir, vườn rau và dâu thủy canh Đức Tín, rừng hoa Đà Lạt ... giúp thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, phát triển kinh tế thị trường của địa phương.

- Đối với các đoàn khách của các trường Chính trị và Học viện khi đến giảng dạy, học tập kinh nghiệm và tham

quan, nghỉ dưỡng, trong chương trình làm việc lãnh đạo nhà trường và đội ngũ giảng viên tham dự tích cực chủ động giới thiệu, hướng dẫn cũng như bố trí tham quan học tập các mô hình sản xuất, kinh doanh và du lịch canh nông đã được cấp nhãn hiệu “Đà Lạt - kết tinh kỳ diệu từ đất lành” góp phần đưa thương hiệu đến các địa phương trong cả nước, tạo hiệu quả truyền thông trong nhận diện và định vị thương hiệu của tỉnh nhà.

- Với vai trò là Cụm trường Cụm thi đua số 7 các trường Chính trị khu vực Tây Nguyên năm 2021, trong thời gian tổ chức hội thảo, hội thao tại Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng, có thể phối hợp với các đơn vị chủ quản trưng bày pano, hình ảnh ... liên quan đến thương hiệu quanh khu vực tổ chức hội thảo, kết hợp tham quan, mua sắm các mặt hàng rau, hoa đặc trưng có sử dụng nhãn hiệu.

Với những kết quả khả quan đạt được, có thể nói Lâm Đồng đã xây dựng thành công thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành”. Để nâng cao giá trị thương hiệu trong xu thế hội nhập và cạnh tranh mới, tỉnh Lâm Đồng cần có những giải pháp thích hợp tùy từng thời điểm để phát triển trở thành thương hiệu mạnh tại Việt Nam. Bên cạnh những chủ trương, định

hướng, trách nhiệm quản lý của các cấp chính quyền, sự đồng hành của nhân dân địa phương và các doanh nghiệp thì cũng có vai trò không nhỏ của đội ngũ giảng viên trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng trong việc chung tay xây dựng, tạo và phát triển bền vững thương hiệu của tỉnh nhà ngày một giá trị, uy tín và tạo được sự gắn bó với thương hiệu lâu dài, góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho ngành nông nghiệp nói chung và các mặt hàng nông sản của địa phương nói riêng trong thời gian kế tiếp.

Tài liệu tham khảo:

- Ấn phẩm KHCN: *Kết quả công tác quảng bá và phát triển thương hiệu “Đà Lạt- Kết tinh kỳ diệu từ đất lành”*, Trịnh Thị Thanh - Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng, 2019.

- *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển và quảng bá thương hiệu “Đà Lạt - kết tinh kỳ diệu từ đất lành” giai đoạn 2017 - 2020 và dự thảo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025*, Sở công thương tỉnh Lâm Đồng.

- UBND tỉnh đánh giá thương hiệu “Đà Lạt kết tinh kỳ diệu từ đất lành”, <http://lamdongtv.vn/>, 22/11/2020.

* *Giảng viên khoa Lý luận cơ sở*

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG TRONG HƯỚNG DẪN CHUYÊN MÔN ĐỐI VỚI TRUNG TÂM CHÍNH TRỊ CẤP HUYỆN

*ThS Đinh Công Tuyển**

Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng và trung tâm chính trị cấp huyện có mối liên hệ mật thiết, có chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức, kỹ năng theo quy định (đã được phân cấp). Từ khi có Quy định 208-QĐ/TW, trường Chính trị tỉnh đã thể hiện vai trò quan trọng trong việc phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hỗ trợ và triển khai hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, góp phần nâng cao chất lượng cho đội ngũ giảng viên, báo cáo viên cấp huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Quán triệt và triển khai Quy định 208-QĐ/TW, ngày 8/11/2019 (thay thế Quyết định số 185-QĐ/TW, ngày 03/9/2008 của Ban Bí thư khóa X), cho đến nay 12/12 địa phương của Lâm Đồng đã thực hiện thay đổi tên gọi (Từ trung tâm bồi dưỡng chính trị thành Trung tâm chính trị). Biên chế của các trung tâm có từ 3 đến 4 người, gồm Giám đốc (100% các Trung tâm chính trị cấp huyện đã thực hiện Trường Ban Tuyên giáo kiêm Giám đốc Trung tâm), Phó Giám đốc, giảng viên, giáo vụ, cơ bản đáp ứng được yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ phối hợp, triển khai đào tạo, bồi dưỡng tại địa phương. Ngoài ra, giảng viên, báo cáo viên kiêm nhiệm là các đồng chí lãnh đạo tại các đơn vị, cơ quan trên địa bàn cũng thường xuyên tham gia giảng dạy, báo cáo các chuyên đề. Đội ngũ giảng viên Trung tâm chính trị có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị đạt và vượt so với quy định, trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên đạt 100%, trình độ lý luận chính trị từ sơ cấp trở lên đạt 100%, trong đó cử nhân, cao cấp đạt trên 50%. Cơ sở vật chất của các trung tâm tiếp tục được

cấp ủy, chính quyền quan tâm đầu tư, đến nay, 12/12 Trung tâm chính trị cấp huyện đã có trụ sở riêng, tương đối đầy đủ các phòng chức năng (phòng học, hội trường, thư viện), được trang bị đủ các phương tiện, thiết bị (Máy in, máy tính, máy chiếu,...) cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác giảng dạy và bố trí hệ thống phòng ở, phòng ăn, sân chơi phục vụ học viên. Một số Trung tâm có cơ sở vật chất được đầu tư hiện đại, đồng bộ như trung tâm chính trị Đa Huoai, Đạ Tẻh, Đơn Dương... Các Trung tâm chính trị cấp huyện đã tìm ra nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở cơ sở, ngày càng khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong việc truyền bá và giữ vững nền tảng tư tưởng chính trị của Đảng, trang bị kiến thức mới về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị, góp phần xây dựng, nâng cao chất lượng đảng viên, chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở.

Nếu như trước đây, trong Quyết định 185-QĐ/TW chỉ nói tới việc Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan Trung ương có liên quan hướng dẫn và thống nhất quản lý việc thực hiện các chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng; đề cương bài giảng; quy chế giảng dạy và học tập của trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, thì trong Quy định 208-QĐ/TW đã nêu rõ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Thành ủy phối hợp với các trường Chính trị tỉnh chịu trách nhiệm về hướng dẫn chuyên môn đối với trung tâm chính trị ở thành phố, thị xã và các huyện. *Đây vừa là yêu cầu, vừa thể hiện vai trò của trường Chính trị trong việc hướng dẫn chuyên môn đối với trung tâm chính trị ở thành phố, các huyện trên địa bàn*

tỉnh Lâm Đồng

Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng đã chủ động lên kế hoạch, chuẩn bị nội dung, làm tốt công tác phối hợp chiêu sinh, mở lớp để tổ chức bồi dưỡng các lớp cập nhật, bổ sung kiến thức cho giảng viên, báo cáo viên Trung tâm chính trị. Nội dung tập huấn được nhà trường chuẩn bị kỹ lưỡng với các chuyên đề: Cập nhật những kiến thức mới trong chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước về chính quyền cơ sở; Một số vấn đề về giảng dạy lịch sử đảng bộ tỉnh Lâm Đồng và nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng hiện nay; Kỹ năng giảng dạy lý luận chính trị và bổ sung nhận thức mới về học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; Báo cáo tình hình thực tế sắp xếp bộ máy chính quyền địa phương của tỉnh Lâm Đồng; Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới; Công tác phối hợp trong quản lý đào tạo, bồi dưỡng... Đây là những vấn đề mang tính nền tảng, cơ bản, được liên tục cập nhật, bổ sung. Sau khi được tập huấn, giảng viên, báo cáo viên Trung tâm chính trị cấp huyện đã nắm vững thêm kiến thức chung về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay về chính quyền cơ sở; tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; đồng thời mỗi đồng chí đang công tác tại trung tâm cũng có thêm được kinh nghiệm, kỹ năng trong công tác phối hợp trong quản lý đào tạo, bồi dưỡng.

Bên cạnh đó, hằng năm, khi xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ giảng viên của nhà trường, trường Chính trị đều phối hợp tốt trong việc mời các giảng viên, báo cáo viên của các Trung tâm chính trị tham dự các lớp như: tập huấn về phương pháp giảng dạy tích cực, tập huấn về nghiệp vụ viết tin, bài, tập huấn về nhận thức những nội dung mới trong các Nghị quyết của Đảng... Thông qua hoạt động này, giúp cho trình độ, kỹ năng về chuyên môn,

nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên, báo cáo viên ngày càng được củng cố và nâng lên, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn của Trung tâm chính trị.

Ngoài ra, trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng cũng đã chủ động phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lâm Đồng thường xuyên tổ chức Hội thi giảng viên lý luận chính trị giỏi cấp huyện, thành phố, qua đó đẩy mạnh phong trào thi đua, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả, đặc biệt là việc đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị tại các Trung tâm chính trị cấp huyện.

Tuy vậy, trước yêu cầu ngày càng cao của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở các địa phương trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng hiện nay, công tác phối hợp, hướng dẫn về chuyên môn của trường chính trị đối với các trung tâm chính trị huyện cũng đứng trước nhiều vấn đề. Đội ngũ giảng viên của các Trung tâm chính trị còn thiếu về số lượng, một số còn hạn chế về phương pháp sư phạm; đa số báo cáo viên của trung tâm cấp huyện là cán bộ chủ chốt bận công tác nên rất khó bố trí thời gian dự những buổi tập huấn chuyên môn do trường Chính trị tổ chức; một số báo cáo viên còn hạn chế về nghiệp vụ sư phạm, nặng về thuyết trình, chưa sử dụng giáo án điện tử trong giảng dạy; một số cấp ủy cơ sở chưa thật sự quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa báo cáo viên, do vậy rất bị động trong việc mời giảng (cho đến nay mới chỉ có Huyện ủy Di Linh ban hành quyết định công nhận danh sách báo cáo viên cấp huyện). Bên cạnh đó chương trình tập huấn của trường Chính trị cũng mới chỉ có phần về bổ sung, cập nhật nội dung và kinh nghiệm đào tạo, bồi dưỡng, chưa dành nhiều khung thời gian cho thảo luận ...

Trong thời gian tới để làm tốt công tác hướng dẫn chuyên môn cho các trung tâm chính trị, trường Chính trị Lâm Đồng cần làm tốt các nội dung:

Thứ nhất, thực hiện khảo sát, nghiên cứu thực tế hoạt động chuyên môn ở trung tâm

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

chính trị các huyện, thành phố. Việc nắm rõ thực tế hoạt động chuyên môn ở các trung tâm chính trị huyện, thành phố là rất cần thiết, sẽ giúp trường Chính trị nắm rõ các hoạt động chuyên môn, những nội dung chưa thực hiện, hoặc còn hạn chế của các trung tâm. Trên cơ sở đó các nội dung hướng dẫn chuyên môn sẽ cụ thể, sát thực tế, dễ thực hiện và đem lại hiệu quả cao. Việc nghiên cứu thực tế, khảo sát các trung tâm cần tập trung vào một số vấn đề như: Nội dung chương trình, giáo án, chất lượng đội ngũ giảng viên; thực tiễn quá trình, cách thức triển khai các hoạt động giảng dạy, sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thao giảng, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế...

Sau khi nghiên cứu, khảo sát thực tế cần định hướng những nội dung trọng tâm, ưu tiên để tập trung hướng dẫn thực hiện. Khi các Trung tâm chính trị triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn theo hướng dẫn, trường Chính trị Lâm Đồng cần thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình, lắng nghe ý kiến phản hồi để kịp thời điều chỉnh nội dung, cách thức hướng dẫn nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.

Thứ hai, tăng cường việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ giảng viên, báo cáo viên trung tâm chính trị cấp huyện.

Hàng năm trường Chính trị Lâm Đồng cần lên kế hoạch chủ trì hoặc phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức các lớp cập nhật kiến thức, bồi dưỡng phương pháp góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy. Kiến nghị với cấp ủy, chính quyền cấp huyện tạo điều kiện để giảng viên, báo cáo viên các trung tâm được đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; hỗ trợ về tài liệu để nâng cao chất lượng chuyên môn.

Nội dung bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên, báo cáo viên phải toàn diện và liên tục được cập nhật, bổ sung. Hiện nay, cần quan tâm bồi dưỡng cho đội ngũ này nắm vững bản chất cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm chắc chủ

trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tăng cường bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao với công việc. Thường xuyên bồi dưỡng kiến thức toàn diện, nhất là về kinh tế, văn hoá, xã hội, pháp luật...; bồi dưỡng về tình hình, nhiệm vụ của địa phương. Chú trọng bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên, báo cáo viên về phương pháp sư phạm và kinh nghiệm xử lý các tình huống sư phạm; phương pháp nghiên cứu khoa học và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào giảng dạy; sử dụng các phương tiện dạy học, nhất là phương tiện hiện đại...

Để bồi dưỡng nâng cao phẩm chất, năng lực cho đội ngũ giảng viên, báo cáo viên, các cấp ủy và cơ quan chức năng cần phải sử dụng linh hoạt, đa dạng các hình thức, biện pháp bồi dưỡng. Đội ngũ giảng viên trường Chính trị cần phải có kinh nghiệm, có phương pháp giảng dạy tốt để tập huấn nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy cho giảng viên các trung tâm. Giúp các trung tâm xây dựng giáo án mẫu, bài giảng mẫu, xây dựng đề cương tập bài giảng...

Thực hiện luân chuyển, hoặc hỗ trợ tài liệu nghiên cứu cho các trung tâm để nâng cao chất lượng nghiên cứu phục vụ bài giảng của giảng viên. Về hoạt động nghiên cứu khoa học: Mời các trung tâm tham gia các đề tài khoa học, hội thảo, tọa đàm ... do trường Chính trị chủ trì.

Thứ ba, làm tốt công tác phối hợp, tham mưu kiện toàn đội ngũ giảng viên, báo cáo viên trung tâm chính trị

Trường Chính trị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của nhà trường và đặc điểm công tác đào tạo, bồi dưỡng của địa phương để đề nghị cấp có thẩm quyền xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên, báo cáo viên vững mạnh, đa dạng về chuyên môn. Hướng xây dựng đội ngũ báo cáo viên tập trung vào những người có trình độ chuyên môn giỏi, phương pháp sư phạm tốt ở các cơ quan, đơn vị, nhà trường trên địa bàn địa phương, như: cơ quan tuyên giáo, nội vụ, dân vận, Ban chỉ

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

huy quân sự

Để kiện toàn đội ngũ giảng viên, báo cáo viên đáp ứng yêu cầu trên, trường Chính trị cũng cần tham mưu các cấp chỉ đạo cấp uỷ và cơ quan cấp huyện dự báo chính xác tình hình biến động đội ngũ này để có kế hoạch kiện toàn cho phù hợp, bảo đảm vừa có giảng viên trực tiếp giảng dạy, vừa có giảng viên được đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, vừa có nguồn dự trữ để thay thế khi cần thiết và mở rộng lực lượng khi nhiệm vụ phát triển, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt và cơ bản lâu dài. Thực hiện đầy đủ, chặt chẽ các khâu, các bước trong quy trình lựa chọn, thử thách, tiếp nhận cán bộ vào đội ngũ giảng viên, báo cáo viên. Hướng lựa chọn vào những người có phẩm chất, năng lực tốt, có kiến thức, kinh nghiệm thực hiện nhiệm vụ, có năng khiếu sư phạm và thực sự tâm huyết với nghề. Đồng thời, kiên quyết đưa ra khỏi đội ngũ những người không đủ tiêu chuẩn, bảo đảm cho đội ngũ giảng viên, báo cáo viên thực sự ổn định, có tính kế thừa, đảm bảo chủ động hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

Thứ tư, nâng cao chất lượng hoạt động dự giờ của giảng viên, báo cáo viên trung tâm chính trị

Mỗi giảng viên, báo cáo viên Trung tâm chính trị cần nhận thức đúng đắn về lợi ích của dự giờ, bố trí thời gian, tích cực đi dự giờ, phải thấy rằng dự giờ là một hoạt động thường xuyên; từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm của cá nhân, tích cực nghiên cứu bài giảng, chủ động đăng ký dự giờ nhằm tranh thủ sự đóng góp ý kiến của đồng nghiệp. Hoạt động dự giờ có thể được tiến hành tại các trung tâm, khi có các lớp đào tạo, bồi dưỡng, hoặc tại các lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính hệ không tập trung do trường Chính trị Lâm Đồng mở tại các huyện, thành phố với đội ngũ giảng viên vừa có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, vừa nắm bắt kiến thức thực tiễn phong phú, đa dạng.

Giảng viên, báo cáo viên cấp huyện cần

nâng cao kỹ năng đánh giá sau dự giờ. Khi đánh giá cần đặt mình vào vị trí của người nghe, cảm nhận, góp ý một cách bình đẳng, coi trọng việc học hỏi giữa 2 bên, có thể góp ý, trao đổi những vấn đề cần điều chỉnh cho người dạy. Việc đánh giá cần dựa trên các tiêu chí cụ thể như: Về kiến thức: Dạy đủ, đúng kiến thức của bài giảng một cách chính xác, có hệ thống; trong quá trình giảng dạy phải lồng ghép, vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kiến thức thực tế với kiến thức lý luận. Về kỹ năng sư phạm: vận dụng hình thức và phương pháp phù hợp với đối tượng học viên; xử lý được các tình huống sư phạm; khích lệ, động viên học viên kịp thời trong giờ học. Về hiệu quả tiết dạy: Học viên chủ động, tích cực tiếp thu, hợp tác trong giờ học. Khi thực hiện tốt việc dự giờ sẽ giúp giảng viên, báo cáo viên có thêm được nhiều kinh nghiệm, học hỏi được nhiều kỹ năng bổ trợ cho các hoạt động giảng dạy của mình.

Có thể nói, trong thời gian qua, hoạt động hướng dẫn chuyên môn của trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng đối với các Trung tâm chính trị cấp huyện đã có nhiều chuyển biến tích cực. Đội ngũ giảng viên, báo cáo viên Trung tâm chính trị đã từng bước trưởng thành, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng được các yêu cầu về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở trong giai đoạn hiện nay. Với những định hướng nhiệm vụ hướng dẫn chuyên môn của trường Chính trị đã được chỉ ra, chắc chắn chất lượng giảng dạy, nghiệp vụ quản lý đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ giảng viên, báo cáo viên Trung tâm chính trị sẽ tiếp tục được nâng lên, qua đó khẳng định tầm quan trọng của Trung tâm trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, góp phần xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đóng góp nhiều hơn nữa vào sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh nhà./.

*** Phó Trưởng phòng TC,HC,TT,TL**

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU THỰC TẾ CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

ThS Ngô Thị Hồng Loan*

Đội ngũ giảng viên là lực lượng nòng cốt, góp phần quyết định chất lượng đào tạo - bồi dưỡng của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của nhà trường trong việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương về lý luận chính trị - hành chính; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước,... cần đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên nói chung và chất lượng nghiên cứu thực tế của giảng viên nói riêng.

1. Sự cần thiết phải nghiên cứu thực tế của giảng viên

Một là, xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn.

Lý luận và thực tiễn là hai phạm trù có mối quan hệ biện chứng với nhau. Trong *Luận cương về Phoi-ơ-bắc*, C. Mác đã khẳng định: “Vấn đề tìm hiểu xem tư duy của con

người có thể đạt tới chân lý khách quan không, hoàn toàn không phải là một vấn đề lý luận mà là vấn đề *thực tiễn*. Chính trong thực tiễn mà con người phải chứng minh chân lý, nghĩa là chứng minh tính hiện thực và sức mạnh, tính trần tục của tư duy của mình. Sự tranh cãi về tính hiện thực hay tính không hiện thực của tư duy tách rời thực tiễn, là một vấn đề *kinh viện* thuần túy”. Trong tác phẩm *Làm gì*, V.I. Lênin nêu luận điểm nổi tiếng: “Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng” và nhiệm vụ của các nhà lý luận là phải biết vận dụng nó vào trong thực tiễn, phải tổng kết thực tiễn: “Quan điểm về đời sống, về thực tiễn, phải là quan điểm thứ nhất và cơ bản của lý luận về nhận thức”. Thống nhất giữa lý luận với thực tiễn là một nguyên tắc quan trọng trong lý luận nhận thức của chủ nghĩa Mác - Lênin, có giá trị to lớn trong chỉ đạo công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn.

Vận dụng và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Thống

nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông”, trong đó: “Thực hành sinh ra hiểu biết. Hiểu biết tiến lên lý luận. Lý luận lãnh đạo thực hành”. Đối với cán bộ, đảng viên thì càng cần “phải nghiên cứu công việc thực tế, kinh nghiệm thực tế. Lúc học rồi, họ có thể tự mình tìm ra phương hướng chính trị có thể làm những công việc thực tế, có thể trở nên người tổ chức và lãnh đạo. Thế là *lý luận thiết thực, có ích*”. Thực tiễn cần tới lý luận soi đường, dẫn dắt, chỉ đạo, hướng dẫn, định hướng để không mắc phải bệnh kinh nghiệm, còn lý luận phải dựa trên cơ sở thực tiễn, phản ánh thực tiễn và phải luôn liên hệ với thực tiễn, nếu không sẽ mắc phải bệnh giáo điều, sách vở. Thực tiễn thúc đẩy lý luận và lý luận cung cấp cơ sở khoa học cho mọi hành động cải tạo thực tiễn của con người.

Hai là, xuất phát từ tầm quan trọng của đội ngũ giảng



Đoàn cán, giảng viên, chuyên viên đi nghiên cứu thực tế tại khu du lịch rừng sinh thái Madaguoi tại huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng

viên và hoạt động nghiên cứu thực tế của giảng viên trường chính trị.

Hiện nay, theo quy định thì các chức danh giảng viên gồm có giảng viên tập sự, giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp. Ở các trường chính trị, đội ngũ giảng viên có vai trò đặc biệt quan trọng, họ là lực lượng trực tiếp tham gia vào quá trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị ở cơ sở; trực tiếp truyền đạt kiến thức khoa học lý luận chính trị và hướng dẫn học viên cách thức vận dụng lý luận đó để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tế, góp phần đấu tranh với những quan điểm sai trái, thù địch để bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước... Do đó, việc đi nghiên cứu thực tế, gắn lý

luận với thực tiễn là nhiệm vụ quan trọng của mỗi giảng viên.

Theo Quy chế giảng viên trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Ban hành kèm theo Quyết định số 2252/QĐ/HVCTQG ngày 02/5/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) quy định: Đối với giảng viên tập sự nghiên cứu thực tế 15 ngày/năm; giảng viên tiến hành nghiên cứu thực tế và hướng dẫn học viên đi nghiên cứu thực tế 15 ngày/năm; giảng viên chính tiến hành nghiên cứu thực tế và hướng dẫn học viên nghiên cứu thực tế 10 ngày/năm; giảng viên cao cấp nghiên cứu thực tế và hướng dẫn học viên nghiên cứu thực tế 5 ngày/năm. Điều đó cho thấy, nghiên cứu thực tế là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động chuyên môn của

đội ngũ giảng viên ở trường chính trị. Thực hiện tốt nhiệm vụ này không những giúp cho giảng viên tự cập nhật thông tin thực tiễn ở cơ sở, tạo điều kiện cho giảng viên có thêm bề dày kinh nghiệm đảm bảo cho công tác giảng dạy đáp ứng yêu cầu lý luận gắn liền với thực tiễn, mà còn là môi trường tốt để mỗi giảng viên rèn luyện, trải nghiệm và nghiên cứu nhiều vấn đề mới của đời sống xã hội. Qua nghiên cứu thực tế, sẽ giúp cho giảng viên tích lũy thêm kiến thức thực tiễn, bổ sung vào bài giảng, làm cho bài giảng trở lên hấp dẫn hơn, tạo được niềm tin và sự hưng phấn cho người học.

Ba là, xuất phát từ thực trạng hoạt động nghiên cứu thực tế của đội ngũ giảng viên trường chính trị.

Trong những năm qua, hoạt động nghiên cứu thực tế của đội ngũ giảng viên

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

trường chính trị, bên cạnh những thành công thì vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định, trong đó nổi bật là việc một số giảng viên chưa thực sự chủ động đăng ký nội dung và lên kế hoạch nghiên cứu thực tế trong năm; chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nghiên cứu thực tế dẫn đến giảng viên nghiên cứu thực tế mang tính hình thức, đối phó, đi cho đủ số ngày theo quy định; một số ít giảng viên lại chú trọng công tác giảng dạy hơn, ít quan tâm đến nghiên cứu thực tế nên cuối năm đi nghiên cứu thực tế không đủ số ngày so với quy định.

Việc phối hợp giữa các khoa và đội ngũ giảng viên của trường chính trị với địa phương có mặt còn chưa cụ thể, thiếu chặt chẽ. Việc đi nghiên cứu thực tế của giảng viên thường dừng lại ở việc nghe báo cáo, thăm mô hình tiêu biểu... mà chưa chú trọng đến việc áp dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn; chưa đi sâu nghiên cứu một vấn đề thực tiễn cụ thể tại địa phương, đơn vị, cũng như tham gia sinh hoạt các hoạt động chính trị, hội, đoàn thể tại cơ sở;... Sau mỗi lần đi nghiên cứu thực tế, việc viết báo cáo còn sơ sài, chất lượng chưa cao, những giải pháp đưa ra còn thiếu tính thực tế, khó kiểm chứng.

2. Giải pháp nâng cao



Đoàn cán, giảng viên, chuyên viên đi nghiên cứu thực tế tại nhà điều hành Nhà máy thủy điện Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận

chất lượng nghiên cứu thực tế của giảng viên trường chính trị hiện nay

Một là, nâng cao nhận thức cho đội ngũ giảng viên về sự cần thiết của hoạt động nghiên cứu thực tế.

Gắn lý luận với thực tiễn là vấn đề có tính nguyên tắc, yêu cầu bắt buộc đối với công tác giảng dạy ở trường chính trị. Để hoạt động nghiên cứu thực tế thực sự trở thành hoạt động thiết thực, mang lại hiệu quả cao, đòi hỏi chính bản thân các giảng viên với tư cách là những chủ thể của hoạt động nghiên cứu thực tế phải nhận thức rõ mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu thực tế đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường và qua đó góp phần nâng cao chất lượng công tác giảng dạy của chính mình.

Mỗi giảng viên phải coi việc nghiên cứu thực tế ở cơ sở là nhu cầu tự thân. Trên cơ sở nhận thức đúng,

giảng viên cần có tinh thần, thái độ nghiên cứu nghiêm túc, cầu thị, nhất là đội ngũ giảng viên trẻ để rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, thu thập thông tin. Những vấn đề trong đời sống xã hội ở cơ sở rất đa dạng, phong phú, luôn vận động, biến đổi, vì vậy, qua nghiên cứu thực tế, giảng viên phải nắm bắt, cập nhật tình hình về những thông tin kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương. Qua đó, giảng viên sẽ thu nhận được những thông tin bổ ích trong thực tiễn và biết lồng ghép, xử lý thông tin đó để áp dụng vào tình huống trong bài giảng sao cho hợp lý, để cùng trao đổi với học viên tìm ra giải pháp phù hợp với tình hình nhiệm vụ cụ thể của từng địa phương.

Hai là, kế hoạch đi nghiên cứu thực tế của từng giảng viên, tập thể khoa phải đảm bảo tính khoa học, tính khả thi.

Kế hoạch nghiên cứu

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

thực tế của từng giảng viên, từng khoa phải đặt trong kế hoạch chung của nhà trường, không để xảy ra tình trạng chồng chéo kế hoạch của chính giảng viên hoặc giữa giảng viên với khoa, với nhà trường và tránh nhiều đoàn đi về cùng một địa phương trong cùng một thời điểm. Mỗi giảng viên cần tích cực, chủ động lên kế hoạch đi nghiên cứu thực tế cả về nội dung cần nghiên cứu, địa điểm nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và thời gian thực hiện cụ thể. Yêu cầu giảng viên xây dựng đề cương đi nghiên cứu thực tế của bản thân, có ý kiến của lãnh đạo khoa. Đồng thời có báo cáo định kỳ việc thực hiện nghiên cứu thực tế để trình lãnh đạo nhà trường theo dõi tiến trình thực hiện. Đây là định hướng cho các hoạt động của giảng viên trong quá trình nghiên cứu thực tế tại cơ sở cũng như để lãnh đạo nhà trường quản lý giảng viên khi đi nghiên cứu thực tế.

Trong xây dựng chương trình nghiên cứu thực tế, cần tìm hiểu kỹ tình hình của từng địa phương, cơ sở, từ đó lựa chọn chủ đề nghiên cứu phù hợp với địa phương, cơ sở và phù hợp với lĩnh vực cần nghiên cứu. Kế hoạch nghiên cứu thực tế cần gửi trước cho địa phương để địa phương có cơ sở chuẩn bị các nội dung báo cáo. Không để tình

trạng đoàn nghiên cứu thực tế đến địa phương chỉ bố trí nghe báo cáo do lãnh đạo địa phương trình bày mà không có sự trao đổi, phân tích, khảo sát. Trong quá trình trao đổi tại cơ sở, giảng viên cần chú ý lắng nghe cán bộ cơ sở trình bày, mạnh dạn trao đổi và có sự phản biện, có ghi chép đầy đủ các thông tin để viết báo cáo thu hoạch sau chuyến đi nghiên cứu thực tế.

Ba là, cần đa dạng nội dung, hình thức, phương pháp nghiên cứu thực tế.

Thực hiện giải pháp này, cần tiến hành tốt việc phối hợp, kết hợp giữa nhà trường với các cơ quan, đơn vị ở địa phương để giảng viên có điều kiện tiếp cận vấn đề cần nghiên cứu một cách thiết thực, sâu sắc, nắm bắt được nhiều thông tin để bổ sung vào nội dung bài giảng. Hoạt động nghiên cứu thực tế có thể bám sát các vấn đề mà thực tiễn giảng dạy cũng như xã hội đang quan tâm theo hình thức nghiên cứu cá nhân hoặc theo nhóm nhỏ, theo khoa, theo từng lĩnh vực chuyên môn của giảng viên... Để tổ chức hoạt động nghiên cứu thực tế có hiệu quả, **Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường** cần tăng cường lãnh đạo đối với hoạt động nghiên cứu thực tế; tạo điều kiện về thời gian, kinh phí cho các giảng viên, các khoa đi nghiên cứu thực tế để giao lưu học hỏi

kinh nghiệm; cần tiến hành công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện công tác nghiên cứu thực tế của từng giảng viên, các khoa để từ đó có hình thức khen thưởng kịp thời, để động viên, khích lệ đối với tập thể, cá nhân có thành tích nghiên cứu thực tế tốt, xuất sắc có khả năng ứng dụng cao trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; kịp thời nhắc nhở, xử lý theo quy định đối với những giảng viên và các khoa có cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu thực tế theo quy định.

Tài liệu tham khảo

1. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 9 - 10.
2. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 30.
3. V. I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 18, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 167.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 95.
5. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 120.
6. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 311-312.

*** Phó Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật**

XÂY DỰNG CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ VỮNG MẠNH GÓP PHẦN XÂY DỰNG ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN VỮNG MẠNH

*ThS Kiều Hoài Sơn**

Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho hệ thống chính trị của tỉnh. Công đoàn cơ sở (CĐCS) trường Chính trị có 45 đoàn viên, trong đó nữ là 21, với 5 tổ công đoàn theo các đơn vị khoa, phòng; Ban chấp hành công đoàn (BCHCĐ) có 05 uỷ viên. Đa số đoàn viên là những giảng viên làm công tác giảng dạy về quan điểm đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước nên có bản lĩnh chính trị vững vàng, nhận thức và có trình độ chuyên môn cao tự giác trong các hoạt động, tin tưởng vào đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, do vậy đã góp phần rất lớn vào hoàn thành các nhiệm vụ của Nhà trường. Dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ, sự chỉ đạo của CĐVC tỉnh, tạo điều kiện giúp đỡ của Ban Giám hiệu cùng các tổ chức đoàn thể công tác xây dựng CĐCS vững mạnh nửa nhiệm kỳ 2017-2020 đã thu được nhiều thành tích nổi bật.

Công đoàn đã thực hiện tốt công tác tham gia quản lý cơ quan, thực sự là tổ chức đại diện, chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của viên chức và người lao động (VCLĐ). Hằng năm, BCHCĐ đã phối hợp với Ban Giám hiệu chức Hội nghị VCLĐ đúng thời gian, đủ nội dung, đúng quy trình, phát huy dân chủ. Đồng thời, BCHCĐ đã phối hợp với Hiệu trưởng ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa BCHCĐ và Thủ trưởng đơn vị đảm bảo đúng các qui định và hài hòa lợi ích tạo được sự đồng thuận cao trong nhà trường. BCHCĐ tham gia các Hội đồng xét lương, Hội đồng xét thi đua khen thưởng... Thông qua các hoạt động đã góp phần bảo vệ quyền lợi chính đáng của cán bộ,

viên chức, người lao động, qua đó tạo được sự tin yêu của đoàn viên với tổ chức công đoàn.

Đối với công tác chính trị tư tưởng, BCHCĐ đã phối hợp với Đảng uỷ Nhà trường thường xuyên thực hiện tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật mới, quán triệt đầy đủ nghị quyết của Đảng cho đoàn viên, đoàn viên đã tích cực học tập nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. 100% đoàn viên có bản lĩnh chính trị vững vàng không có các biểu hiện chuyển hóa tự suy thoái, tự diễn biến.

BCHCĐ triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức phong trào thi đua trong hằng năm tại Hội nghị cán bộ công chức, viên chức của nhà trường. Chủ tịch công đoàn trường phối hợp với Hiệu trưởng phát động và ký kết thực hiện các chỉ tiêu thi đua. Việc ký kết thi đua được thực hiện thông qua đại diện của các đoàn thể, thủ trưởng cơ quan và lãnh đạo của các khoa, phòng trong nhà trường từ đó tạo phong trào thi đua sôi nổi gắn với trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ của đoàn viên.

Thực hiện phong trào thi đua “Giảng dạy tốt và phục vụ tốt”, đã góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, chất lượng tham mưu và chất lượng phục vụ được nâng lên; làm tốt công tác quản lý học tập và rèn luyện học viên các lớp nề nếp hơn, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh giao.

Đoàn viên là giáo viên đã tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, các đoàn viên tùy theo vị trí công tác đã tích cực đổi mới lề lối công tác nhằm



BCH Công đoàn tổ chức Tết Trung thu cho các cháu thiếu nhi là con của viên chức và người lao động đang công tác tại trường

thực hiện tốt giảng dạy tốt, phục vụ tốt. Trong giảng dạy thi đua áp dụng phương pháp mới vào giảng dạy cũng được các đoàn viên sôi nổi thực hiện, 100% các giảng viên đều đã áp dụng giáo án điện tử, phương pháp giảng dạy tích cực, nhiều bài giảng sinh động kết hợp tốt giữa lý luận và thực tiễn qua đó nâng cao chất lượng bài giảng được học viên ở nhiều lớp đánh giá cao. Đoàn viên đã tích cực Thi đua học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng công tác, Thi đua thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí; Thi đua xây dựng cơ quan văn hoá, ngày làm việc 8 giờ có hiệu quả, xây dựng môi trường làm việc xanh-sạch-đẹp, không hút thuốc lá trong phòng làm việc; không uống rượu, bia buổi trưa trong ngày làm việc; tham gia cải cách hành chính Nhà nước: đã đơn giản các thủ tục hành chính như các hội đồng thi học phần, tốt nghiệp, đưa vào sử dụng phần mềm quản lý đào tạo.

Đoàn viên tích cực tham gia hoạt động khoa học, tổng kết thực tiễn trong nửa nhiệm kỳ 2017 -2020 đã có 23 đề tài, sáng kiến được công nhận góp phần nâng cao chất lượng công tác giảng dạy và phục vụ của nhà trường.

CĐCS trường Chính trị thực hiện tốt các hoạt động xã hội, nhân đạo từ thiện như: Hiến máu nhân đạo, tham gia ủng hộ quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”, quỹ “Vì người nghèo”, Quỹ xã hội Công đoàn tỉnh Lâm Đồng, Quỹ ủng hộ công tác phòng, chống dịch Covid-19, Quỹ Mái ấm công đoàn và tham gia ủng hộ các hoạt động xã hội nhân đạo, từ thiện khác với tổng số tiền hơn 90 triệu đồng.

Một số kết quả cụ thể: nửa nhiệm kỳ 2017-2020 CĐCS trường Chính trị luôn đạt danh hiệu CĐCSVM, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Hàng năm CĐCS thực hiện tốt các chỉ tiêu đã đăng ký từ đầu năm với Công đoàn Viên chức, góp phần cùng Nhà trường hoàn thành nhiệm vụ chính trị. 100% đoàn viên đăng ký học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. 100% đoàn viên đạt danh hiệu người CB,VC “Trung thành- Trách nhiệm - Liêm chính - Sáng tạo”; các tổ công đoàn đạt danh hiệu tổ CDVM, hoàn thành tốt nhiệm vụ. 100% chị, em đạt danh hiệu Nữ Hai giỏi. Tham gia các Hội thi, Hội thao các chương trình Văn nghệ, ... do Khối V Công đoàn viên chức, cụm thi đua Tây nguyên tổ chức đạt nhiều giải cao



Tổ CĐ khoa Nhà nước và pháp luật Nhà trường đến thăm và tặng quà gia đình có hoàn cảnh cực kỳ khó khăn trong đợt dịch covid.

Thông qua hoạt động Công đoàn và từ phong trào thi đua yêu nước đã tạo được sự thống nhất, đoàn kết trong nhà trường góp phần xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; vị thế, vai trò của tổ chức Công đoàn ngày càng được khẳng định. Trong những năm còn lại của nhiệm kỳ, hoạt động của tổ chức Công đoàn sẽ có nhiều thời cơ thuận lợi, đan xen với những khó khăn, thách thức, để tiếp tục xây dựng CĐCS trường Chính trị vững mạnh thật sự là tổ chức đại diện cho tiếng nói của người VCLĐ, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đoàn viên với nhiều hình thức đa dạng phong phú phù hợp với đặc điểm của nhà trường như học tập nghị quyết, nói chuyện thời sự... gắn với các sự kiện và các ngày lễ lớn của đất nước. Đối với đội ngũ giảng viên cần tăng việc tự nghiên cứu, học tập về quan điểm đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Thường xuyên phát động các phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ chuyên môn của đoàn viên đảm bảo thiết thực hiệu quả, tránh hình thức như: Thi đua nâng cao chất lượng thông qua bài của giảng viên trẻ, giảng viên

mới, thi đua giảng dạy tốt, phục vụ tốt, thi đua trong nghiên cứu khoa học như viết bài cho nội san, hội thảo...

Đổi mới hoạt động của BCHCĐ, duy trì họp theo định kỳ, kết hợp với chế độ hội ý, thông tin nhanh giữa các BCHCĐ với các tổ và của các ủy viên, thực hiện xây dựng lịch làm việc khoa học gắn với lịch công tác chung của nhà trường. Nội dung sinh hoạt cần đề cập đến các vấn đề thiết thực như các quyền lợi cơ bản, hợp pháp, chính đáng về tiền lương, chế độ làm thêm giờ... hay các

biện pháp cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đoàn viên

Chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng trong lãnh đạo việc thực hiện Quy chế dân chủ; Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm phối hợp với người đứng đầu tổ chức tốt nghị VCLĐ, nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng của đoàn viên, giải quyết các bức xúc tạo sự đồng thuận cao trong nhà trường.

Xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn ở cơ sở vững mạnh, để cán bộ công đoàn từ các tổ đến các ủy viên BCHCĐ đủ sức đủ tầm đảm đương và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra, xứng đáng là người đại diện quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên.

Tiếp tục duy trì các phong trào thể thao, văn nghệ tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho đoàn viên, học viên góp phần rèn luyện sức khỏe, tạo không khí thi đua sôi nổi trong nhà trường hoàn thành nhiệm vụ chính trị./.

** Trưởng khoa khoa Xây dựng Đảng*

LÂM ĐỒNG PHẤN ĐÁU TRƯỚC NĂM 2025 TRỞ THÀNH
TỈNH NÔNG THÔN MỚI

ThS Tô Văn Bấy*

Xây dựng nông thôn mới là định hướng lớn của Đảng và Nhà nước ta, xác định có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc, nhằm từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân ở nông thôn trong quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Trong những năm qua, tỉnh Lâm Đồng đã phát huy sức mạnh đoàn kết, sáng tạo của hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của nhân dân trong xây dựng nông thôn mới tại các địa phương, qua đó đã góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Lâm Đồng là tỉnh Nam Tây Nguyên, có 12 đơn vị hành chính cấp huyện gồm 2 thành phố và 10 huyện với 142 đơn vị cấp xã (111 xã, 18 phường, 13 thị trấn) và 1376 thôn, tổ dân phố (887 thôn, 499 tổ dân phố); dân số 1.310 triệu người với 47 dân tộc anh em sinh sống đan xen với nhiều tôn giáo khác nhau [3]. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Lâm Đồng là một trong 11 địa phương trong cả nước được



Ban Bí thư Trung ương chọn thực hiện mô hình thí điểm xây dựng xã nông thôn mới (NTM) tại xã Tân Hội, huyện Đức Trọng từ cuối năm 2009. Trong quá trình triển khai thực hiện, tỉnh đã chủ động vận dụng, chọn 11 xã điểm để tập trung đầu tư, chỉ đạo điểm. Đến nay chương trình xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn.

Trong quá trình triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, Tỉnh Lâm Đồng nghiên cứu, vận dụng ban hành nhiều chủ trương, chính sách, văn bản hướng dẫn triển khai chương trình, đã tạo được sự thống nhất và lồng ghép tối

đa nguồn lực, trí tuệ trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình như: Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 11/11/2016 về xây dựng kết cấu tầng đồng bộ giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 11/11/2016 về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững, hiện đại; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18/4/2017 về đào tạo phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến 2025. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất xây dựng NTM tại Nghị quyết số 141/2015/NQ-HĐND ngày 11/7/2015. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình xây dựng

MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

NTM giai đoạn 2010 - 2015; Quyết định số 2082/2015/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 ban hành đề án hỗ trợ phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 – 2020. Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 05/11/2010 của UBND tỉnh về Chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020 tỉnh Lâm Đồng... Đến nay, hệ thống khung pháp lý và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tương đối đầy đủ, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi để các địa phương chủ động triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM, góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn trên địa bàn Tỉnh.

Kết quả chung thực hiện các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia NTM. Đến “năm 2020, toàn tỉnh có 104/111 đạt chuẩn nông thôn mới (tăng 62 xã so với năm 2015), chiếm 94% tổng số xã; 04 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (Đơn Dương, Đa Thiện, Đức Trọng, Cát Tiên); thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; huyện Đơn Dương đang triển khai xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh, hoàn thành mục tiêu đề ra” [1, tr 58]

Những kết quả cụ thể thực hiện các tiêu chí trong Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn toàn Tỉnh như sau:

Về công tác quy hoạch: đến nay 111/11 xã hoàn thành công tác quy hoạch chung xây dựng NTM, đã công bố công khai và ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng NTM.

Về hạ tầng kinh tế - xã hội đến nay: 111/111 xã đã có đường giao thông đến trung tâm xã; 111/111 xã đạt tiêu chí về thông tin và truyền thông; 111/111 xã đạt tiêu chí về điện; “111/116 xã đạt tiêu chí về giao thông (đạt 95,69%); 114/116 xã đạt tiêu chí về thủy lợi (đạt 98,27%); 105/116 xã đạt tiêu chí về cơ sở vật chất trường học (đạt 90,5%); có 114/116 xã đạt tiêu chí về cơ sở vật chất văn hóa (đạt 98,27%); 111/116 xã đạt tiêu chí về hạ tầng thương mại nông thôn (đạt 95,69%); 103/116 xã đạt tiêu chí về nhà ở dân cư (đạt 88,79%)”. [2]

Về tiêu chí phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất: 111/111 xã đạt tiêu chí về lao động có việc làm (đạt 100%); “97/116 xã đạt tiêu chí về thu nhập (đạt 83,62%); 100/116 xã đạt tiêu chí về tổ chức sản xuất (đạt 86,2%); 101/116 xã đạt tiêu chí về hộ nghèo (đạt 87,06%)”. [2]

Về văn hóa - xã hội - môi trường: 111/111 xã đạt tiêu

chí về văn hóa (đạt 100%); 111/111 xã đạt tiêu chí về y tế (đạt 99,14%); “109/116 xã đạt tiêu chí về giáo dục và đào tạo (đạt 93,96%); 112/116 xã đạt tiêu chí về môi trường và an toàn thực phẩm (đạt 96,55%)”. [2]

Về xây dựng hệ thống chính trị xã hội vững mạnh và giữ gìn an ninh, trật tự xã hội: 111/111 xã đạt tiêu chí về quốc phòng và an ninh (đạt 100%); “108/116 xã đạt tiêu chí về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (đạt 93,10%)” [2].

Sau hơn 10 năm thực hiện Chương trình xây dựng NTM và 6 năm thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, khu vực nông thôn của Tỉnh có những chuyển biến mạnh mẽ cả về lượng và chất. Diện mạo nông thôn khởi sắc rõ rệt, chất lượng đời sống vật chất của người dân được nâng cao, nhận thức về nông thôn mới được tăng cường. Kinh tế nông nghiệp có sự tăng trưởng ổn định, công nghiệp và dịch vụ nông thôn phát triển nhanh và đa dạng. Chất lượng đời sống văn hóa của người dân tiếp tục được nâng cao, nhiều giá trị văn hóa được bảo tồn và phát triển. Môi trường nông thôn đã có chuyển biến đáng kể, nhiều vùng nông thôn đã xây dựng và hình thành mô hình cảnh quan xanh sạch đẹp; thực hiện trồng rừng, trồng cây phân tán theo kế hoạch hàng

MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

năm; thực hiện thu gom rác thải, thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật ngay tại khu dân cư, khu sản xuất,...từ đó góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn tồn tại một số hạn chế như: việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM còn lúng túng, chưa có các giải pháp thiết thực tạo sự đột phá trong sản xuất nông nghiệp. Hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống đường giao thông nông thôn ở một số xã xuống cấp chưa được đầu tư, sửa chữa; công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi, nước sạch, các thiết chế văn hóa, thể thao tại một số nơi còn chưa kịp thời, chưa phát huy hết giá trị công trình. Công tác bảo vệ, cải thiện cảnh quan môi trường nông thôn tuy được quan tâm, nhưng chưa có các giải pháp thực sự đồng bộ và hiệu quả; nhiều xã đã đạt tiêu chí môi trường nhưng chưa thực sự bền vững. Công tác thu gom, xử lý rác thải, nước thải trong sinh hoạt và bao gói thuốc bảo vệ thực vật, vật tư trong sản xuất còn nhiều bất cập, đặc biệt là các vùng canh tác rau, hoa công nghệ cao, các khu vực chăn nuôi tập trung. Kết quả thực hiện hiện Chương trình chưa đồng đều giữa các vùng, địa bàn trong tỉnh. Đòi

sống, thu nhập một bộ phận người dân nông thôn còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo, nguy cơ tái nghèo còn cao, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kết quả xây dựng NTM tại một số địa phương chưa thực sự bền vững. Số lượng chuỗi liên kết hoàn chỉnh trong sản xuất, tiêu thụ nông sản chưa nhiều.

Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI, Nhiệm kỳ 2020 - 2025 phân đấu *“Lâm Đồng đạt tiêu chí nông thôn mới trước năm 2025; trong đó, tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu 10 - 15%; Đơn Dương và Đa Tễ là huyện nông thôn mới kiểu mẫu”* [1, tr 143]. Để đạt được mục tiêu đề ra cần thực hiện một số giải pháp sau:

Xây dựng Chương trình, kế hoạch, lộ trình thực hiện cho giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, với quan điểm xây dựng NTM là quá trình triển khai thực hiện thường xuyên, liên tục nhằm không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân nông thôn.

Tiếp tục kiện toàn Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp; trong đó, Trưởng ban chỉ đạo là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp. Cùng cố, kiện toàn bộ máy giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp theo hướng

chuyên nghiệp, hoạt động hiệu quả, trong đó duy trì hệ thống Văn phòng NTM cấp tỉnh và cấp huyện, bố trí một cán bộ chuyên trách NTM cấp xã; cán bộ, công chức chuyên trách về xây dựng NTM phải giỏi về chuyên môn, có tâm huyết để đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp và cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình theo phương pháp tiếp cận mới, linh hoạt và phù hợp, đi vào chiều sâu và đảm bảo tính bền vững, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Chú trọng việc thay đổi tư duy, nếp sống, năng lực của người dân làm mục tiêu; cư dân nông thôn là chủ thể, cộng đồng thôn bản là đơn vị đánh giá. Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho các địa phương và cộng đồng thôn.

Tiếp tục triển khai sâu rộng và thiết thực phong trào thi đua “Cùng cả nước, Lâm Đồng chung sức xây dựng NTM” với nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh, từng địa phương trong tỉnh; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa quyết định trong thực hiện Chương trình. Phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân chung sức

MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

xây dựng NTM; thực hiện kịp thời, có hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động xây dựng NTM trên các phương tiện thông tin đại chúng; gần phong trào thi đua với tiếp tục đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Rà soát, bổ sung, điều chỉnh, xây dựng mới các cơ chế, chính sách đảm bảo phù hợp với các chủ trương, chính sách của Trung ương và điều kiện thực tế của tỉnh; nghiên cứu ban hành chính sách, cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng các dự án thuộc Chương trình xây dựng NTM. Rà soát quy hoạch, chỉnh trang, tạo diện mạo NTM đảm bảo hợp lý, hài hòa, hiệu quả, nhất là quy hoạch khu dân cư kiểu mẫu; xây dựng quy hoạch vùng huyện đảm bảo tính kết nối giữa nông thôn và thành thị, gắn với xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung ban hành các thiết kế mẫu nhà văn hoá thôn, nhà ở dân cư, cổng hàng rào nhà ở dân cư,...

Xây dựng NTM gắn với đô thị hóa, xây dựng nông thôn văn minh hiện đại; chỉ đạo xây dựng Đơn Dương thành huyện NTM kiểu mẫu về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh. Xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể thực hiện xã đạt chuẩn NTM nâng

cao, xã NTM kiểu mẫu.

Tiếp tục phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại, thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh gắn với xây dựng NTM; đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ theo hướng đồng bộ, hiện đại gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp; xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa lớn, hiệu quả và có sức cạnh tranh cao, trọng tâm là phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tiếp tục nghiên cứu, đầu tư phát triển nông nghiệp thông minh và nông nghiệp hữu cơ.

Hỗ trợ hình thành, mở rộng các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó tập trung vào các nhóm sản phẩm chủ lực. Khuyến khích hình thành và phát triển mô hình kinh tế trang trại, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn.

Kết hợp phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn gắn với công nghiệp, chế biến nông, lâm sản, tạo điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa,

hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; trong đó khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến gắn với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh thay vì xuất khẩu thô. Chú trọng thu hút đầu tư, liên kết hợp tác phát triển sản xuất gắn với thu mua, chế biến, bảo quản, tiêu thụ bằng cách làm mới, có tính chiến lược với công nghệ ngày càng hiện đại, nâng cao chất lượng, giá trị các sản phẩm nông nghiệp.

Hoàn thiện, nâng cao chất lượng các công trình hạ tầng nông thôn; trong đó ưu tiên hoàn thiện hệ đường giao thông nông thôn, hệ thống lưới điện phục vụ sản xuất, các công trình cấp nước sinh hoạt, hệ thống các công trình đảm bảo chuẩn hóa về giáo dục, văn hóa, thể thao, môi trường; thực hiện tốt công tác duy tu, bảo trì nâng cao hiệu quả của hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn xã.

Rà soát, bổ sung quy hoạch các khu dân cư; đầu tư hoàn thành các dự án bố trí ổn định dân cư tập trung, xen ghép tại huyện Đam Rông và một số địa phương trong tỉnh để đồng bào dân tộc thiểu số ổn định cuộc sống, yên tâm sản xuất tại nơi ổn canh, ổn cư, thụ hưởng đầy đủ các cơ chế, chính sách của Nhà nước.

Chủ động lồng ghép các nguồn lực, hướng dẫn, kiểm

MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

tra các địa phương thực hiện tiêu chí do sở, ngành phụ trách nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho người dân nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS; tiếp tục xây dựng nếp sống văn hóa nông thôn, giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của từng vùng, từng dân tộc, nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa cơ sở để đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa của người dân nông thôn. Đưa văn hóa trở thành động lực mới để xây dựng NTM, thực hiện chủ trương *”Kinh tế trong văn hóa và văn hóa trong kinh tế”*. Phát triển du lịch nông thôn gắn với khai thác các giá trị của nông nghiệp truyền thống.

Phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động và thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường. Xây dựng NTM cần gắn chặt với việc tăng cường phát triển bền vững và bảo vệ môi trường nông nghiệp nông thôn.

Nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ; mỗi cán bộ, đảng viên phải thể hiện tốt vai trò, trách nhiệm trước nhân dân, làm

nòng cốt trong thực hiện các phong trào. Xây dựng chính quyền cơ sở gần dân, gần bó với nhân dân; thực sự liêm khiết, năng động, sáng tạo, tận tụy phục vụ nhân dân; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cơ sở cần đổi mới phương thức hoạt động, gần gũi, gần bó với đoàn viên, hội viên và nhân dân; tăng cường vai trò trách nhiệm đối với nhân dân.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện nghiêm việc xem xét, công nhận xã, huyện đạt chuẩn NTM, đảm bảo thực chất khách quan, đúng quy định, thực chất, không chạy theo thành tích; tiếp tục phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, đặc biệt về việc thực hiện các chủ trương, cơ chế, chính sách, việc sử dụng và huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình và sự hài lòng của người dân đối với kết quả thực hiện Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn.

Hơn 10 năm qua tích cực hưởng ứng và tham gia phong trào thi đua cả nước chung tay xây dựng NTM, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Lâm Đồng đã đạt được những thành tựu quan trọng, đưa Lâm Đồng trở thành lá cờ đầu của khu vực Tây Nguyên trong xây dựng NTM. Những thành tựu trong Chương trình xây dựng NTM,

đã từng bước hiện thực hóa xây dựng những vùng kinh tế mới, vùng quê một thời khó khăn, thiếu thốn, gian khổ nay trở nên đầy đủ, giàu, đẹp, đáng sống góp phần quan trọng củng cố niềm tin của người dân đối với Đảng và Nhà nước là nền tảng Lâm Đồng phát triển toàn diện, bền vững trước năm 2025 trở thành tỉnh NTM./.

Tài liệu tham khảo

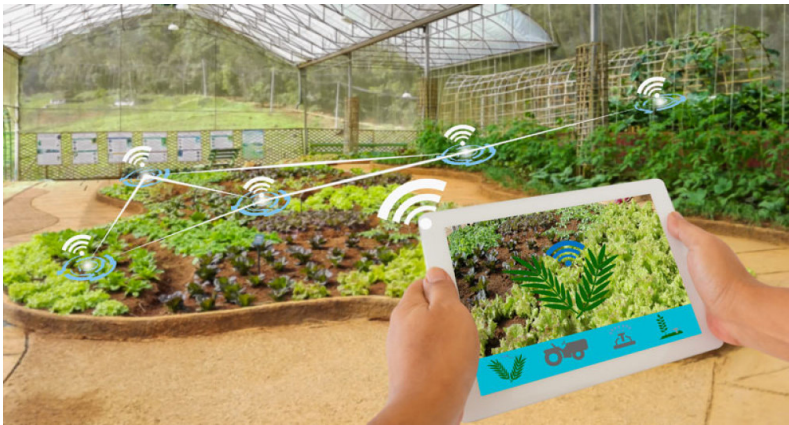
1. Văn kiện đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 -2025.
2. Báo cáo số 51/BC -UBND ngày 24/3/2020 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về tổng kết đánh giá mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 - 2020 và đề xuất thực hiện giai đoạn 2021 - 2025.
3. Báo cáo số 287/BC -UBND ngày 02/12/2020 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về kết quả thực hiện dân vận khéo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
4. Nghị quyết số 833/NQ – UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính tỉnh Lâm Đồng./.

** Giảng khoa Lý luận cơ sở.*

THỰC TIỄN THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN
Ở TỈNH LÂM ĐỒNG

Hoàng Thị Như Quỳnh*

Lâm Đồng là địa phương đi đầu cả nước về nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh và phát triển mạnh lực lượng sản xuất trong nông nghiệp với mô hình “doanh nghiệp là nòng cốt, ứng dụng khoa học công nghệ là điều kiện tiên quyết; xây dựng chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm để phát triển bền vững; xây dựng thương hiệu để bảo hộ quyền lợi người sản xuất và tạo niềm tin cho người tiêu dùng; nông dân đóng vai trò chủ thể và là nhân tố quyết định”[1]. Thông qua thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, đặc biệt là thu hút các doanh nghiệp đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức và giúp nông dân thay đổi tư duy, mạnh dạn đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất; từ đó làm tăng năng suất, giá trị nông sản, làm tăng giá trị sử dụng đất, đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; qua đó đã xuất hiện những “nông dân thế hệ mới”



có khả năng làm giàu từ nông nghiệp.

Tỉnh Lâm Đồng có diện tích tự nhiên hơn 9.783 km²; dân số 1,3 triệu người; là tỉnh có tiềm năng, lợi thế về tài nguyên đất đai, nguồn nước, nguồn nhân lực và điều kiện sinh thái phù hợp để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô hàng hóa với các loại nông sản đặc sản ưu thế so với các vùng khác như: chè, cà phê, dâu tằm, bò sữa, cá nước lạnh, rau hoa cao cấp có nguồn gốc ôn đới và á nhiệt đới. Theo đánh giá của Nghị quyết Đại hội Đại biểu đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ X về kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 “Kinh tế tiếp tục phát triển, quy mô và chất lượng nền kinh tế được nâng lên theo hướng bền

vững. Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP đạt khá cao, bình quân 5 năm 2016 - 2020 tăng 8,0%” trong khi dự báo năm 2020 do ảnh hưởng dịch Covid 19, tốc độ tăng trưởng GDRP tăng 6,73 % - 6,83%; Khu vực nông nghiệp tăng 5,0%”; “GRDP bình quân đầu người tăng nhanh, từ 46 triệu đồng năm 2015 lên 71 triệu đồng năm 2020, đạt mục tiêu đề ra cao hơn bình quân chung cả nước” [2]; “Giá trị sản phẩm thu được trên một đơn vị diện tích đạt 180 triệu đồng/ha, tăng 33,6 triệu đồng/ha so với năm 2015; tiếp tục khẳng định thế mạnh của địa phương trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; có 10 doanh nghiệp được công nhận doanh nghiệp công nghệ cao và 165 chuỗi liên kết với 200

MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

doanh nghiệp, hợp tác xã và 17.000 hộ dân” [3].

Trong giai đoạn 2016 - 2020, “toàn tỉnh thu hút đầu tư được 214 dự án đầu tư, vốn đăng ký 16.352 tỷ đồng. Tổng số vốn đầu tư toàn xã hội trong giai đoạn 2016 -2020 đạt 130 tỷ đồng, theo đó vốn đầu tư của khu vực tư nhân chiếm khoảng 75%, tập trung vào một số lĩnh vực thế mạnh của tỉnh như: nông nghiệp, du lịch dịch vụ...[4]. Các dự án đầu tư cho thấy đã hướng đến việc áp dụng các công nghệ mới trong sản xuất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm cung cấp ra thị trường. Việc thu hút doanh nghiệp đầu tư tại tỉnh, nhất là doanh nghiệp FDI đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp đã góp phần đẩy nhanh việc chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, là đầu mối thực hiện: chế biến sản phẩm có quy mô lớn đạt tiêu chuẩn, liên kết thu mua, tiêu thụ sản phẩm và xuất khẩu các nông sản chủ lực của tỉnh ra thị trường ngoài nước; góp phần đưa Lâm Đồng trở thành một trong những tỉnh đi đầu trong cả nước về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Để đạt được những kết quả trên, nhất là thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tỉnh Lâm Đồng đã thực hiện trên cơ sở các quy

định và các văn bản hướng dẫn của Trung ương. Ngoài ra, để cụ thể hóa các quy định, cơ chế chính sách của Trung ương; tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn với mức hỗ trợ từ ngân sách tương ứng theo dự án như: Đề án chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; ban hành danh mục các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn về trình tự thủ tục, quản lý dự án đầu tư nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh; công bố danh mục các dự án thu hút đầu tư thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận tỉnh Lâm Đồng theo Quyết định số 1258/QĐ - TTg, ngày 03/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ...; Tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp định kỳ 2 lần/năm để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư trong và ngoài tỉnh. Lâm Đồng cũng rất chú trọng các hoạt động hợp tác xã, liên kết phát triển kinh tế - xã hội với các địa phương trong nước nhằm giới thiệu, quảng bá tiềm năng trong sản xuất nông nghiệp và thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Thông qua các hoạt động hợp tác này, nhiều nhà đầu tư của các tỉnh đã đến tìm

hiểu và triển khai các dự án đầu tư tại tỉnh. Nhiều doanh nghiệp của tỉnh được kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm tại các tỉnh bạn và các siêu thị lớn, các chợ đầu mối phân phối nông sản để hình thành các chuỗi nông sản an toàn, truy xuất được nguồn gốc, tạo phát triển ổn định, bền vững cho doanh nghiệp và người nông dân trên địa bàn.

Ngoài các hoạt động thu hút đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, tỉnh Lâm Đồng đã chú trọng phát triển doanh nghiệp tại chỗ theo hướng khuyến khích các trang trại, hộ gia đình, các nhóm hộ có đủ điều kiện, năng lực hình thành các doanh nghiệp, hợp tác xã ngay tại địa phương. Đây là các doanh nghiệp nông nghiệp đi lên từ sản xuất, có sự am hiểu sâu sắc về đặc thù sản xuất của tỉnh, có mối quan hệ chặt chẽ với người nông dân, có sẵn nguồn lực, điều kiện đất đai để tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm. Đối với các doanh nghiệp này, tỉnh tập trung hỗ trợ, đào tạo năng lực quản lý, tổ chức sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm, tiếp cận thị trường, tiếp cận khoa học công nghệ mới để có thể đứng vững và ngày càng phát triển, nhất là tại các địa bàn vùng sâu, xa, vùng còn nhiều khó khăn của tỉnh. Tỉnh cũng đã ban hành Quyết định số

MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

740/QĐ-UBND phê duyệt Đề án hỗ trợ khởi nghiệp tinh Lâm Đồng đến năm 2020, theo đó kèm theo các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp nói chung, trong đó khởi nghiệp nông nghiệp thông minh 4.0 nói riêng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được trong thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của tỉnh cũng còn gặp nhiều khó khăn như: đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn có chi phí cao, tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn so với các ngành nghề khác, đồng thời cơ sở hạ tầng nông thôn tuy đã được đầu tư, nhưng vẫn chưa đáp ứng được đầy đủ, nhất là đối với vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Đây là nguyên nhân khiến cho các nhà đầu tư chưa thật sự mặn mà đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Số doanh nghiệp đầu tư các dự án có quy mô lớn, có tiềm lực tài chính, có quy trình công nghệ hiện đại trên địa bàn tỉnh hiện nay chưa nhiều, chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của tỉnh trong phát triển sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất quy mô lớn. Người nông dân hiện đang giữ tư liệu sản xuất quan trọng là đất đai. Tuy nhiên, sản xuất còn nhỏ, lẻ, chưa liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp trên địa bàn, dẫn đến sản xuất thiếu ổn định, chưa tạo ra được

nhiều chuỗi liên kết sản xuất quy mô lớn đủ đáp ứng thị trường xuất khẩu...

Như vậy, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp có vai trò đặc biệt đối với khu vực nông nghiệp, nông thôn vì không chỉ là nơi tạo ra việc làm, thu nhập cho người lao động, tăng kim ngạch xuất khẩu mà còn góp phần vào công cuộc CNH, HĐH nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Do đó, năm 2020 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm cuối của kế hoạch 5 năm (2016-2020), năm tổ chức Đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Tuy nhiên, từ đầu năm 2020 đến nay, sự bùng phát của đại dịch Covid - 19 với tốc độ lây lan rất nhanh, diễn biến khó lường và mức độ nguy hiểm chưa từng có trong lịch sử đã tác động mạnh mẽ, toàn diện, sâu rộng đến mọi mặt đời sống kinh tế, xã hội toàn cầu. Bối cảnh đó đã đặt ra những khó khăn, thách thức lớn đối với nền kinh tế, xã hội đất nước nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng. Vì vậy, để thực hiện có hiệu quả thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, tỉnh xác định không ngừng cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và hỗ trợ nhà đầu tư. Thực hiện tốt chủ trương, chính sách phát triển và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ

và vừa để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước. Quan tâm xây dựng, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư ký kết hợp đồng cung ứng vật tư, bao tiêu sản phẩm với hộ nông dân, hợp tác xã theo mô hình liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng... để nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản Lâm Đồng, qua đó đẩy mạnh xây dựng và quảng bá thương hiệu “Đà Lạt kết tinh kỳ diệu từ đất lành”; góp phần đưa nông nghiệp, nông thôn Lâm Đồng tiếp tục phát triển toàn diện, nhanh và bền vững, để đến năm 2025 Lâm Đồng là tỉnh phát triển khá của cả nước./.

Tài liệu tham khảo

[1] Theo bài “Lâm Đồng đã cơ bản đạt mục tiêu phát triển nhanh và bền vững”, Báo Lâm Đồng số 5681, ngày 16/10/2020.

[2] Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2020 - 2025, tr.56.

[3] Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2020 - 2025, tr 56.

[4] Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2020 - 2025, tr 64.

* **Giảng viên khoa Lý luận cơ sở**

TỈNH LÂM ĐỒNG ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC CÁN BỘ NỮ
TRONG CHẶNG ĐƯỜNG 10 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA
VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI 2011 - 2020

Chu Thị Thu Trang*

Qua 10 năm triển khai, thực hiện Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020, tại tỉnh Lâm Đồng sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo bước đầu thu được những kết quả quan trọng, có những bước chuyển biến mới góp phần thu hẹp khoảng cách giữa nam và nữ về cơ hội sự tham gia và thụ hưởng lợi trên các lĩnh vực...

Lâm Đồng là một trong 5 tỉnh Tây Nguyên với diện tích tự nhiên 9.783,34 km², với dân số 1.312.926 người, mật độ dân số: 134 người/km², có 12 đơn vị hành chính: 02 thành phố và 10 huyện. Thành phố Đà Lạt là trung tâm Hành chính - kinh tế - xã hội của tỉnh. Là tỉnh có 43 đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống chiếm 24,1% dân số toàn tỉnh, đồng bào thiểu số gốc Tây Nguyên chiếm 16,67% dân số toàn tỉnh.

Trong quá trình phát triển, cả nước nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng đang hội nhập ngày càng sâu, rộng vào kinh tế thế giới và

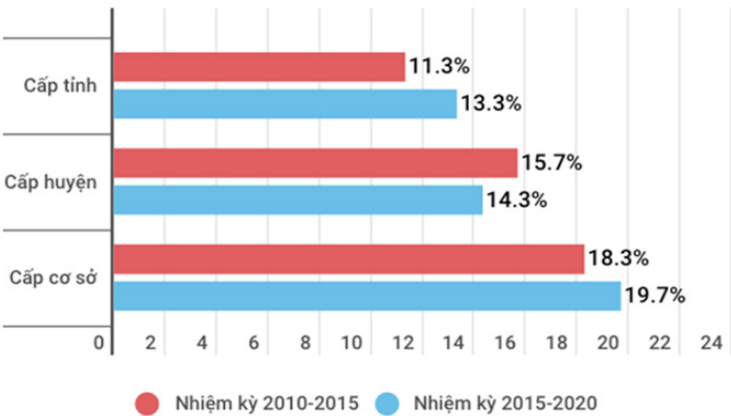
khu vực. Trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng, các chính sách, pháp luật của Nhà nước; kinh tế của tỉnh Lâm Đồng đã và đang ngày càng phát triển; tình hình chính trị, xã hội ổn định, tạo được sự đồng thuận trong nhân dân, an sinh xã hội được đảm bảo.

Trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phụ nữ như Nghị quyết 04/NQ-TW, ngày 12/7/1993 của Bộ Chính trị về tăng cường đổi mới công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới, Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công

tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Chỉ thị 37/CT-TW, ngày 16/5/1994 của Ban Bí thư về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới và Chỉ thị 21-CT/TW, ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới và Luật Bình đẳng giới..., tỉnh Lâm Đồng đã có nhiều cố gắng, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả và đã đạt được những kết quả nhất định trong công tác cán bộ nữ, tạo điều kiện cho nữ giới tham gia vào công tác quản lý nhà nước ở địa phương.

Sau khi có Nghị quyết số

TỶ LỆ PHỤ NỮ THAM GIA CẤP ỦY
(Nguồn: Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Đơn vị: %)





11-NQ/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình số 39-CT/TU, ngày 6/11/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước; UBND tỉnh đã ban hành quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 22/3/2011 về thực hiện Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và yêu cầu các địa phương, Sở, ban, ngành thực hiện nghiêm túc, tạo điều kiện cho cả nam và nữ về cơ hội tiếp cận, tham gia hưởng lợi trên các lĩnh vực của đời sống như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và trong gia đình, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội của tỉnh.

Trong những năm qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền của tỉnh Lâm Đồng luôn quan tâm chỉ đạo thực hiện các mục tiêu Bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ; đặc biệt là quan tâm quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ nữ,

góp phần tăng tỷ lệ cán bộ nữ tham gia trong các cấp ủy Đảng và chính quyền nhằm tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí

lãnh đạo, quản lý nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị tại tỉnh Lâm Đồng.

Đến nay, tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ngày càng tăng cả về số lượng lẫn chất lượng. Đội ngũ cán bộ nữ ngày càng được chuẩn hóa, năng động, nhiệt tình, trách nhiệm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đã có bước tăng đáng kể so với nhiệm kỳ trước. Cụ thể: Tại cấp cơ sở: Ủy viên BCH có 390 nữ/1.800 đồng chí, chiếm 20,8% (nhiệm kỳ trước là 16,8%); Cấp huyện: Ủy viên BCH có 84 nữ/557 đồng chí, chiếm 14,1% (nhiệm kỳ trước 12,9%); Cấp tỉnh: Ủy viên BCH có 10 nữ/54 đồng chí, chiếm 18,5% (nhiệm kỳ trước 10,9%). Trung bình các cấp là 17,8% (nhiệm kỳ trước 13,5%).

Trong công tác chuẩn bị nhân sự bầu cử HĐND, UBND và đại hội Đảng các cấp, Tỉnh ủy, UBND đã chỉ đạo tổ chức đánh giá cán bộ,

rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ, xem xét cơ cấu, bố trí cán bộ nữ ở các ngành và các lĩnh vực đảm bảo số lượng lẫn chất lượng. Tỷ lệ nữ tham gia đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 cũng tăng so với nhiệm kỳ trước. Cụ thể: Đối với đại biểu HĐND cấp tỉnh: Số đại biểu ấn định là 76 người, số đại biểu trúng cử là 76 người, trong đó nữ là 25 đại biểu, chiếm 32,89% (nhiệm kỳ trước 31,5%). Đại biểu HĐND cấp huyện: Số đại biểu ấn định là 428 người, số đại biểu trúng cử là 428 người, trong đó nữ là 101 đại biểu, chiếm 23,60% (nhiệm kỳ trước là 22,1%). Đại biểu HĐND cấp xã: Số đại biểu ấn định: 4.165 người, số đại biểu trúng cử là 4.098 đại biểu, trong đó nữ là 1.078 đại biểu, chiếm 26,31% (nhiệm kỳ trước là 21,1%).

Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng, đề bạt cán bộ nữ ngày càng được tỉnh Lâm Đồng quan tâm. Cụ thể: Trong giai đoạn 2016 - 2021, số cán bộ quy hoạch chức danh Giám đốc sở, ngành và tương đương là 39 người, trong đó nữ là 10 người, chiếm tỷ lệ 25,64%. Số cán bộ quy hoạch chức danh Phó giám đốc sở, ngành và tương đương: là 93 người, trong đó nữ là 20 người, chiếm tỷ lệ 21,50%. Công tác quy hoạch Trưởng, phó

MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

phòng và tương đương các sở giai đoạn 2020 -2025: số cán bộ nữ được quy hoạch là 175/545 người, đạt 32,11%.

Số lượng cán bộ nữ giữ các chức danh chủ chốt trong cơ quan đảng, đoàn thể, sở, ban, ngành do Ban Thường vụ quản lý tính đến nay có 36 đồng chí. Số cán bộ nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền cấp tỉnh là 67 người, trong đó có 10 nữ, chiếm tỷ lệ 14,9%. Lãnh đạo chính quyền cấp huyện 406 người, trong đó nữ là 72 người, chiếm tỷ lệ 67,9%. Lãnh đạo chính quyền cấp xã là 645 người, trong đó nữ là 92 người, chiếm tỷ lệ 14,3%.

Đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020 ở cấp huyện là 154/542 người, chiếm 28,41%; ở cấp xã là 103/259 người, chiếm 39,76%. Trong công tác quy hoạch cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020 - 2025 ở cấp huyện là 323/916 người, chiếm 35,26%, ở cấp xã là 120/438 người, chiếm 52,56%.

Đạt được những kết quả trên là nhờ sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương của tỉnh Lâm Đồng. Trong thời gian qua, nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, đơn vị về công tác cán bộ nữ, về Bình đẳng giới, về vị trí, vai trò của phụ nữ, về công tác phụ nữ ngày càng được

nâng lên; Luật Bình đẳng giới được triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ ở các cấp, các ngành, đảm bảo tốt hơn quyền lợi chính đáng của phụ nữ.

Trong công tác chuẩn bị nhân sự bầu cử HĐND, UBND và đại hội Đảng các cấp, tỉnh ủy, UBND đã chỉ đạo tổ chức đánh giá cán bộ, rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ, xem xét cơ cấu, bố trí cán bộ nữ ở các ngành và các lĩnh vực đảm bảo số lượng lẫn chất lượng.

Trong công tác quy hoạch cán bộ, các đơn vị đã lồng ghép chỉ tiêu tăng cường sự tham gia của nữ giới vào các vị trí quản lý, lãnh đạo nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị, trong đó có tập trung tạo nguồn và tăng tỷ lệ cán bộ nữ đương chức và kế cận được quy hoạch và được đi đào tạo nghiệp vụ, bồi dưỡng về lý luận chính trị và quản lý nhà nước.

Mặc dù đạt được nhiều kết quả quan trọng trong công tác cán bộ nữ, song địa phương Lâm Đồng vẫn còn có một số hạn chế như: Tỷ lệ tham gia cấp ủy Đảng, tỷ lệ UBND các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ, tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý, tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp... còn thấp. Bên cạnh đó, việc rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia chia sẻ công

việc gia đình của nữ so với nam cũng còn hạn chế... Do một số nguyên nhân như: một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thật sự quan tâm đến công tác cán bộ nữ nên hiệu quả hoạt động chưa cao; công tác phối hợp giữa các địa phương, sở, ngành trong thực hiện Bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ chưa được thường xuyên, kịp thời; việc triển khai thực hiện Luật Bình đẳng giới và các văn bản pháp luật khác cho một số bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhân dân còn những hạn chế nhất định; bản thân một số bộ phận nữ giới vẫn còn tư tưởng an phận, chưa tự phấn đấu vươn lên trong cuộc sống và sự nghiệp...

Nhằm đẩy mạnh công tác cán bộ nữ trong thời gian tiếp theo để tiếp tục thực hiện mục tiêu quốc gia về Bình đẳng giới, thiết nghĩ trong thời gian tiếp theo, tỉnh Lâm Đồng cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về bình đẳng giới, về vị trí, vai trò của công tác cán bộ nữ.

Cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành, các đoàn thể, tổ chức xã hội, các cơ quan thông tin đại chúng ở địa phương phải tăng cường công tác thông tin, tuyên

MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

truyền để nâng cao nhận thức về giới và ý thức trách nhiệm thực hiện Bình đẳng giới giúp cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, đặc biệt là người đứng đầu cấp ủy và cấp ủy các cấp, cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ hoạch định chính sách các cấp, các ngành có nhận thức đúng đắn, có trách nhiệm và quyết tâm trong chỉ đạo, thực hiện công tác cán bộ nữ.

Việc thông tin, tuyên truyền được thực hiện bằng nhiều hình thức phong phú, phù hợp góp phần làm chuyển biến tích cực về nhận thức, trách nhiệm, từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị.

Thực hiện lồng ghép nội dung về bình đẳng giới vào giảng dạy trong hệ thống giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, ở các cấp trung học phổ thông, trung học cơ sở và tiểu học. Đưa nội dung về giới vào các chương trình bồi dưỡng về quản lý nhà nước, đào tạo về lý luận chính trị nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt.

Thứ hai, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, chương trình, dự án và các giải pháp phù hợp với mục tiêu xây dựng của công tác cán bộ nữ.

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Luật Bình đẳng giới; tham gia xây dựng và đóng

góp bổ sung, sửa đổi hệ thống luật pháp, chính sách, bảo đảm tốt quyền lợi chính đáng và hợp pháp cho phụ nữ, đặc biệt là trong lãnh đạo, quản lý.

Chủ động tạo nguồn từ xa, xây dựng chiến lược đào tạo cán bộ nữ gắn với quy hoạch cán bộ. Chủ động bố trí, sắp xếp, bố trí các vị trí phù hợp để cán bộ nữ có điều kiện rèn luyện, phấn đấu, trưởng thành, tránh tình trạng đến sát đại hội mới đi tìm cán bộ.

Xây dựng, hoàn thiện chính sách hỗ trợ, có các giải pháp cụ thể để tăng tỷ lệ phụ nữ được đào tạo về trình độ, chuyên môn nghiệp vụ. Hỗ trợ việc nâng cao năng lực cho nữ lãnh đạo trẻ thông qua việc thực hiện các chương trình, dự án về công tác phụ nữ và công tác cán bộ nữ trong tình hình mới.

Có các biện pháp thúc đẩy công tác phụ nữ và bình đẳng giới, như lượng hóa chỉ tiêu, tiêu chí... vào chủ trương, chính sách, kế hoạch để thực hiện; theo dõi, sát sao trong quy trình bầu cử; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác phụ nữ, bình đẳng giới.

Có cơ chế, chính sách cụ thể về độ tuổi trong quy hoạch đào tạo, bổ nhiệm đối với cán bộ nữ.

Thứ ba, tăng cường sự tham gia lãnh đạo và quản lý của phụ nữ; thực hiện bình

đẳng giữa nam và nữ, nâng cao vị thế của phụ nữ trong mọi lĩnh vực.

Các cấp, các ngành cần nâng cao trách nhiệm trong chỉ đạo xây dựng quy hoạch cán bộ, trong đó đảm bảo tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý theo quy định; Gắn quy hoạch với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đề bạt cán bộ nữ đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài; có tiêu chí đánh giá việc thực hiện các nội dung này trong bình xét xếp loại thi đua, xét khen thưởng của tập thể và người đứng đầu.

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, đảm bảo tỷ lệ cán bộ nữ được cử đi đào tạo, nhất là cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý để nâng cao trình độ, năng lực mọi mặt, với hình thức phù hợp, thiết thực đối với từng đối tượng để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và tạo nguồn cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý trong thời gian tới. Đảm bảo các phòng, ban của mỗi cơ quan cấp tỉnh, huyện hầu hết có nữ là lãnh đạo, quản lý làm nguồn cho lãnh đạo nữ ở cấp sở, ngành, huyện tham gia cấp ủy.

Tăng cường công tác bồi dưỡng phát triển đảng viên nữ, mạnh dạn giao việc, có kế hoạch phân công công tác nhằm tạo điều kiện để đảng viên nữ được rèn luyện, có cơ hội thể hiện khả năng, qua đó để lựa chọn đào tạo, tạo nguồn.

MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

Tiếp tục hoàn thiện các chính sách cụ thể nhằm tăng cường công tác cán bộ nữ trong tổng thể chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của tỉnh trong thời kỳ mới; xây dựng cơ chế chính sách để thu hút, khuyến khích cán bộ nữ giỏi, tài năng.

Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các chính sách đối với lao động nữ nhằm bảo đảm tính hiệu quả, công bằng trong chính sách đào tạo nghề, bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động và chế độ nghỉ hưu.

Thứ bốn, bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình và trong việc tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Đẩy mạnh việc xây dựng gia đình văn hóa, trong đó nhấn mạnh tiêu chí bình đẳng giới trong gia đình. Chú trọng xây dựng mô hình các câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, bình đẳng và không có bạo lực. Xây dựng và thực hiện thí điểm mô hình tư vấn, hỗ trợ phòng chống bạo lực trên cơ sở giới và nhân rộng các mô hình thành công.

Tăng cường cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ và nam giới, nhất là đối với phụ nữ và nam giới vùng dân tộc thiểu số. Mở rộng mạng lưới tư vấn về sức khỏe sinh sản.

Thứ năm, bản thân cán bộ nữ phải luôn chủ động,

nỗ lực học tập, công tác, rèn luyện, phấn đấu, khẳng định mình, đáp ứng các điều kiện tiêu chuẩn, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Thứ sáu, huy động nguồn lực cho các hoạt động Bình đẳng giới.

Tăng cường đầu tư kinh phí cho các hoạt động của công tác Bình đẳng giới ở các cấp, các ngành; Bảo đảm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, ưu tiên cho những ngành, vùng, khu vực có bất bình đẳng giới hoặc có nguy cơ cao về bất bình đẳng giới, vùng nông thôn, vùng miền núi còn nhiều tập tục lạc hậu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số...

Có thể khẳng định, công tác cán bộ nữ của tỉnh Lâm Đồng trong những năm qua đã đạt được những kết quả quan trọng. Và để xây dựng quê hương Lâm Đồng ngày càng giàu đẹp cùng với đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì tỉnh Lâm Đồng cần quan tâm hơn nữa đến công tác cán bộ nữ của tỉnh nhằm góp phần vào quá trình thực hiện chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới./.

Tài liệu tham khảo:

1. Nghị quyết 04/NQ-TW, ngày 12/7/1993 của Bộ Chính trị về tăng cường đổi mới công tác vận động phụ

nữ trong tình hình mới;

2. Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

3. Chỉ thị 37/CT-TW, ngày 16/5/1994 của Ban Bí thư về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới;

4. Chỉ thị 21-CT/TW, ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới;

5. Luật Bình đẳng giới;

6. Chương trình số 39-CT/TU, ngày 6/11/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước;

7. Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 22/3/2011 về thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020;

8. Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 của Sở LĐTBXH, tháng 4 năm 2020;

9. Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 của Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh Lâm Đồng năm 2020.

* **Giảng viên khoa Xây dựng Đảng**

Trong không khí toàn Đảng, toàn dân ta cùng nhau thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ X, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, chúng ta càng sâu sắc nhớ lại những ngày này của 75 năm về trước - khi mà cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của nước ta (06/01/1946) diễn ra. Ôn lại mốc son chói lọi ấy mỗi cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân càng nhận



thức do thiên tai, bão lũ, đại dịch Covid19 gây ra, nắm bắt thời cơ, quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của Quốc hội khóa XIV.

Vào ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, trước hàng chục vạn đồng bào, Chủ tịch Hồ Chí Minh

Hưởng ứng lời kêu gọi của Bác, Ngày 06/01/1946, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên đã được tiến hành sôi nổi trên khắp cả nước. Ở các tỉnh phía Bắc, mặc dù phải đối phó với âm mưu phá hoại hết sức tinh vi và trắng trợn của kẻ thù, nhưng cuộc

Ý NGHĨA LỊCH SỬ NGÀY TỔNG TUYỂN CỬ BẦU QUỐC HỘI ĐẦU TIÊN CỦA NƯỚC TA (06/01/1946)

*Nguyễn Thị Khánh Linh**

thức sâu sắc về ý nghĩa của ngày Tổng tuyển cử đầu tiên của Quốc hội Việt Nam; tôn vinh và tri ân công lao, đóng góp to lớn của Quốc hội đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Qua đó góp phần củng cố, bồi đắp niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước cũng như sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế; cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nỗ lực vượt qua khó khăn, thách

thay mặt Chính phủ lâm thời trình trọng đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chỉ một ngày sau khi Nhà nước cách mạng ra đời, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ “tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu”.

Tổng tuyển cử vẫn được diễn ra an toàn. Các tỉnh phía Nam, cuộc bầu cử diễn ra dưới bom đạn rất ác liệt của giặc Pháp. Cuộc Tổng tuyển cử đã bầu được 333 đại biểu, trong đó có 57% số đại biểu thuộc các đảng phái khác nhau; 43% số đại biểu không đảng phái; 87% số đại biểu là công nhân, nông dân, chiến sỹ cách mạng; 10 đại biểu nữ và 34 đại biểu dân tộc thiểu số. Trong thành phần của

Quốc hội có đại biểu đại diện cho cả ba miền Bắc - Trung - Nam, các giới từ những nhà cách mạng lão thành, thương gia, nhân sĩ trí thức và các nhà hoạt động văn hóa, đến đại biểu các thành phần tôn giáo, những người không đảng phái và các đảng phái chính trị. Cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của Việt Nam năm 1946 được tiến hành theo những nguyên tắc dân chủ, tiến bộ nhất, đó là: phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín đã hoàn toàn thắng lợi. Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử đánh dấu sự ra đời của Quốc hội, cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất; thành lập ra một Chính phủ thống nhất, ban hành một bản Hiến pháp dân chủ, tiến bộ và một hệ thống chính quyền hoàn toàn đầy đủ danh nghĩa về mặt pháp lý để đại diện cho Nhân dân Việt Nam về đối nội và đối ngoại. Cuộc bầu cử là căn cứ để khẳng định Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có tính chất hợp pháp, dân chủ - nhà nước của dân, do dân và vì dân, được nhân dân giao phó trọng trách điều hành đất nước, tổ chức toàn dân kháng chiến, kiến quốc, giải quyết mọi quan hệ của Việt Nam trên trường quốc tế.



Trong bối cảnh cách mạng Việt Nam có nhiều khó khăn chồng chất, nhân dân ta vừa thoát khỏi ách nô lệ nhưng Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn quyết định tổ chức Tổng tuyển cử và cuộc Tổng tuyển cử thành công là một quyết định sáng suốt, kịp thời, nhạy bén, chính trị và khoa học, thực tiễn sâu sắc. Quốc hội Việt Nam ra đời vừa là thành quả, vừa là yêu cầu bức thiết của cách mạng. Đó là Quốc hội của độc lập dân tộc, của thống nhất đất nước và của đại đoàn kết toàn dân. Quốc hội đã hội tụ các đại biểu của cả ba miền Bắc - Trung - Nam, là ý chí của nhân dân cả nước. Quốc hội đã có đại diện của tất cả thế hệ những người Việt Nam yêu nước đương thời, hội tụ đại biểu của tất cả các ngành, các giới, các giai cấp, tầng lớp xã hội từ công nhân, nông dân, nam giới, nữ giới cho

đến những nhà tư sản, công thương gia, những nhân sĩ trí thức và các nhà hoạt động văn hóa nổi tiếng, có đại diện của các thành phần tôn giáo trên đất nước ta, tất cả các thành phần dân tộc, của tất cả những người không đảng phái và đảng phái chính trị như Đảng Cộng sản, Đảng Dân chủ, những đảng viên Xã hội cùng những người tiến bộ trong các phái chính trị khác.

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát biểu tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội đầu tiên, đó là: "... kết quả của sự hy sinh, tranh đấu của tổ tiên ta, nó là kết quả của sự đoàn kết anh dũng phấn đấu của toàn thể đồng bào Việt Nam ta, sự đoàn kết của toàn thể đồng bào không kể già, trẻ, lớn, bé, gồm tất cả các tôn giáo, tất cả các dân tộc trên bờ cõi Việt Nam đoàn kết chặt chẽ thành một khối

hy sinh không sợ nguy hiểm tranh lấy nền độc lập cho Tổ quốc”.

Thắng lợi ấy đã khẳng định đường lối, chủ trương đúng đắn, sáng suốt của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh, thể hiện khát vọng được độc lập, tự do của Nhân dân Việt Nam và khẳng định niềm tin tuyệt đối của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vào tinh thần yêu nước của Nhân dân ta. Đồng thời, đó cũng là sự biểu thị khát vọng dân chủ của Nhân dân và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bảy mươi lăm năm qua, Quốc hội Việt Nam đã trải qua 14 nhiệm kỳ hoạt động. Từ Quốc hội khóa I cho đến Quốc hội khóa XIV, dù ở mỗi thời điểm, hoàn cảnh lịch sử khác nhau nhưng từng nhiệm kỳ của Quốc hội đều có những đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung của đất nước, nhân dân. Quốc hội Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh, ngày càng thực hiện tốt hơn chức năng là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân; thực hiện các quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyền quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước; xứng đáng là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phấn đấu

vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trải qua các thời kỳ cách mạng, các thể chế đại biểu Quốc hội luôn thể hiện và phát huy tinh thần trách nhiệm, phẩm chất, trí tuệ, xứng đáng là đại biểu đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân; nhiều đại biểu đã chiến đấu anh dũng, hy sinh, cống hiến, góp phần to lớn vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong cả hành trình của mình, hoạt động của Quốc hội đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đạt được những thành tựu hết sức to lớn và vô cùng quan trọng. Qua hơn 30 năm đổi mới đất nước, đất nước đã có những chuyển biến và đạt được thành tựu quan trọng, có ý nghĩa lịch sử. Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, đặc biệt là từ sau Đại hội Đảng lần thứ VII (6/1991), khi Đảng tuyên bố xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh thì vị trí, vai trò của Quốc hội ngày càng tăng lên mạnh mẽ. Điều này không chỉ dừng ở việc chuẩn bị và tiến hành bầu cử Quốc hội ở các khóa (từ khóa VII đến khóa XIV và chuẩn bị bầu cử Quốc hội khóa XV vào ngày 23/5/2021 sắp tới) mà còn thể hiện ở việc đổi mới

tổ chức và hoạt động của Quốc hội trên nhiều mặt. Cùng với Hiến pháp 1980, Hiến pháp 1992 và gần nhất là Hiến pháp 2013, việc ban hành nhiều văn bản pháp luật thiết thực, phù hợp với nhu cầu của thực tiễn, đổi mới quy trình xây dựng pháp luật, nâng cao chất lượng luật; đổi mới các hoạt động giám sát để tăng cường hiệu lực, hiệu quả; chủ động xem xét và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; đồng thời tăng cường các hoạt động mở rộng quan hệ đối ngoại của Quốc hội với các nước, các tổ chức quốc tế vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, v.v.. đã làm cho Quốc hội ngày càng thể hiện rõ vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Có được kết quả đó, trước hết là do có sự lãnh đạo, có đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước; có sự nghiên cứu hoàn thiện không ngừng đối với hệ thống pháp luật, trong đó có pháp luật về bầu cử, tạo hành lang pháp lý quan trọng để bầu được những người đại biểu, người đại diện xứng đáng của Nhân dân, thay mặt Nhân dân trong cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, thực hiện có hiệu quả các chức năng quan trọng là lập pháp, giám sát tối cao, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước.

Dưới sự lãnh đạo của

Đảng, Quốc hội Việt Nam đã không ngừng mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy dân chủ, thực hiện tốt chức năng là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, cơ quan đại diện cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Truyền thống đoàn kết, vì dân, vì nước của Quốc hội khoá I do Chủ tịch Hồ Chí Minh hết lòng chăm lo xây dựng và phát triển đã đưa kháng chiến đến thắng lợi thì nhất định vẫn sẽ là một trong những nhân tố quan trọng để Quốc hội Việt Nam khóa XIV và các khóa tiếp theo đồng hành cùng dân tộc, thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa phát triển phồn vinh và hạnh phúc.

Ngày nay, Quốc hội vẫn luôn là hiện thân của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gắn bó chặt chẽ và có trách nhiệm với cử tri, luôn luôn đại diện cho ý chí và nguyện vọng của Nhân dân. Sự phát triển của Quốc hội là một quá trình liên tục kế thừa và không ngừng đổi mới, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của mỗi giai đoạn cách mạng Việt Nam. Sự lãnh đạo của Đảng luôn là nhân tố quyết định để Quốc hội

thực hiện đúng chức năng của mình, là tiền đề để đảm bảo cho Quốc hội phát huy vai trò của mình và xây dựng một cơ cấu thống nhất.

Nhìn lại 75 năm hình thành và phát triển của Quốc hội Việt Nam, chúng ta vui mừng vì cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất hoạt động ngày càng có hiệu quả, được nhân dân, cử tri cả nước tin nhiệm và đồng tình ủng hộ. Những thành tích mà chúng ta đạt được thật đáng trân trọng và tự hào, song, nhiệm vụ phía trước còn rất nặng nề. Chính vì vậy, đòi hỏi hoạt động của Quốc hội nói chung, mỗi Đoàn đại biểu Quốc hội nói riêng cần phải tiếp tục đổi mới, cải tiến hơn nữa để hoàn thành ngày càng tốt hơn các chức năng lập pháp, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân; sự hợp tác và giúp đỡ của bạn bè quốc tế; sự ủng hộ và giám sát của Nhân dân, Quốc hội nước ta sẽ tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng hào hùng của dân tộc, luôn là hiện thân của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xứng đáng

là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phấn đấu vì mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Kỷ niệm 75 năm Ngày Tổng tuyển cử đầu tiên bầu ra Quốc hội Việt Nam (06/01/1946 - 06/01/2021) là dịp để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta ôn lại lịch sử vẻ vang ngày ấy; ghi nhận những thành tựu và rút ra những bài học kinh nghiệm mà Quốc hội nước ta đã đạt được trong thời gian qua; góp phần nâng cao nhận thức của Nhân dân về Quốc hội và hoạt động của Quốc hội. Thành công của cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên xuất phát từ nhiều yếu tố nhưng những quy định trong các sắc lệnh đầu tiên về bầu cử cùng với thực tiễn tổ chức bầu cử đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Phát huy kinh nghiệm của các cuộc bầu cử qua 75 năm ra đời và hoạt động của Quốc hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với tinh thần trách nhiệm cao, cử tri và Nhân dân cả nước nhất định sẽ thực hiện thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026./.

*** Giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật**

BÁC HỒ VỚI TẾT CỔ TRUYỀN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

*ThS Ngô Thị Thu Hằng**

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng viết “Một năm khởi đầu từ mùa xuân”. Với Người, mùa xuân có ý nghĩa đặc biệt đối với đất nước, dân tộc và mỗi người dân Việt Nam. Vì vậy, mỗi khi Tết đến xuân về, Người đều dành trọn những lời thơ hay nhất, những lời ân cần giản dị nhất, những sự quan tâm thiết thực nhất đối với đồng bào mình.

Tết cổ truyền dân tộc (Tết Nguyên đán) *là lễ hội lớn nhất trong năm của dân tộc Việt Nam. Những nghi lễ, tập tục ngày Tết biểu hiện đậm nét văn hóa Việt Nam, chứa đựng tổng thể văn hóa tâm linh, văn hóa ứng xử, văn hóa giao tiếp, văn hóa nghệ thuật trong đời sống con người Việt Nam như thú chơi hoa đào, hoa mai, viết câu đối, tập tục gói bánh chưng, bánh tét, bày mâm ngũ quả, cỗ bàn, hoạt động vui chơi tập thể ... Hơn ai hết, Bác Hồ là người am hiểu sâu sắc ý nghĩa của các lễ nghi, phong tục ngày Tết luôn đậm nét văn hóa, phong tục cổ truyền của dân tộc Việt Nam.*

Trong 79 mùa xuân của Người có đến 30 mùa xuân Bác tha hương, gần nửa tuổi đời, Bác không được ăn Tết ở quê nhà. Bác Hồ chỉ có 15 cái Tết sum vầy với đồng bào miền Bắc.

Ở Chiến khu, Tết đến, Bác gói đồng tiền, đồng xu vào giấy hồng điều, mừng tuổi các cháu nhỏ, đi chúc Tết các cụ già. Về Hà Nội, Tết Độc lập đầu tiên (1946), tối 30 Tết, Bác đi thăm và chúc Tết một số gia đình ở Hà Nội. Từ mười giờ đêm, trong bộ áo the, khăn đóng, ngoài khoác áo dạ “ba-đơ-xuy”, cổ quấn khăn len, ông Vũ Kỳ - Thư ký riêng, đưa Bác “xuất hành, du Xuân” ra hồ Hoàn Kiếm, vào đền Ngọc Sơn xem đồng bào đi hái lộc, lên đền Bạch Mã. Sáng mùng một Tết, Bác bảo ông Kỳ lấy giấy bút để Bác “Khai



bút”. Từ đó, vào dịp Tết đến xuân về, năm nào Bác cũng đi chúc Tết đồng bào, chiến sĩ, Bác đến thăm nhà dân, đặc biệt là những gia đình nghèo. Về sau có điều kiện, vào dịp Tết, Bác đi thăm nhiều nơi hơn như đơn vị bộ đội, nhà máy, hợp tác xã nông nghiệp... để thăm hỏi, động viên, đồng thời Người cũng chỉ ra phương hướng, kế hoạch hành động, tiếp thêm sức mạnh, niềm tin cho một năm mới phát triển và thắng lợi.

Tết Độc lập đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, một nước vừa thoát khỏi hơn 80 năm ách thực dân. Đây là lần đầu tiên nhân dân cả nước được hưởng một mùa xuân mới mẻ, trọn vẹn và ý nghĩa. Khắp nơi người dân đều nghỉ đến Tết sớm hơn mọi năm. Đối với Bác, mặc dù bận trăm công nghìn việc của Chính phủ mới, nhưng Người vẫn không quên lo Tết cho đồng bào, chiến sĩ. Sáng 20-1-1946, Bác viết thư kêu gọi đồng bào nhân dịp Tết sắp đến “Dân tộc ta là một dân tộc giàu tình bác ái. Trong lúc này, toàn Tổ quốc, đồng bào ta, từ giàu đến nghèo, từ già đến trẻ, ai cũng sửa soạn ăn tết mừng xuân. Tôi kêu gọi đồng bào và các đoàn thể làm thế nào để chia sẻ cuộc vui Xuân mừng Tết với những chiến sĩ oanh liệt ở trước mặt trận, những gia quyến các chiến sĩ, những đồng bào nghèo, sao cho mọi người đều được hưởng các thú vui về Tết

Xuân đầu tiên của nước Việt Nam độc lập”.

Chiều hôm đó, Bác viết thư gửi các cháu thanh niên và nhi đồng toàn quốc nhân dịp Tết Nguyên đán năm 1946- những mầm non của Đảng, chủ nhân tương lai của đất nước. Bức thư ngắn gọn nhưng phơi phới sắc xuân, căng tràn sức trẻ : *“Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội...”* Người căn dặn các cháu phải thực hành đời sống mới, phải hăng hái, kiên quyết, không sợ khó, không sợ khổ ...để trở thành những công dân mới, xứng đáng với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Bác không quên lễ nghi, phong tục cổ truyền dân tộc, nhưng Người lại tìm cách làm mới nó cho phù hợp với cuộc sống hiện đại. Đặc biệt, Bác đã sáng tạo nên những tục lệ mới chỉ có trong văn hóa Tết của Hồ Chí Minh, mang đậm dấu ấn của Người.

Thứ nhất, mỗi năm Tết đến, xuân về Người đều làm thơ chúc Tết đồng bào. Có lẽ trên thế giới này, hiếm có vị nguyên thủ quốc gia nào gần dân, hiểu dân, thương dân như Bác. Bài thơ Chúc năm mới đầu tiên của Bác làm năm 1942, in trên báo Việt Nam Độc lập số 114, có đoạn:

“... Chúc đồng bào ta đoàn kết mau,
Chúc Việt Minh ta càng tấn tới!
Chúc toàn quốc ta trong năm nay,
Cờ đỏ sao vàng bay phấp phới...”

Tết Bính Tuất (1946), khi Bác đã là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bác chúc Tết đồng bào ở trong nước, kiều bào ở nước ngoài, chúc các cụ phụ lão, các cháu thanh niên, thiếu niên và nhi đồng yêu quý, các chiến sĩ đang chiến đấu ngoài mặt trận. Bức thư kết thúc bằng bốn câu thơ lục bát:

“Bao giờ kháng chiến thành công
Chúng ta cùng uống một chung rượu
đào.

Tết này ta tạm xa nhau,
Chắc rằng ta sẽ Tết sau sum vầy.”

“Thư chúc mừng năm mới” cuối cùng

Bác viết vào xuân Mậu Thân (1968). Cuối thư, Người viết:

“Xuân này hơn hẳn mấy Xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp nước nhà.
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ,
Tiến lên!

Toàn thắng ắt về ta!”

Lời thơ chúc Tết của Bác thật dung dị, nhưng sâu lắng hồn sông núi, là lời hiệu triệu, lời khích giục giải quân và dân cả nước tiến lên giành thắng lợi, để *“Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua. Thắng trận tin vui khắp nước nhà”*. Thật ra thư, thơ chúc Tết cũng là thông điệp đầu năm của nguyên thủ quốc gia. Bác Hồ đã khéo chọn một cách làm mới mẻ phù hợp với tâm lý nhân dân, sáng tạo nên một hình mẫu văn hóa Tết hiện đại, mà đậm đà bản sắc dân tộc.

Cuối cùng là một chương trình đi thăm và chúc Tết đồng bào, chiến sĩ. Đối với Bác, đây là một lễ tự nhiên bởi Người luôn quan niệm nước Việt Nam là đại gia đình của Người. Người về với nhân dân cũng là về với gia đình ruột thịt của mình. Không chỉ vậy, Bác còn luôn xác định việc đón tết cùng với đồng bào sẽ là cơ hội tốt để Người hiểu được đầy đủ đời sống của nhân dân, những niềm vui, nỗi buồn cũng như trực tiếp lắng nghe những tâm tư, tình cảm, ước mơ, khát vọng, niềm tin của nhân dân trước thềm năm mới. Bác Hồ thường nói: *“Đấu tranh giành được độc lập rồi nhưng chỉ độc lập thực sự khi nhân dân được hưởng ấm no hạnh phúc”*. Vì quan niệm về độc lập, về sự ấm no hạnh phúc của nhân dân đơn giản nhưng sâu sắc ấy mà gần như năm nào Bác cũng đi chúc tết đồng bào. Xuất phát từ tình thương bao la của Người, nhiều cuộc gặp gỡ giữa Bác với người lao động, đặc biệt là người nghèo, đầy xúc động và ấm tình người.

Tết Kỷ Dậu (1969), có lẽ linh cảm đây là cái Tết cuối cùng của mình nên dù sức khỏe giảm sút nhiều, Bác Hồ vẫn đặt chương trình

đi thăm, chúc Tết nhiều nơi và đi trồng cây. Để không ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của Bác, các đồng chí ở văn phòng phục vụ Bác đã khéo sắp xếp theo mong muốn của Người. Sáng ngày 16-2-1969 (tức ngày mừng 1 Tết Kỷ Dậu), Bác đi thăm bộ đội Quân chủng Phòng không - Không quân ở Bạch Mai. Tiếp đó, Người về thăm và trồng một cây đa ở xã Vật Lại, huyện Ba Vì, Hà Tây. Đây cũng là lần cuối cùng và là cây cuối cùng Bác trồng để gieo mầm cho sự sống đời sau.

Sáng tạo văn hóa Tết mới thứ hai của Người đối với tết cổ truyền dân tộc là Tết trồng cây. Tiếp thu truyền thống tốt đẹp của dân tộc, Bác Hồ rất thích trồng cây. Từ khi hoạt động ở Thái Lan cho đến khi về nước làm việc ở chiến khu Việt Bắc hay ở Thủ đô Hà Nội, Bác đều không quên “tăng gia sản xuất” và trồng cây. Bác tự mình làm trước và kêu gọi mọi người cùng làm. Ngày 28/1/1959, lấy bút danh Trần Lực, Bác viết bài Tết trồng cây đăng trên báo Nhân dân kêu gọi toàn dân hưởng ứng một tháng trồng cây, vào mùa Xuân (từ 6/1 đến 6/2/1960) nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập Đảng. Đợt trồng cây này gọi là “Tết trồng cây”, mở đầu cho việc trồng cây quanh năm. Đồng bào ta náo nức hưởng ứng lời kêu gọi của Bác. Những “Đồi cây Bác Hồ”, “Vườn cây Bác Hồ” phát triển khắp nơi. Từ ấy, “Tết trồng cây” được duy trì liên tục đến nay, trở thành một phong tục mới, một nét văn hóa Tết mới.

Trong dịp “Tết trồng cây” (1965) Bác viết 2 câu thơ: *“Mùa Xuân là tết trồng cây. Làm cho đất nước càng ngày càng Xuân”*. Đối với Bác Hồ, trồng cây gây rừng không chỉ là “Thập niên chi kế” (Kế sách 10 năm), mà còn có ích lợi to lớn cho kinh tế và quốc phòng, cao hơn nữa là một tư tưởng nhân văn. Ngày nay, nhân loại đang phải đối phó với sự biến đổi khí hậu toàn cầu, phấn đấu cho một trái đất xanh, chúng ta càng nhận rõ tầm nhìn xa, trông rộng, tư tưởng lớn của Bác. Đậm sâu

trong suy nghĩ của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn là quan điểm về một cái Tết cổ truyền dân tộc vui tươi, đậm đà bản sắc mà không xa hoa, lãng phí. Với việc mừng Tết Nguyên Đán, đã có lần Bác căn dặn: *“Mừng xuân mừng cả thế gian. Phải đâu lãng phí cổ bàn mới xuân”*.

Xuân Tân Sửu 2021, lại thêm một mùa Xuân nữa đồng bào cả nước không còn được nghe Bác Hồ kính yêu đọc thơ chúc Tết vào thời khắc giao mùa giữa năm cũ và năm mới. Song những hình ảnh của Người với ngày Tết cổ truyền của dân tộc cùng tình yêu thương bao la của Bác vẫn còn mãi với non sông đất nước, vẫn mãi trường tồn trong lòng dân tộc, trong trái tim những người con đất Việt. Tết đến, xuân về, bồi hồi nhớ Bác chúng ta lại càng biết ơn Người, bởi chính Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đã mang đến mùa xuân lớn lao nhất cho đất nước, dân tộc. Trải qua nhiều thăng trầm của lịch sử, nhưng mỗi năm Tết đến, xuân về, toàn dân tộc Việt Nam vẫn rộn ràng niềm vui, niềm tự hào “Mừng Đảng, Mừng Xuân”. Chào đón một mùa Xuân mới, mừng đất nước đổi mới, mừng Đảng quang vinh, chúng ta lại càng nhớ ơn Bác Hồ kính yêu, càng có thêm sức mạnh, động lực, niềm tin để vững bước trên con đường mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn, quyết tâm “xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” như Bác hằng mong muốn./.

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 4, tr.161.

(2) Trần Viết Hoàn: Đạo đức Bác Hồ-tám gương soi sáng cho muôn đời, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.23.

(3) Ban Tư tưởng – Văn hoá Trung ương, Một số lời dạy và mẫu chuyện về tám gương tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch.

(4) Hồ Chí Minh, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2007, tr.157.

* *Giảng viên khoa Xây dựng Đảng*



GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG BIỂU TƯỢNG VỀ TRUYỀN THỐNG “UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN” CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM.

*Cần Hoàng Vân Hương**

“Dù ai đi ngược về xuôi Nhớ ngày Giỗ Tổ mùng mười tháng Ba”

Câu ca dao trên từ bao đời nay như đã in sâu vào tiềm thức của mỗi người dân Việt Nam, kể cả những Kiều bào đang xa quê hương. Ngày 02/4/2007, Quốc Hội đã phê chuẩn cho người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương ngày Giỗ Tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch). Từ đó, ngày 10/3 âm lịch hàng năm đã trở thành ngày Quốc lễ, mang ý nghĩa bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

UNESCO đánh giá: “Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương” đã đáp ứng được tiêu chí quan trọng nhất trong 5 tiêu chí, đó là, di sản có giá trị nổi bật mang tính toàn cầu, khích lệ ý thức chung của mọi dân tộc trong việc thúc đẩy giá trị đó. Vì vậy, ngày 6/12/2012, UNESCO đã chính thức công nhận “Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ”, biểu tượng của tinh

thần đại đoàn kết, truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Ngày Giỗ tổ Hùng Vương được mỗi người con Việt Nam nhắc đến như một niềm tự hào về truyền thống uống nước nhớ nguồn và tinh thần đại đoàn kết dân tộc.

Trong tiến trình hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, các triều đại phong kiến Việt Nam đều duy trì tín ngưỡng thờ cúng Vua Hùng, như để nhắc nhở về nguồn cội và truyền thống về vang của cha ông ta. Theo ghi chép, nhiều vị vua đã từng xác lập “ngọc phả” về thời đại Hùng Vương, khẳng định vai trò to lớn của các Vua Hùng đối với non sông đất nước. Niên hiệu Thiên Phúc nguyên niên tức năm 986 dưới triều Lê Đại Hành, có bản Nam Việt Hùng Vương ngọc phả vĩnh truyền, còn gọi là Cổ Việt Hùng thị thập bát thế thánh vương ngọc phả cổ truyền.

Đây là lần đầu trong lịch sử xuất hiện tài liệu ghi chép một cách tường tận, chi tiết về 18 đời Vua Hùng, sau được sao lại vào năm Khải Định thứ 4 (1919). Bản ngọc phả viết thời Trần, năm 1470 đời vua Lê Thánh Tông và đời vua Lê Kính Tông năm 1601 sao chép đóng dấu kiểm để tại Đền Hùng, nói rằng: “Từ nhà Triệu, nhà Đinh, nhà Lê, nhà Lý, nhà Trần đến triều đại ta bây giờ là Hồng Đức Hậu Lê vẫn cùng hương khói trong ngôi đền ở làng Trung Nghĩa. Những ruộng đất từ xưa để lại dùng vào việc cúng tế vẫn không thay đổi...”

Cho đến những năm kháng chiến gian nan chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, truyền thống thờ cúng Vua Hùng vẫn được nhân dân ta duy trì. Ngày lễ Giỗ Tổ vẫn được Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm, đã nhiều lần về thăm viếng Đền Hùng.

Trong ngày Giỗ Tổ năm Bính Tuất (1946) - năm đầu tiên của Chính phủ mới được thành lập, cụ Huỳnh Thúc Kháng - Quyền Chủ tịch nước đã dâng một tấm bản đồ Tổ quốc Việt Nam và một thanh gươm quý nhằm cáo với Tổ tiên về đất nước bị xâm lăng và cầu mong Tổ tiên phù hộ cho quốc thái dân an, thiên hạ thái bình cùng nhau đoàn kết, đánh tan giặc xâm lược, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã có hai lần về thăm Đền Hùng. Ngày 18/9/1954, Bác từ Thái Nguyên sang Đền Hùng nghỉ lại một đêm, sáng ngày Bác gặp các chiến sĩ Sư đoàn 308 trước khi về tiếp quản Thủ đô, Bác căn dặn bộ đội: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Người còn nhắc: “Phải chú ý bảo vệ, trồng thêm hoa, thêm cây cối để Đền Hùng ngày càng trang nghiêm và đẹp đẽ, thành công viên lịch sử cho con cháu sau này đến tham quan”.

Sau khi đất nước giành được hòa bình, trong quá trình đổi mới đất nước, đẩy mạnh

công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Đảng chủ trương xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, ngày Giỗ tổ Hùng Vương cũng như Lễ hội đền Hùng lại càng có ý nghĩa đặc biệt trong việc giữ gìn bản sắc dân tộc, đồng thời trở thành niềm tự hào của nhân dân Việt Nam trong và ngoài nước với bạn bè quốc tế. Không chỉ riêng tỉnh Phú Thọ, các tỉnh thành trên mọi miền Tổ Quốc cũng đã có những di tích thờ cúng Hùng Vương và các nhân vật thời vua Hùng. Hiện cả nước có khoảng hơn 1400 di tích thờ cúng. Bên cạnh đó, nhiều nơi cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài cũng đã lập cơ sở thờ cúng, tưởng nhớ Hùng Vương.

Câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước” cho đến ngày nay vẫn như lời căn dặn thế hệ này và nhiều thế hệ mai sau nữa, phải ghi nhớ, khắc sâu công ơn của các Vua Hùng, toàn dân tộc phải cùng nhau đoàn kết mọi sức mạnh để bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam và xây dựng phát triển đất nước.

Hàng năm, Lễ hội Đền Hùng đều được tổ chức với quy mô khác nhau và được Nhà nước tổ chức lớn vào những năm chẵn. Bao gồm phần lễ và phần hội. Phần lễ gồm hai lễ: Lễ rước kiệu Vua và lễ dâng hương. Phần hội gồm nhiều trò chơi dân gian như: cuộc thi hát xoan, một hình thức dân ca đặc biệt của Phú Thọ, những cuộc thi vật, thi kéo co, hay thi bơi chải ở ngã ba sông Bạch Hạc, nơi các vua Hùng luyện tập các đoàn thủy binh luyện chiến.

Tại tỉnh Lâm Đồng, trong những năm qua, vào mỗi dịp Giỗ Tổ Hùng Vương, tỉnh đều tổ chức Lễ Giỗ Tổ tại Đền thờ Âu Lạc – Khu du lịch Thác Prenn, thành phố Đà Lạt cùng các hoạt động tuyên truyền, cổ động về ý nghĩa của ngày Giỗ Tổ, về truyền thống uống nước nhớ nguồn, truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Một số huyện

trên địa bàn tỉnh có Đền thờ Quốc Tổ Hùng Vương cũng tổ chức lễ rước kiệu, dâng hương và các hoạt động khác. Trong dịp này, tại các trung tâm hành chính, trụ sở cơ quan, đơn vị trực thuộc, các hộ dân trên toàn tỉnh đều treo cờ Tổ quốc để tỏ lòng thành kính, biết ơn.

Trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 trên toàn cầu, Lễ hội Đền Hùng được tổ chức phần Lễ, không tổ chức phần Hội. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Phú Thọ đã thay mặt nhân dân cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài tổ chức trọng thể Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương và dâng hương tưởng niệm các Vua Hùng. Lâm Đồng cũng như các tỉnh thành khác trên cả nước cũng đều tổ chức dâng hương và không tổ chức lễ hội. Tuy nhiên, không vì thế mà mất đi tính trang nghiêm, thành kính của nhân dân cả nước đối với dịp Quốc lễ này.

Đối với năm 2021, Ban Tuyên giáo Trung ương đã ban hành Hướng dẫn tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng trong năm 2021. Trong đó, dịp Giỗ Tổ Hùng Vương (mùng 10 tháng 3 âm lịch) được Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn tổ chức và tuyên truyền như sau:

Về nội dung tuyên truyền, gồm:

- Truyền thống lịch sử thời đại Hùng Vương, Giỗ Tổ Hùng Vương, Lễ hội Đền Hùng; giáo dục các thế hệ người Việt Nam, nhất là thế hệ trẻ hướng về cội nguồn của dân tộc, tri ân các Vua Hùng đã có công dựng nước và các bậc tiền nhân có công lao to lớn trong công cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Tuyên truyền, giới thiệu các giá trị truyền thống, lịch sử, văn hóa của đất nước và con người Việt Nam được vun đắp, hình thành từ thời đại Hùng Vương, trong đó có việc bảo tồn và phát huy các di sản, di tích thời đại Hùng Vương; cổ vũ các tầng lớp nhân dân trong nước và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hướng về cội nguồn dân tộc,

chung sức, đồng lòng xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp và phồn vinh.

- Tuyên truyền về tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đại đoàn kết toàn dân tộc; tôn vinh tập thể, cá nhân có những công lao, đóng góp đối với việc xây dựng, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là trong giai đoạn đổi mới đất nước, hội nhập quốc tế hiện nay.

Về các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm:

- Tại Phú Thọ: Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Phú Thọ tổ chức lễ dâng hương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ là Chủ lễ dâng hương.

- Các tỉnh, thành phố có di tích, đền thờ Vua Hùng tổ chức dâng hương tưởng niệm.

- Các tỉnh, thành phố không có di tích, đền thờ tập trung chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền trên báo chí, trang thông tin điện tử, các phương tiện thông tin, cổ động trực quan.

Qua đó, có thể thấy, các hoạt động được Đảng, Nhà nước tổ chức hàng năm vào dịp Giỗ tổ Hùng Vương thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước trong việc duy trì tín ngưỡng thờ cúng Vua Hùng, thể hiện lòng biết ơn cội nguồn qua mỗi thời kỳ, mỗi thế hệ người dân Việt Nam. Giỗ Tổ Hùng Vương không chỉ là một ngày lễ thiêng liêng của dân tộc ta, là dịp để người con đất Việt thể hiện lòng thành kính đối với Tổ tiên, thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn” và tinh thần đoàn kết dân tộc, mà còn trở thành biểu tượng văn hóa của dân tộc Việt Nam, là dịp quan trọng để chúng ta quảng bá ra thế giới về một Di sản vô cùng giá trị, độc đáo, đã tồn tại hàng nghìn năm, ăn sâu vào tâm hồn, tình cảm, trở thành đạo lý truyền thống của đồng bào cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài./.

*** Giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật**

ĐIỂM TỰA CHO NGƯỜI DÂN VÙNG BIÊN

*Nguyễn Thị Thành Minh**

Trải qua 62 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, Bộ đội Biên phòng luôn nhận rõ trách nhiệm, trung thành tuyệt đối với Đảng, tận tụy với nhân dân, khẳng định rõ vị trí, vai trò là lực lượng nòng cốt, chuyên trách trong quản lý, bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, an ninh, trật tự biên giới quốc gia.

Biên giới Tổ quốc ta được hình thành và tạo dựng qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Các thế hệ cha ông đã đổ biết bao nhiêu sương máu để có được cuộc sống hòa bình ấm no hạnh phúc như ngày hôm nay. Xây dựng, quản lý và bảo vệ biên giới có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự toàn vẹn lãnh thổ chủ quyền quốc gia, góp phần giữ vững sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế xã hội, tăng cường quốc phòng và an ninh đất nước.

Thấm nhuần tư tưởng dựng nước và giữ nước của ông cha ta, xuất phát từ vị trí và tầm quan trọng của biên giới quốc gia, ngày 03 tháng 3 năm 1959, lực lượng vũ trang chuyên trách công tác biên phòng và bảo vệ nội địa ra đời, lấy tên là *Công an nhân dân Vũ trang*, đặt dưới sự lãnh đạo của Bộ Công an. Ngày này được lấy làm ngày thành lập Bộ đội Biên phòng.

Dù trong thời chiến hay khi hòa bình, hình ảnh những người lính Biên phòng luôn gợi lên xúc cảm những mát mát, hy sinh vì toàn vẹn lãnh thổ và độc lập tự do của dân tộc. Vượt lên những khó khăn thử thách, Bộ đội Biên phòng luôn tỏ rõ bản chất của một đội quân cách mạng, là điểm tựa vững chắc cho nhân dân, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, xứng đáng là đội quân từ nhân dân mà



ra, vì nhân dân mà chiến đấu.

Không chỉ chinh chiến nơi đầu sóng ngọn gió, những người lính Biên phòng còn triển khai nhiều hoạt động thiết thực giúp đỡ nhân dân vùng biên giới. Ra sức giúp nhân dân làm tốt công tác tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tham gia xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, tận tình giúp đỡ nhân dân đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, văn hóa để bà con yên tâm định cư, làm ăn, sinh sống, góp phần làm cho diện mạo khu vực biên giới ngày càng khởi sắc, lòng tin của nhân dân đối với Đảng ngày càng bền chặt.

Bộ đội Biên phòng thực sự là một “Đội quân chiến đấu”, “Đội quân công tác”, “Đội quân dân vận”. Các chiến sĩ đã làm công tác dân vận rất tốt, có nhiều mô hình, cách làm sáng tạo. Đồng thời ở nơi biên giới khi trái gió, trời trời; phụ nữ có thai lúc trở mình, trở dạ,... đều có sự giúp đỡ của Bộ đội Biên phòng. Những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn ở các bản làng trên địa bàn đóng quân được các chiến sĩ đưa về chăm lo tận tình, chu đáo từ cái ăn, cái mặc, con chữ đến nơi ở. Những

công việc đòi thường của các chiến sĩ đã khắc sâu câu nói thân thuộc “Đồn là nhà, biên giới là quê hương, đồng bào các dân tộc là anh em ruột thịt”.

Những ngày qua cả hệ thống chính trị tham gia phòng chống dịch Covid -19 thì lực lượng Biên phòng cũng đóng góp quan trọng, kiểm soát tình hình địa bàn biên giới, cán bộ chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đã ngày đêm căng sức, là lá chắn vững chắc trên tuyến đầu ngăn chặn, phòng ngừa hiệu quả với dịch bệnh và tội phạm từ bên ngoài xâm nhập vào nước ta. Thành lập nhiều tổ chốt chặn ở các đường mòn lối mở trên biên giới cửa khẩu với quyết tâm kiểm soát tốt, không để xuất nhập cảnh trái phép, hạn chế thấp nhất dịch bệnh lây lan. Các cán bộ chiến sĩ Bộ đội Biên phòng còn tuyên truyền cho người dân biên giới hiểu rõ về sự nguy hiểm của dịch bệnh, cách phòng chống. Tuy nhiên với những đối tượng vượt biên trái phép, lực lượng biên phòng cũng phải kiên trì, thuyết phục để các đối tượng hiểu rõ hậu quả của việc này.

Phần lớn cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đóng quân ở nơi biên giới, hải đảo; công tác, chiến đấu sinh hoạt ở những nơi xa xôi, hẻo lánh, môi trường khắc nghiệt, điều kiện sinh hoạt có nhiều khó khăn, nhiệm vụ của các chiến sĩ rất quan trọng, rất vẻ vang, nhưng cũng rất nặng nề. Bộ đội Biên phòng gắn bó máu thịt với nhân dân các dân tộc, “cùng ăn, cùng ở với đồng bào”, đóng quân ở nhưng nơi “chân đạp mây bay, tóc vờn gió núi”, phải xa gia đình, xa vợ con, điều kiện để quan tâm, chăm sóc cha mẹ rất hạn chế. Chính môi trường khắc nghiệt, gian khổ đó đã tôi luyện nên những anh lính Biên phòng quân hàm xanh, tô thêm hình ảnh Bộ đội Cụ Hồ.

Hiện nay, trên các mặt trận đấu tranh phòng chống các loại tội phạm đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới của Bộ đội Biên phòng thời

gian qua cũng gặp nhiều bất cập do còn có sự chồng chéo, vướng mắc trong hoạt động thực thi pháp luật tại biên giới, cửa khẩu giữa các lực lượng. Tuy nhiên, ngày 11/11/2020, Quốc hội đã tiến hành biểu quyết thông qua Luật Biên phòng Việt Nam. Việc Luật Biên phòng Việt Nam chính thức có hiệu lực sẽ tạo cơ sở pháp lý vững chắc, đáp ứng tốt các mục tiêu đặt ra trong xây dựng Luật. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, cơ quan, tổ chức, cá nhân; Xây dựng lực lượng bảo vệ biên giới, toàn dân rộng khắp, nhân dân là chủ thể, lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Bộ đội biên phòng là lực lượng chuyên trách, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; xây dựng nền biên phòng toàn dân vững mạnh, ổn định lâu dài trong nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc ở khu vực biên giới, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới.

Suốt chặng đường phấn đấu gian khổ nhưng rất vinh quang, qua 62 năm chiến đấu không mệt mỏi trên mọi miền biên cương của Tổ quốc, trung thành, tận tụy, dũng cảm, kiên cường trong sự nghiệp bảo vệ biên giới. Phát huy truyền thống đó, Bộ đội Biên phòng đã, đang và sẽ luôn là điểm tựa vững chắc cho người dân vùng biên, tiếp tục đồng cam cộng khổ, đoàn kết một lòng, gắn bó máu thịt với nhân dân. Không ngừng phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó. Vững niềm tin cho sự nghiệp bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới; tạo sức mạnh lan tỏa mạnh mẽ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ngày càng tươi đẹp hơn./.

*** Giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật**

MỘT SỐ KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM 2020

*ThS Lê Viết Lâm**

Năm 2020, Trường Chính trị Lâm Đồng đã phấn đấu và hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị do Tỉnh ủy và UBND tỉnh giao. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ nhà trường luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự phối hợp có hiệu quả của các sở, ban, ngành cũng như của Học viện và các địa phương, các cơ sở liên kết đào tạo.

Tập thể Đảng ủy, Ban Giám hiệu, viên chức, người lao động trong toàn trường luôn đoàn kết, thống nhất; đề cao tinh thần trách nhiệm, vượt quá khó khăn, thách thức hoàn thành tốt nhiệm vụ. Với kết quả đạt được như sau:

Thứ nhất, về công tác đào tạo, bồi dưỡng

Tổng số lớp đã thực hiện trong năm 2020 là 83 lớp với 6.841 học viên, gồm:

- Các lớp đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC theo Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao: 73 lớp với 6.270 học viên;

+ Cao cấp LLCT, Đại học: 04 lớp, 294 học viên;

+ Trung cấp LLCT-HC, hệ tập trung: 076 lớp, 313 học viên;

+ Trung cấp LLCT-HC, hệ không tập trung (Tại trường): 08 lớp, 576 học viên;

+ Bồi dưỡng theo ngạch chuyên viên, chuyên viên chính: 04 lớp, 208 học viên;

+ Bồi dưỡng kiến thức QLNN trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng: 05 lớp, 311 học viên;

+ Bồi dưỡng ngắn hạn: 36 lớp, 3548 học viên.

- Các lớp liên kết tại huyện và xã hội hoá là: 19 lớp, với 1.591 học viên

+ Trung cấp LLCT-HC, hệ không tập trung (Tại huyện): 09 lớp, 689 học viên;

+ Bồi dưỡng kiến thức QLNN trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng: 07 lớp, 688 học viên;

+ Bồi dưỡng kỹ năng thực thi nhiệm vụ; bồi dưỡng văn hóa công sở và đạo đức công vụ: 02 lớp, 180 học viên;

+ 01 lớp liên kết theo hình thức xã hội hóa chuyên ngành luật với 34 học viên.

Thứ hai, về hoạt động nghiên cứu khoa học

Đề tài nghiên cứu khoa học: Nghiệm thu và đưa vào áp dụng 01 đề tài khoa học cấp cơ sở “Xây dựng phần mềm quản lý đào tạo của trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng”. Tiếp tục triển khai thực hiện 02 đề tài khoa học cấp cơ sở.

Công tác biên soạn, xuất bản: Nghiệm thu 03 tài liệu: Bồi dưỡng về đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp hành chính; Bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ Hội Nông dân cơ sở;

Biên tập và xuất bản 02 số Bản tin “Thông tin lý luận và thực tiễn”: Số 61, 62.

Hội thảo khoa học: Phối hợp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức Tọa đàm khoa học cấp tỉnh “Bác Hồ - Nín tin sắc son” nhân kỷ niệm 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Biên tập 01 Kỷ yếu khoa học kỷ niệm 150 năm Ngày sinh của V.I. Lênin.

Ngoài ra, Nhà trường tổ chức thành công Hội thi giảng viên dạy giỏi cấp trường lần thứ VII năm 2020 vào tháng 3/2020./.

*** Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học**

Một số hình ảnh về hoạt động của Nhà trường



Đ/c Phạm Kim Quang, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng phát biểu khai giảng lớp đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính Khóa 33, hệ tập trung.

Đoàn cán bộ, giảng viên, chuyên viên Nhà trường đi nghiên cứu thực tế tại Nhà máy thủy điện Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận



Giải bóng chuyền chào mừng kỷ niệm 38 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982 - 20/11/2020)

Chúc
mừng
Năm Mới



AN KHANG
THỊNH VƯỢNG
HẠNH PHÚC
BÌNH AN